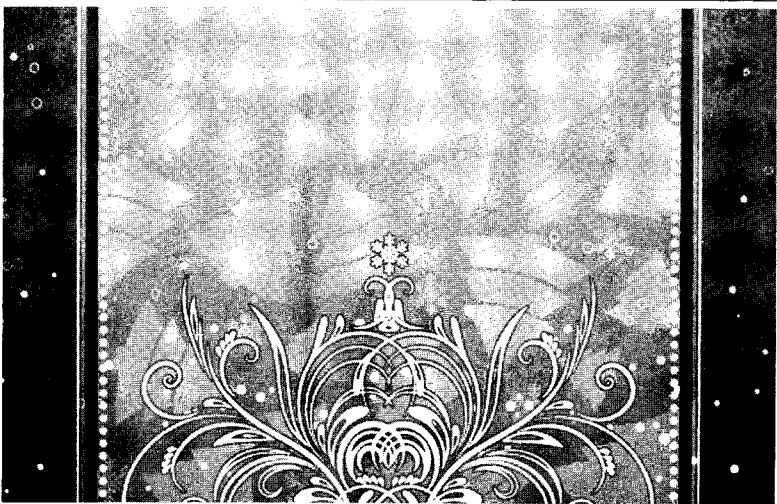


LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 28



Phẩm Thứ Nhất (TIẾP THEO)



Lục Thông (Sáu Thần Thông)

KINH:

Này Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma-ha-tát muốn trú sáu thần thông phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Hỏi: Trước đây nói Bồ tát được 5 thần thông. Sao nay lại nói “Bồ tát muốn trú 6 thần thông phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật”?

Đáp: Bồ tát đã được 5 thần thông rồi. Nay muốn trú 6 thần thông, muốn được thêm thần thông thứ 6 thì phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì thần thông thứ 6 là Lậu Tận Thông, nên rất khó được vậy. Phải có được Lậu Tận không mới được như Phật.

- Khi lậu đã tận mà tập chưa tận thì chỉ được 5 thần thông mà thôi. Phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật mới có được thần thông thứ 6.

- Khi cả lậu lẫn tập đều tận thì mới có được thần thông thứ 6 là Lậu Tận Thông vậy.

Hỏi: Phàm phu do ái tương tục mà có thọ sanh thân. Bồ tát đã được lậu tận rồi, vì sao còn thọ sanh thân nữa?

Đáp: Trước đây đã có nói rằng Bồ tát, vào Bồ tát vị rồi, là vào được bất thối chuyển địa. Lúc bấy giờ chẳng còn có các nghiệp báo dẫn thọ sanh vào 3 cõi, như chúng sanh nữa. Tuy nhiên, vì đại nguyện độ sanh mà Bồ tát còn lưu các tập khí phiền não. Bởi nhân duyên vậy, nên dù đã được Pháp Tánh thân rồi, Bồ tát vẫn thọ sanh thân vào trong 3 cõi sống chung với chúng sanh, để tùy duyên hóa độ họ. Như vậy, Bồ tát do nguyện lực mà thọ sanh thân, chẳng phải do nghiệp dẫn nên chẳng bị thân trôi buộc.

Hỏi: *Vì sao các vị A-la-hán, tận phiền não chưa tận tập khí, mà chẳng thọ sanh thân như Bồ tát?*

Đáp: Các vị A-la-hán do chưa có đầy đủ tâm đại bi, chẳng có đại thệ nguyện độ chúng sanh nên tự tác chứng Niết bàn, ly sanh tử.

Trên đây đã nói 2 trường hợp lậu tận. Các vị Bồ tát lậu tận mà tập chưa tận thì phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Hỏi: *Bồ tát hóa hiện các thần thông phải thứ lớp y theo một tiến trình nhất định chăng?*

Đáp: Chẳng có y theo tiến trình nhất định nào cả. Bồ tát ly 5 dục, được các thiền định rồi, khởi tâm từ bi thương xót chúng sanh mà tùy duyên hóa hiện các thần thông, khiến chúng sanh có được tâm thanh tịnh. Vì sao? Vì có hóa hiện ra các sự việc hy hữu mới khiến nhiều chúng sanh khởi được tín tâm thanh tịnh, nhờ vậy mà dễ độ họ hơn.

Ở nơi sắc tướng thô trọng, Bồ tát thường phát đại tâm dũng mãnh, tinh tấn, dùng trí huệ quán chiếu tâm niệm chúng sanh, dùng thần thông để nhiếp độ họ. Có lúc Bồ tát hiện “hư không khinh tướng”, cử thân nhẹ nhàng bay bổng lên không trung, có lúc Bồ tát biến hiện ra các vật như biến đất thành

nước, nước thành đất, gió thành lửa, lửa thành gió v.v...

Hỏi: *Tu Thần Thông và tu Nhất Thiết Nhập có gì khác nhau không?*

Đáp: Tu Nhất Thiết Nhập cũng vào được định xứ, nhưng định xứ ấy chỉ tự mình biết mà thôi. Ví như tự mình thấy mình biến đất thành nước, nước thành đất v.v... còn những người bên ngoài chẳng thấy, chẳng biết gì cả. Trái lại, với thần thông thì sự biến hiện trở thành hiện thực, khiến mọi người ở bên ngoài đều có thể thấy, có thể biết được cả.

Bởi vậy nên hai lối tu Nhất Thiết Nhập và tu Thần Thông có định lực hoàn toàn khác nhau.

Hỏi: *Cả hai định đều có công năng biến hóa. Như vậy các sự vật được biến hóa ra đó là thật hay giả? Nếu là thật thì làm sao có thể tin được rằng đất biến thành nước, nước biến thành đất, đồng trở thành vàng...? Nếu là giả thì vì sao các bậc Thánh Hiền lại làm những việc chẳng phải thật như vậy?*

Đáp: Tất cả các sự biến hóa ấy đều là thật cả. Các bậc Thánh Hiền đã tận đoạn các phiền não kiết sử nên thấy rõ các pháp đều chẳng có định tướng. Do vậy mà có thể biến chuyển đất thành nước, nước thành đất v.v... ví như nước lỏng, khi gặp khí lạnh kết thành băng đá, khi được đun sôi lại biến thành hơi, lại như vàng là chất rắn, khi được nung lên ở nhiệt độ cao biến thành vàng lỏng v.v... Như vậy các sự biến hóa vàng thành đồng, đồng thành vàng v.v... cũng đều có thể có được vậy.

Lại nữa, tâm thức của một người luôn luôn biến đổi, tùy theo cảnh sở duyên. Một người có lúc ác, có lúc thiện, có lúc vui, có lúc buồn, có lúc thương, có lúc ghét... cho nên tâm thức của chúng sanh cũng như hết thảy các pháp đều chẳng có định hướng.

Vì các pháp chẳng có định hướng, nên các bậc Thánh Hiền mới có thể dùng sức thần thông biến hóa ra các sự vật. Các sự biến hóa như vậy chẳng phải là không thật. Vì sao? Vì các bậc Thánh Hiền đã được thần thông, nên ở nơi 6 trần đều được tự tại, đều có thể tùy ý biến hiện, do tất cả đều bình đẳng. Bồ tát do hành tâm xả nên quán hết thấy các pháp với tâm bình đẳng. Xấu tốt, thương ghét, khen chê v.v... tất cả đều bình đẳng, chẳng có phân biệt.

-o0o-

Chỉ có Phật mới có thần thông, còn Bồ tát thì trong ba phần mới chỉ có một hoặc hai mà thôi.

Ví như Bồ tát có thể dùng “khinh thân” đi đến các cõi Phật mà chưa thể nghe hết các âm thanh cực nhỏ của các côn trùng.

-o0o-

Trong kinh có nói:

Trước hết tu Thiên nhãn, chỉ mới thấy được chúng sanh mà chưa nghe được tiếng, phải tu thêm Thiên nhĩ mới nghe được tiếng của chúng sanh. Khi đã thấy được thân hình của chúng sanh, nghe được tiếng của chúng sanh rồi, mà chưa rõ được tâm niệm của họ vui buồn, thương ghét... ra sao, chưa rõ được chúng sanh khổ lạc... ra sao, thì còn phải tu Từ Vô ngại trí để phân biệt tiếng của mỗi loài chúng sanh, rồi lại còn phải tu Tha Tâm Trí để biết rõ tâm niệm của họ. Muốn biết họ từ đâu đến thì phải tu Túc Mạng Thông. Khi đã biết họ từ đâu đến rồi thì còn phải trị tâm bệnh của họ, nên phải tu Lậu Tận Thông.

Ngoài ra nếu chưa hàng phục được những người có nhiều tà kiến, mà lại có đại phước đức thì phải tu Như ý Thần Thông. Vì sao? Vì tâm chúng sanh có thô, có tế. Tâm thô thì nhiều và dễ biết, tâm tế mà lại có đại phước đức thì rất khó có thể biết được. Do vậy mà phải dùng Như Ý Thần Thông mới có thể nhiếp phục họ được. Thần thông này nhiếp cả thô lẫn tế.

Phật tùy thuận chúng sanh, chỉ bày thứ lớp trong việc tu các thần thông. Ví như trong đêm thành Đạo, vào đầu đêm, Phật tu Thiên Nhân Thông, rồi lần lượt tu Như Ý Thông, Túc Mạng Thông, chứng Túc Mạng Minh, vào giữa đêm lại tu Thiên Nhĩ Thông, Thiên Nhân Thông, chứng Thiên Nhân Minh, vào cuối đêm tu Tha Tâm Thông và chứng Lưu Tận Minh.

Hỏi: Ở nơi các pháp, Bồ tát đều được tự tại, nên đối với Bồ tát thì việc tu hành chẳng phải là vấn đề khó dễ, chỉ có phàm phu mới thấy có khó có dễ. Sao nay lại nói Bồ tát cũng thứ lớp tu các thần thông như vậy?

Đáp: Đối với Bồ tát tất cả các pháp đều dễ tu cả. Chỉ có phàm phu căn độn, trí mỏng mới cho pháp này khó tu, pháp kia dễ tu vậy. Trong đêm thành Đạo, Bồ tát Thích Ca Mưu Ni đã thứ lớp tu các thần thông như sau:

- Lúc ban đầu, Bồ tát dùng Thiên Nhân Thông thấy các Ma Vương đem binh đến quấy phá. Bồ tát dùng thần thông lực biến các binh khí của ma quân trở thành chuỗi an lạc, chẳng còn gây tác hại nữa.

- Hàng phục được ma vương, ma quân rồi, Bồ tát lại niệm “thân ta đã có đại lực chưa?”. Quán như vậy rồi, Bồ tát dùng Như ý Thông, Túc Mạng Thông để biết các đời trước của mình. Bồ tát chứng Túc Mạng Minh, thấy rõ các đời trước

của mình có đầy đủ các phước đức lực, khiến các ma vương, ma quân đều sợ hãi xa lánh cả.

- Khi đã được tâm vắng lặng rồi, Bồ tát lại khởi tâm đại bi, thương xót hết thảy chúng sanh, nên đã dùng Thiên Nhĩ Thông nghe được tiếng vui, tiếng khổ của hết thảy chúng sanh trong 5 đạo. Khi đã nghe tiếng chúng sanh rồi, Bồ tát lại dùng Thiên Nhãn để thấy hình dáng chúng sanh. Bồ tát chứng Thiên Nhãn Minh.

- Khi đã nghe tiếng chúng sanh, đã thấy hình dạng chúng sanh rồi, Bồ tát lại tu Tha Tâm Thông, để thấy rõ tâm niệm của chúng sanh. Rồi lại muốn chúng sanh lìa khổ, nên cầu Lục Tận Thông và chứng Lục Tận Minh.

Nên biết, trong 6 thần thông thì Lục Tận Thông là tối diệu.

Hỏi: *Bồ tát đã được Vô Sanh pháp Nhãn rồi, thường được quả báo thần thông. Sao nay còn tự nghi, còn phải tu các thần thông nữa? Lại nữa, khi đã thấy, đã nghe chúng sanh rồi, sao Bồ tát lại không biết được tâm niệm của họ?*

Đáp: Bồ tát có hai thân. Đó là:

- Pháp tánh sanh thân.
- Phương tiện thọ sanh thân.

Bồ tát Thích Ca Mưu Ni dùng phương tiện thọ sanh thân, thị hiện làm con vua Tịnh Phạn, sống như một người bình thường. Nhân dạo chơi 4 cửa thành, gặp các cảnh sanh, già bệnh, chết, mà Bồ tát quyết định rời bỏ hoàng cung, xuất gia, tìm Đạo. Khi tọa thiền dưới gốc cây bồ đề, mới có đầy đủ 6 thần thông.

Thật ra, trong quá khứ, Bồ tát đã có đầy đủ 6 thần thông rồi. Tuy nhiên để hiển bày thế pháp, mà trong đêm thành

Đạo, Bồ tát đã thị hiện tu các thần thông, theo thứ lớp như đã nêu trên đây.

Như vậy là Bồ tát đã thị hiện phương tiện thọ sanh thân để hành Đạo. Nếu có tự nghi, cũng chẳng có lỗi gì.

Hỏi: *Khởi các thần thông thì phải theo thứ lớp như nêu trên đây hay sao?*

Đáp: Đại đa số người tu thường theo thứ lớp như đã nêu trên đây, nghĩa là tu Thiên Nhân Thông trước,... rồi sau cùng mới tu Lưu Tận Thông.

Tuy nhiên, có người tu Thiên Nhĩ Thông trước khi tu các thần thông khác. Vì sao? Vì họ nghĩ rằng “Khi vào Sơ Thiên, do đã có Thiên Nhĩ Thông mà dễ có giác, có quán, có 4 vô lượng tâm. Khi vào Nhị Thiên dễ tu Thiên Nhân Thông, vì lúc bấy giờ không còn các thức tâm, nên nhãn thức chẳng còn bị tán loạn nữa. Khi vào Tam Thiên, lại dễ tu Như Ý Thông, vì ở đây thân đã thọ diệu lạc. Khi vào Tứ Thiên, lại dễ được các thần thông khác, vì tâm được an định”.

-o0o-

Trước đây, khi nói về 10 Phạt lục, cũng đã có giải rõ về ý nghĩa của Túc Mạng Thông và của các thần thông khác rồi vậy.

-o0o-

KINH:

Muốn biết chí nguyện của hết thầy chúng sanh phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Hỏi: *Vì sao nói Bồ tát muốn biết chí nguyện của hết thầy chúng sanh thì phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật?*

Đáp: Nếu không tu tập Bát nhã Ba-la-mật thì dù có Tha Tâm Thông, cũng chỉ biết được rất ít cảnh giới, cũng chỉ biết được cõi Dục và cõi Sắc mà chẳng có thể biết được cõi Vô Sắc, chỉ biết được tâm niệm của chúng sanh trong hiện tại, mà chẳng có thể biết được tâm niệm của chúng sanh trong quá khứ và vị lai. Phải có đầy đủ 6 thần thông và phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật mới khắp biết được tâm niệm của hết thầy chúng sanh.

Hàng Thanh Văn, khi vào Tứ Thiên, có thể biết được tâm chúng sanh trong 1.000 thế giới; Bích Chi Phật có thể biết được tâm chúng sanh khắp 100.000 thế giới. Ngoài ra, phàm phu chẳng có thể biết được tâm của Thanh Văn, Thanh Văn chẳng có thể biết được tâm của Bích Chi Phật, Bích Chi Phật chẳng có thể biết được tâm của Phật.

Bởi nhân duyên vậy, nên muốn biết được tâm của hết thầy chúng sanh, thì phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Hỏi: *Phải dùng trí gì để biết được tâm và tâm sở của hết thầy chúng sanh?*

Đáp: Các đức Phật dùng Trí Vô Ngại Giải Thoát rõ biết tâm và tâm sở của hết thầy chúng sanh. Các đại Bồ tát mới có được tương tự Trí Vô Ngại Giải Thoát, nên cũng đã rõ biết được một phần tâm và tâm sở của chúng sanh.

Bởi vậy, nên các tân học Bồ tát muốn được Vô Ngại Giải Thoát của đại Bồ tát, các đại Bồ tát muốn được Vô Ngại Giải Thoát của Phật đều phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Hỏi: Nếu tâm có chỗ thú hướng thì tâm đi và đến như thế nào? Nếu tâm có đi thì như tâm người chết. Nếu tâm không đi thì căn, trần và thức chẳng có thể hòa hợp được, chẳng có duyên xúc sanh ý. Như vậy làm sao có thể biết được các pháp?

Đáp: Tâm chẳng có đi, chẳng có đến. Dù chẳng có đi đến (vô khứ lai), mà vẫn thường hòa hợp với các pháp. Vì sao? Vì các pháp cũng đều chẳng có đi đến. Nếu chấp các pháp có đi đến, là đọa về thường kiến.

Hết thảy các pháp đều chẳng có định tướng. Chỉ do 6 căn, 6 trần, hòa hợp sanh ra có 6 thức, dẫn sanh có 5 ấm.

Lại có 5 ấm (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) mà có các tâm và tâm sở pháp sanh ra vậy.

Bởi vậy nên các tâm thức đều là hư dối, là như huyễn, như hóa. Trong kinh *Đại Thừa Ma Ha Diễn* nói: “Hết thảy chúng sanh đều như huyễn, như hóa. Chỉ có Phật mới biết rõ tâm của hết thảy chúng sanh đều chẳng có đi, chẳng có đến”.

Ví như Tỷ-kheo hay tham cầu lợi dưỡng, dù thường được người đến cúng dường mà vẫn thấy thiếu thốn; còn Tỷ-kheo không tham cầu lợi dưỡng, chẳng bao giờ thấy thiếu thốn gì cả. Tâm của các Tỷ-kheo cũng là như vậy. Nếu phân biệt chấp tướng thì chẳng có thể rõ được Thật Tướng pháp, chẳng thông đạt được tâm của chúng sanh nên thuyết pháp chẳng có được vô ngại. Trái lại, nếu chẳng phân biệt chấp tướng thì mới có thể thông đạt được tâm các chúng sanh nên thuyết pháp được vô ngại.

Hỏi: Vì sao gọi Phật là bậc Nhất thiết chủng trí?

Đáp: Vì Phật biết rõ tâm của hết thảy chúng sanh. Nếu chẳng biết rõ tâm của hết thảy chúng sanh thì chẳng có thể được gọi là Nhất thiết chủng trí.

Tâm của chúng sanh vô biên nên Nhất thiết chủng trí cũng vô biên.

Hỏi: *Cả hai bên “Hữu biên” và “Vô biên” đều chẳng thật có cả. Như vậy, vì sao ở nhiều chỗ Phật thường nói đến “Vô biên”, như nói “si, ái của chúng sanh là Vô biên”...?*

Đáp: Chúng sanh vô biên, trí huệ của Phật cũng vô biên. Thế nhưng chẳng nên chấp thủ cái tướng vô biên ấy mà khởi sanh các hý luận.

Ví như Phật dạy: “Chấp thường và chấp vô thường cũng đều là điên đảo cả”. Phật thuyết vô thường chỉ nhằm phá chấp thường. Nếu nghe nói vô thường mà lại chấp tướng vô thường, thì cũng vẫn là tà kiến, vẫn là hý luận. Trái lại, nếu nghe nói vô thường mà chẳng chấp tướng vô thường, mà biết vô thường tức là khổ, là KHÔNG, là vô ngã, rồi y nơi vô thường để quán các pháp, thì sẽ vào được pháp KHÔNG, tức là vào được Thật Tướng pháp. Như vậy là dùng pháp quán về vô thường để vào nơi Chân Đế là chân thật pháp vậy.

Như trước đây đã có nói, sở dĩ Phật không trả lời 14 điều vấn nạn của hàng ngoại đạo vì tất cả các điều ấy đều do tà kiến chấp sanh ra cả. Phật dạy về vô thường để chúng sanh thấy rõ các pháp tương tục sanh diệt là vô biên. Nhờ vậy mà khởi nhàm chán sanh tử.

-o0o-

Trong kinh có chép mẫu chuyện sau đây:

Ở nước Ba Lê có 40 vị Tỷ-kheo cùng tu tịnh hạnh, đến hầu Phật.

Phật hỏi: “Này các Tỷ-kheo! Có nhiều sông chảy về biển lớn. Vậy nước trong biển lớn nhiều hay ít?”

Các Tỷ-kheo bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Rất nhiều”.

Phật dạy: “Một người phạm trọng tội phải đọa vào địa ngục, ngã quý, súc sanh có số lượng máu chảy ra, từ vô lượng kiếp đến nay, nhiều hơn lượng nước trong biển lớn. Bởi vậy, nên biết nước mắt, nước mũi v.v... dẫn đến sữa đã bú của mẹ ở nơi mỗi chúng sanh từ vô lượng kiếp đến nay, cũng nhiều như vậy. Lại nữa, nếu đem xương người ấy chất thành đống thì sẽ có một núi xương cao ngất. Như vậy thì có thể biết rằng, trong vô biên kiếp, mỗi chúng sanh đã phải thọ vô lượng khổ sanh tử vậy”.

Các Tỷ-kheo nghe như vậy, khởi tâm nhàm chán sanh tử, tinh tấn tu hành và dần dần vào được Đạo.

-o0o-

Lại có người khởi tâm từ niệm chúng sanh khắp cả 10 phương mà hoan hỷ thọ giới không sát sanh, được vô lượng công đức.

-o0o-

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát từ sơ phát tâm, đã thệ nguyện cúng dường vô biên chúng sanh. Vì sao? Vì độ vô biên chúng sanh thì phước đức cũng vô biên, giống như mặt trời mới mọc cũng đã chiếu ánh sáng khắp muôn vật vậy.

-o0o-

KINH:

Muốn có trí huệ thù thắng hơn trí huệ của hết thầy Thanh Văn và Bích Chi Phật phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Hỏi: Trí huệ của Thanh Văn và Bích Chi Phật như thế nào?

Đáp: Trong kinh nói: Khi quán về Thật Tướng các pháp, hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật dùng trí huệ phân biệt để biết rõ biệt tướng và tổng tướng của các pháp, lại biết được tục đế và chân đế.

Như vậy gọi là trí huệ Niết bàn.

Ví như nói các pháp có sanh, có diệt, có thuận, có nghịch... là nói về các pháp thế gian. Đó là tục đế. Còn nói về nhất tâm, về chân như... là nói về các pháp xuất thế gian. Đó là chân đế. Thanh Văn dùng trí huệ phân biệt 5 âm:

- Biết 5 âm như vậy nhóm họp.
- Biết 5 âm như vậy tiêu tán.
- Biết 5 âm như vậy tự tánh ly.

Lại dùng trí huệ phân biệt 4 Đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

Lại dùng trí huệ phân biệt 3 giải thoát môn: Không, Vô tướng và Vô tác.

Lại nữa, hàng Thanh Văn tu 4 niệm xứ, dùng trí huệ quán về thân bất tịnh, thọ thị khổ, tâm vô thường, pháp vô ngã, dùng trí huệ tu pháp trí, tỷ trí, tha tâm trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí v.v...

Khi đã vào được khổ pháp trí rồi là được huệ nhãn, được 3 Tam muội: Không, Vô tướng và Vô tác.

Tất cả trí huệ như vậy đều là trí huệ của Thanh Văn, Bích Chi Phật.

-o0o-

Có được trí huệ như vậy rồi, nếu phát tâm đại từ bi, cứu khổ hết thảy chúng sanh, ra vào sanh tử chẳng bao giờ nhằm chán nhằm lợi lạc quần sanh, thì mới gọi là trí huệ của Bồ tát, mới gọi là được Bát nhã Ba-la-mật.

Hỏi: *Phật có nói đến 4 quả Sa môn, 4 bậc Thánh, 5 Chúng đệ tử, 3 thứ Bồ Đề. Như vậy vì sao nói trí huệ của Bồ tát thù thắng hơn trí huệ của Thanh Văn và Bích Chi Phật?*

Đáp: Bồ tát có trí huệ thù thắng hơn trí huệ của Thanh Văn và Bích Chi Phật. Vì sao? Vì Bồ tát phát đại tâm tịnh Phật quốc độ, cứu độ hết thảy chúng sanh.

Trong kinh có nêu nhiều đoạn văn tán thán trí huệ của Bồ tát. Bồ tát tu 6 pháp Ba-la-mật, có đầy đủ phương tiện cứu độ chúng sanh, không đoạn chùng Tam bảo nên được chư Phật khắp 10 phương thường hộ niệm. Ví như chim Ca Lăng Tần Già vừa mới nở, đã có tiếng hót thánh thót, thù thắng hơn hết thảy các loài chim khác.

-o0o-

Trong kinh có chép mẫu chuyện sau đây:

Trong chúng hội, ngài Xá Lợi Phất bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Bồ tát nói pháp có công đức rất thù thắng. Chỉ nghe danh Bồ tát đã có được nhiều lợi ích, hưởng nữa là được nghe Bồ tát nói pháp. Các vị Bồ tát chẳng chấp hết thảy pháp, mà vẫn thị hiện sanh thân, ra vào sanh tử, đem pháp trí huệ giáo

hóa chúng sanh, khiến cho người nghe cũng được sanh trí huệ”.

Lúc bấy giờ, ngài Bồ tát Thủ Hoa nêu một số câu hỏi để ngài Xá Lợi Phất giải đáp, nhằm giúp hội chúng hiểu rõ thêm.

Ngài Thủ Hoa hỏi: “Ngài là bậc trí huệ đệ nhất, thường nói pháp cũng chưa vào được pháp tánh hay sao?”

Ngài Xá Lợi Phất đáp: “Phải đúng như cảnh giới thì đệ tử Phật mới nói”.

Ngài Thủ Hoa hỏi: “Pháp tánh cũng có cảnh giới chăng?”

Ngài Xá Lợi Phất đáp: “Chẳng có vậy”.

Ngài Thủ Hoa hỏi: “Nếu chẳng có cảnh giới thì vì sao ngài nói phải đúng cảnh giới mới nói?”

Ngài Xá Lợi Phất đáp: “Nghĩa là phải tùy chỗ được pháp mới nói”.

Ngài Thủ Hoa hỏi: “Như vậy là ngài dùng vô lượng tướng của pháp tánh để làm chứng hay sao?”

Ngài Xá Lợi Phất đáp: “Đúng như vậy”.

Ngài Thủ Hoa hỏi: “Vì sao ngài nói tùy chỗ được pháp mới nói?”

Ngài Xá Lợi Phất đáp: “Pháp tánh vô lượng nên pháp thuyết ra cũng vô lượng. Pháp tánh vô lượng nên tướng của pháp tánh chẳng thể lường được (bất khả lượng tướng) vậy”.

Ngài Thủ Hoa hỏi: “Như vậy, ngài nói pháp tánh có tướng được (đắc tướng) chăng?”

Ngài Xá Lợi Phất đáp: “Chẳng phải vậy”.

Ngài Thủ Hoa hỏi: “Nếu pháp tánh chẳng có tướng được (phi đặc tướng) thì lia pháp tánh ra có được giải thoát không?”

Ngài Xá Lợi Phát đáp: “Không thể như vậy được. Vì sao? Vì pháp tánh là chẳng thể hoại (bất hoại) vậy”.

Ngài Thủ Hoa hỏi: “Ngài đã được Thánh trí. Như vậy ngài có được như tánh không?”

Ngài Xá Lợi Phát đáp: “Tôi muốn nghe pháp, chẳng phải nói pháp”.

Ngài Thủ Hoa hỏi: “Hết thầy các pháp đều tự tại. Đó là pháp tánh. Có người nghe, có người nói pháp chẳng? Lại nữa, vì sao ngài nói muốn nghe pháp, chẳng phải nói pháp?”

Ngài Xá Lợi Phát đáp: “Phật dạy có hai hạng người nghe được pháp vô lượng. Đó là người nhất tâm nói và người nhất tâm nghe.”

Ngài Thủ Hoa hỏi: “Vào Diệt Tận Định có nghe được pháp không?”

Ngài Xá Lợi Phát đáp: “Vào Diệt Tận Định chẳng có nghe pháp”.

Ngài Thủ Hoa hỏi: “Ngài có tin thọ rằng tướng của hết thầy pháp thường tịch diệt không?”

Ngài Xá Lợi Phát đáp: “Tôi có tin như vậy”.

Ngài Thủ Hoa hỏi: “Vì sao pháp tánh thường tịch diệt mà có nghe được pháp?”

Ngài Xá Lợi Phát đáp: “Ở nơi KHÔNG Tam muội, các pháp đã là tịch diệt tướng rồi vậy”.

Ngài Thủ Hoa hỏi: “Nếu không vào thiên định thì có nói được pháp không?”

Ngài Xá Lợi Phất đáp: “Chẳng có gì mà chẳng phải là tịch diệt tướng cả”.

Ngài Thủ Hoa hỏi: “Nhu vậy thì hết thầy phạm phu cũng đều có được thiên định cả hay sao?”

Ngài Xá Lợi Phất đáp: “Hết thầy phạm phu đều có thiên định”.

Ngài Thủ Hoa hỏi: “Lấy gì làm thiên định?”

Ngài Xá Lợi Phất đáp: “Chẳng ngoài pháp tánh Tam muội vậy.”

Ngài Thủ Hoa hỏi: “Nhu vậy thì phạm phu và các bậc Thánh chẳng có gì khác nhau cả hay sao?”

Ngài Xá Lợi Phất đáp: “Tôi chẳng thấy có gì khác nhau cả. Vì sao? Vì ở nơi các bậc Thánh, pháp chẳng có diệt, ở nơi phạm phu pháp cũng chẳng có sanh. Ở nơi pháp tánh thì cả hai đều KHÔNG, đều là bình đẳng”.

Ngài Thủ Hoa hỏi: “Vì sao ở nơi pháp tánh thì các pháp đều là bình đẳng tướng?”

Ngài Xá Lợi Phất đáp: “Tướng bình đẳng là chỗ biết, chỗ thấy (Chỗ tri kiến) của người được Đạo vậy”.

Ngài Thủ Hoa hỏi: “Nhu vậy thì có sanh pháp Thánh, có diệt pháp phạm không?”

Ngài Xá Lợi Phất đáp: “Chẳng có vậy”.

Ngài Thủ Hoa hỏi: “Có được pháp Thánh không?”

Ngài Xá Lợi Phất đáp: “Chẳng có vậy”.

Ngài Thủ Hoa hỏi: “Có thấy phạm phu và pháp phạm phu không?”

Ngài Xá Lợi Phất đáp: “Chẳng có vậy”.

Ngài Thủ Hoa hỏi: “Như vậy ngài dùng tri kiến gì để vào được nơi Thánh Đạo?”

Ngài Xá Lợi Phất đáp: “Pháp tánh là như, nên phàm phu cũng như, Tỷ-kheo được giải thoát cũng như, Niết bàn cũng như, Tỷ-kheo vào Niết bàn cũng như. NHƯ nói đây chính là như như pháp tánh, chẳng có sai biệt vậy. Pháp tướng cũng như, bất hoại tướng cũng như. Tất cả các pháp đều như như, bình đẳng cả.”

-o0o-

Trong kinh *Minh Vãng*, ngài Xá Lợi Phất bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Ví như đám lửa lớn có sức thiêu rụi bất cứ vật gì rơi vào bên trong. Các bậc thượng nhân nói pháp cũng là như vậy. Hết thầy pháp nói ra đều vào trong pháp tánh cả.”

-o0o-

Lại nữa, trong kinh *Duy Ma Cật* nói rằng các bậc Thanh Văn dẫn đến ngài Xá Lợi Phất, chẳng ai dám đi thăm bệnh ngài Duy Ma Cật cả.

-o0o-

Như vậy, có rất nhiều kinh nói “Bồ tát có trí huệ thù thắng hơn Thanh Văn”.

Hỏi: *Vì sao Bồ tát có trí huệ thù thắng hơn trí huệ của hàng Thanh Văn?*

Đáp: Trong kinh *Bốn Sanh* có nói:

Bồ tát trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp đã tu tập các trí huệ. Bồ tát đã làm tất cả các việc rất khó làm. Vì cầu pháp mà Bồ tát chẳng ngại chẻ xương làm viết, chích huyết làm mực, lột da làm giấy để tả chép kinh pháp. Vì cầu pháp mà Bồ tát đã cam chịu vô lượng khổ đau. Vì cầu trí huệ mà Bồ tát đời đời cúng dường thầy, thờ thầy như thờ Phật; hề thấy kinh Phật là liền đọc, tụng giảng nói... do trải vô lượng A-tăng-kỳ kiếp tu duy trí huệ cầu các pháp thậm thâm nên Bồ tát đã thâm nhập vào Thật Tướng các pháp.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát có trí huệ thù thắng hơn trí huệ của hàng Thanh Văn.

Hỏi: *Vì sao nói “Bồ tát, khi thưa hỏi, khi vấn nạn cũng đều là dùng trí huệ cúng dường Phật?”*

Đáp: Do nghe pháp, thưa hỏi, vấn nạn mà Bồ tát tin thọ, dẫn đến chánh ức niệm pháp Phật, được đầy đủ trí huệ. Như vậy là dùng trí huệ cúng dường chư Phật.

Lại nữa, Bồ tát tu trí huệ với đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, đề trang nghiêm các phương tiện lực, khiến có được đại nhân duyên đối với chúng sanh hơn hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bồ tát có trí huệ thù thắng hơn trí huệ của hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật.

-o0o-

KINH:

Muốn được các đà la ni và các tam muội phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Được Đà La Ni là được các pháp phương tiện vi diệu dẫn vào thiền định, vào Tam muội.

Hỏi: *Vì sao gọi Đà La Ni là pháp phương tiện?*

Đáp: Người được Đà La Ni có sức giữ gìn, nhóm họp tất cả các pháp lành, khiến chẳng để cho tán lạc, ngăn chặn các pháp ác, khiến chẳng để cho xảy ra.

Ví như ngài Châu Lợi Bàn Đà rất tối dạ, nhưng nhờ có sức Đà La Ni buộc tâm vào việc cầm chổi quét, mà phát sanh được thiền định và trừ được cấu tâm, chứng quả A-la-hán.

Có vô lượng Đà La Ni. Mỗi Đà La Ni giúp hàng giả những phương tiện đặc thù trên đường hành đạo.

Ví như người vào được Văn Trì Đà La Ni rồi thì vừa nghe pháp là nhớ liền, thường nhất tâm niệm pháp, khiến trí huệ càng lâu càng thêm tăng trưởng. Rồi do ức tướng tư duy mà biết được những việc chưa biết, thấy được những việc chưa thấy.

Bồ tát được Văn Trì Đà La Ni rồi, dù vào trong thiền định vẫn nhớ hết thấy những lời đã nghe, đến một câu, một chữ cũng chẳng quên. Bồ tát nghe âm thanh mà quán thật tướng của âm thanh, biết rõ âm thanh, lời nói chỉ do niệm, niệm phân biệt khởi sanh ra, chỉ là hư dối, chẳng thật có. Phàm phu chấp nơi âm thanh, nơi lời nói, nên khi âm thanh, lời nói đã diệt rồi mà vẫn còn nhớ nghĩ mãi mãi; hoặc nhớ mãi lời người tán dương, tăng bốc mình mà vui mừng, khởi tâm kiêu mạn, tự mãn... Trái lại, Bồ tát biết rõ âm thanh, lời nói liền sanh, liền diệt chỉ như tiếng âm vang, chẳng có tác giả làm ra, chẳng có trú xứ, đều là tự tướng KHÔNG, nên chẳng

chấp âm thanh, chẳng chấp lời nói. Bồ tát quán chúng sanh KHÔNG nên dù bị mắng nhiếc cũng chẳng có sân hận, dù được xưng tán cũng chẳng có vui mừng, sung sướng.

Lại ví như người vào được Danh Tự Nhập Đà La Ni thì nghe một chữ đã có thể vào được thật tướng của hết thấy pháp; như nghe chữ “A” liền biết được hết thấy pháp bất sanh v.v...

Hỏi: *Vì sao nói Đà La Ni là phương tiện dẫn vào thiền định, vào Tam muội?*

Đáp: Bồ tát được Đà La Ni rồi sẽ được vô ngại vào các Tam muội nên nói Đà La Ni là phương tiện dẫn vào Thiền định, Tam muội. Có 500 Đà La Ni chính. Đây là thiện pháp công đức tạng của Bồ tát.

Có 2 thứ Tam muội. Đó là:

- Tam muội của Thanh Văn.
- Tam muội của Bồ tát.

Tam muội của Thanh Văn gồm có KHÔNG tam muội, Vô Tướng tam muội, Vô tác tam muội; lại có Hữu Giác Hữu Quán tam muội, Vô Giác Hữu Quán tam muội, Vô Giác Vô Quán tam muội lại có Ngũ Trí tam muội (5 trí tam muội)^(*) v.v...

Hết thấy các thiền định đều gọi là tam muội. Hành giả

*. Ngũ Trí Tam muội gồm 5 pháp tam muội về trí huệ liên tiếp nhau:
 - Vô Thực tam muội. Vào tam muội này có thể nhịn ăn trong nhiều ngày.
 - Vô Quá tam muội. Vào tam muội này chẳng còn có lỗi lầm.
 - Thân Ý Thanh Tịnh Nhất Tâm tam muội. Vào tam muội này được nhất tâm, khiến thân và ý trở nên thanh tịnh.
 - Nhân Quả Câu Lạc tam muội. Vào tam muội này làm cho nhân duyên, quả báo được thanh tịnh.
 - Thường Niệm tam muội. Vào tam muội này được ý niệm thường trú.

phải nhất tâm, không tán loạn mới vào được tam muội. Nếu tâm tán loạn thì chẳng sao vào được diệu pháp.

-o0o-

Đại Thừa có vô lượng tam muội như Thủ Lăng Nghiêm Tam muội, Giải Thoát Tam muội, Nhất Thiết Pháp Tam muội v.v...

Có những tam muội hiển thị các đức tướng thanh tịnh nơi thân, như:

- Oai tướng Tam muội. Bồ tát vào tam muội này có oai đức sáng chói hơn cả mặt trời, mặt trăng.

- Diệm Sơn Tam muội. Bồ tát vào tam muội này có oai đức hơn cả Đế Thích, hơn cả Phạm Thiên Vương, vượt ra khỏi 3 cõi.

- Thanh Như Lô Âm Tam muội. Bồ tát vào tam muội này có được phạm âm tỏa khắp cả 10 phương.

v.v...

Như vậy, có vô lượng, vô biên Đà La Ni và Tam muội.

Hỏi: *Người trì giới thanh tịnh, nhất tâm tinh tấn, chế tâm ở một chỗ, có vào được tam muội không?*

Đáp: Có thể vào được tam muội. Thế nhưng, vì có vô lượng tam muội. Nếu nói nhiều quá thì sẽ khiến người nghe sanh thói tâm nên chỉ nói đến một số tam muội chính. Như vậy cũng đủ nhiếp các tam muội khác rồi vậy.

Ví như nâng được các bầu áo là nâng được cả cái áo lên; như bắt ong chúa là bắt được trọn đàn vậy, cũng như Sơ Thiên và Nhị Thiên là cửa ngõ dẫn vào các pháp thiền định, tam muội khác.

Tu các pháp tam muội thuần thực sẽ dẫn vào Kim Cang tam muội.

-o0o-

Lược nói, thì tam muội của Thanh Văn gồm có 3 tướng là:

- Nhập.
- Trú.
- Xuất.

Khi nhập và xuất thì chẳng phải là tam muội. Chỉ khi trú mới gọi là tam muội.

Tam muội của Bồ tát là các pháp Ba-la-mật. Ví như trong ba Ba-la-mật Giới, Định, Huệ thì Giới sanh Định, Định sanh Huệ. Khi được Huệ Ba-la-mật thì tận đoạn các phiền não dẫn đến Niết bàn.

Còn rất nhiều tam muội khác nữa không có đề cập đến nơi đây. Như nói bố thí là nhân duyên sanh phước đức; nguyện là nhân duyên sanh tâm nhu nhuyễn, từ bi là nhân duyên niệm chúng sanh. Tất cả các hạnh đó đều dẫn vào tam muội. Lại như quán thể gian vô thường, như nhiếp tâm hành nhĩ nhục... cũng đều dẫn vào tam muội. Lại như nhiếp tâm không tán loạn, tinh tấn trừ 5 cái... cũng đều dẫn vào tam muội. Tu các Địa, từ Sơ Địa đến Thập Địa cũng đều dẫn vào tam muội cả.

Hỏi: *Đà La Ni môn và Tam muội môn giống nhau hay khác nhau như thế nào?*

Đáp: Khi đang tu, thì có khác. Khi đã tu viên mãn rồi, đã được tâm tương ưng rồi thì chẳng có khác nữa.

Tu tam muội thuần thực lâu ngày thì tam muội trở thành đà la ni. Đây là do sức tu hành, huân tập thuần thực, mà tam muội đã trở thành tánh, tương ứng với thật tướng trí huệ nên có được đà la ni vậy. Ví như các đồ gốm như bình, chén, đĩa... nung lâu trong lửa thì chất đất sét trở thành cứng rắn, bền chắc. Lúc bấy giờ có thể dùng để đựng nước mà chẳng để cho nước thấm qua nữa.

Như trên đã nói, đà la ni còn là phương tiện để đưa hành giả qua sông thiên định.

Bồ tát tu được 2 môn tam muội và đà la ni thuần thực thì sẽ được vô lượng công đức ở cả 3 đời.

Hỏi: *Vì sao ở trong pháp Thanh Văn không có nói đến đà la ni mà chỉ trong pháp Đại thừa mới nói đến?*

Đáp: Vì hàng Thanh Văn ít có siêng năng tu tập các công đức mà chỉ dùng trí huệ để cầu giải thoát sanh tử cho riêng mình, nên không có được các công đức đà la ni. Ví như người khát nước chỉ biết tìm nước để tự giải khát cho riêng mình mà không nghĩ đến việc dùng bình chứa nước lớn để trữ nước cho đại chúng uống vậy.

Lại nữa, trong pháp Thanh Văn chỉ nói các pháp là vô thường, là sanh diệt. Như vậy là chẳng có thể có được đà la ni. Vì sao? Vì theo pháp Đại thừa thì các pháp chẳng có sanh, chẳng có diệt, chẳng thật có nên nói về tướng vô thường là chẳng phải là đà la ni.

Lại nữa, pháp Thanh Văn nói đến các thiện pháp ở quá khứ. Như vậy là chẳng có được đà la ni. Vì sao? Vì theo pháp Đại thừa thì quá khứ là bất khả đắc nên nói về các thiện pháp ở quá khứ là chẳng phải là đà la ni vậy.

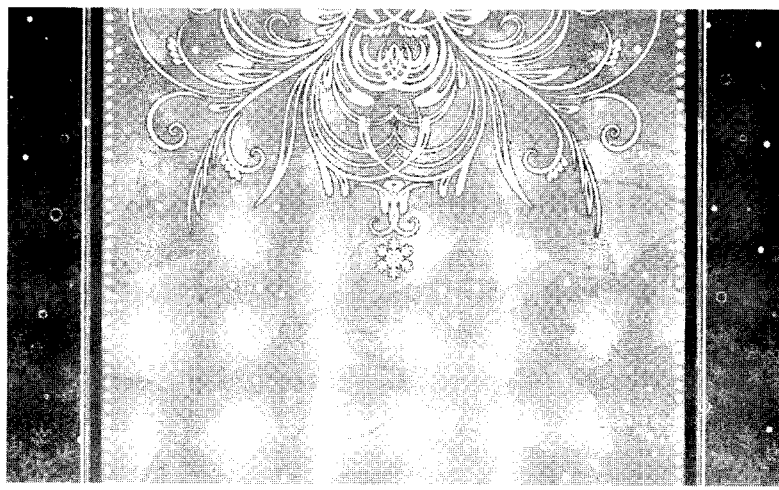
Đà La Ni đời đời theo Bồ tát. Còn các Tam muội thì chẳng phải như vậy. Vì sao? Vì khi Bồ tát xả thân rồi thì đã rời bỏ hết cả các tam muội.

-o0o-

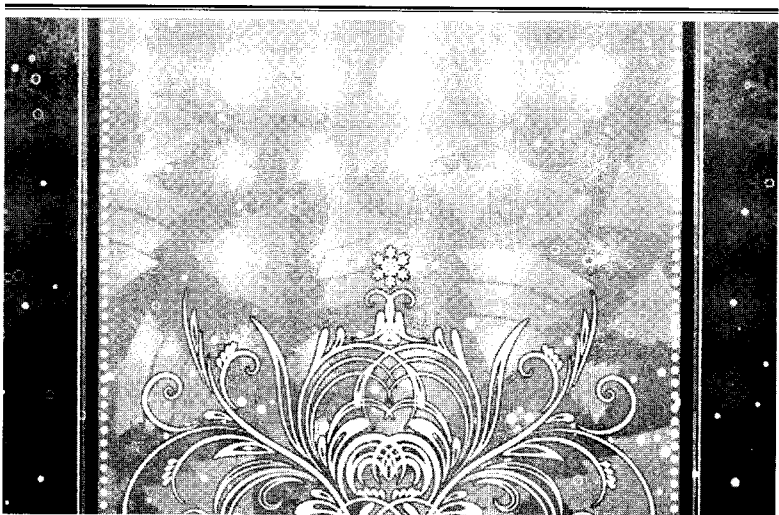
Trên đây đã phân biệt rõ Đà La Ni và Tam muội.

Phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật mới có được đầy đủ các Đà La Ni môn và các Tam muội môn.

(Hết quyển 28)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 29



Phẩm Thứ Nhất (TIẾP THEO)



Tùy hỷ công đức

KINH:

Bồ tát Ma-ha-tát muốn tùy hỷ công đức bồ thí, trì giới thù thắng hơn hết thầy Thanh Văn và Bích Chi Phật phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Người có tâm tùy hỷ, khi thấy người khác làm được các công đức, liền sanh tâm tùy hỷ, tán thán họ, như nói với họ rằng: “Ồ trong thế gian vô thường, si ám này, mà mở lòng từ bi, thương xót người như vậy thật là phước đức vô lượng.”

Ví như có người đem thứ hương thơm quý báu đi bán, được rất nhiều người đến mua. Trong khi người ấy đang bán hàng, có người đứng ở bên ngoài tán thán. Tuy người sau không mất tiền mua mà cũng vẫn được hương thơm lây vậy. Cũng như vậy, nếu có người đem tài vật ra bồ thí, có người được nhận sự bồ thí, lại có người đứng bên ngoài tán thán hạnh bồ thí, thì người sau này, tuy không đem tài vật của mình ra bồ thí mà vẫn hưởng được phước đức lây vậy.

Xem như vậy, thì đủ biết rằng Bồ tát tùy hỷ công đức đã thù thắng hơn hàng Thanh Văn, huống nữa là còn tự mình làm các công đức.

Hỏi: Vì sao Bồ tát tùy hỷ công đức mà lại được thù thắng hơn hẳn người đem tài vật của mình ra bồ thí?

Đáp: Trong lúc người khác đem tài vật ra bố thí, Bồ tát đứng bên ngoài khen ngợi, vui mừng, rồi cùng hết thầy chúng sanh hồi hướng công đức ấy về Vô Thượng Bồ Đề, nhằm độ thoát hết thầy chúng sanh. Do tâm tùy hỷ như vậy nên thù thắng hơn hàng Nhị thừa đem tài vật ra bố thí. Vì sao? Vì Bồ tát đã dùng thật tướng trí huệ nên thù thắng hơn vậy.

Lại nữa, do tâm tùy hỷ mà Bồ tát được sanh quả báo phước đức. Rồi Bồ tát lại đem phước đức ấy tùy hỷ hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề nên thù thắng hơn hàng Nhị thừa bố thí. Ví như người đem dâng vua một vật nhỏ, được nhà vua hoan hỷ ban cho nhiều tiền tài, danh tước. Lại ví như dùng ít hơi thổi vào ốc tù và mà có thể tạo được âm lớn vang đi rất xa. Bồ tát dùng tùy hỷ công đức, hòa hợp với công đức của người khác, hồi hướng về Vô thượng Bồ Đề nên được quả báo vô tận, ví như gió thổi làm dao động mặt nước biển tạo thành những đợt sóng nối tiếp nhau vô cùng vô tận, lan truyền trên mặt biển.

Hỏi: Trong số đệ tử của Phật có cả Thanh Văn và Bồ tát. Vì sao lại còn phân biệt hơn thua làm gì?

Đáp: Bồ tát tùy hỷ công đức còn thù thắng hơn hàng Thanh Văn, huống nữa Bồ tát tự hành công đức. Vì sao? Vì hàng Thanh Văn làm các công đức còn có lúc mệt mỏi. Còn Bồ tát kiên trì tùy hỷ công đức trong im lặng. Ví như những người thợ lao động mệt mỏi suốt ngày mà công lao chẳng sao bằng được vị kỹ sư vẽ kiểu và chỉ huy công trình. Lại ví như những người lính chịu bao gian khổ, dẫn đến chịu hy sinh cả mạng sống của mình để chống trả quân địch, mà khi thắng trận thì công lớn vẫn thuộc về vị chủ tướng vậy.

Hỏi: Nếu tâm tùy hỷ thắng hơn hành bố thí, trì giới... thì vì sao chỉ nói đến sự tùy hỷ công đức của Bồ tát là thù thắng mà thôi?

Đáp: Phàm phu, do còn bị phiền não che tâm, do chưa đoạn được chấp ngã và ngã sở nên thua hẳn hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật.

Thế nhưng, sự tu hành của hàng Nhị thừa còn kém xa Bồ tát. Vì sao? Bồ thí gồm tài thí và pháp thí. Hàng Thanh Văn thường tài thí, Bồ tát thường hành pháp thí nên thù thắng hơn.

Lại nữa, hàng Thanh Văn thường hành trì giới, nhiếp luật nghi giới, thiền định giới và vô lậu giới. Bồ tát thường hành trí huệ, nhiếp văn huệ, tư huệ và tu huệ; lại được giải thoát huệ và giải thoát tri kiến.

Bởi vậy nên Bồ tát thù thắng hơn Thanh Văn.

Hỏi: *Thắng đối đãi với thua; có hơn có thua là có cạnh tranh rồi vậy. Bồ tát chẳng có khởi cạnh tranh với Thanh Văn thì vì sao lại nói thắng?*

Đáp: Bồ tát có trí huệ thậm thâm hơn, có công đức nhiều hơn hàng Thanh Văn nên nói thắng vậy. Thanh Văn ví như người ngắm sắc hoa, ngửi hương thơm của hoa; còn Bồ tát ví như ong vào tận nhụy hoa rút mật. Do tâm tùy hỷ của Bồ tát đã tương ưng với pháp tánh nên trí huệ và công đức của Bồ tát thù thắng hơn trí huệ và công đức của hàng Thanh Văn Nhị thừa.

-o0o-

KINH:

Muốn tùy hỷ công đức thiền định, Tam muội, trí huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến thù thắng hơn hết thấy Thanh Văn và Bích Chi Phật phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Hỏi: *Người vào thiên định, tu bốn thiên, chín thứ đệ định, tám bối xả, ba giải thoát môn: Không, Vô Tướng và Vô Tác. Như trước đây đã nói vào các tam muội là đã có thiên định, giải thoát rồi sao nay còn nói làm gì nữa?*

Đáp: Giải thoát có 2 nghĩa. Đó là:

- Huệ giải thoát.
- Cộng giải thoát.

Huệ giải thoát chưa vào được thiên định. Cộng giải thoát mới đầy đủ các thiên định và giải thoát Tam muội.

Lại nữa, thiên định giải thoát Tam muội có hai trường hợp:

- Hàng Thanh Văn vào thiên định chỉ cầu ly dục.
- Bồ tát tuy ở nơi chốn dục lạc mà vẫn thường trong định, thường cầu đắc ly dục.

Hỏi: *Đã là trí huệ tam muội, sao còn nói đến cầu đắc?*

Đáp: Trước đây đã nói rằng huệ giải thoát chưa đến được chỗ rốt ráo thâm nghĩa; cộng giải thoát mới có trí huệ tam muội, giải thoát và giải thoát tri kiến dẫn thẳng vào Niết bàn.

A-la-hán mới được thiên định lạc ở hiện đời, vào Diệt Tận Định là định rốt ráo, được Nguyên Trí Vô Tránh tam muội mới thật là chân Niết bàn.

Bởi nhân duyên vậy, nên phải nói rộng. Bồ tát, ở ngay nơi chốn dục lạc mà cầu đắc Niết bàn nên phải có đầy đủ trí huệ, giải thoát và giải thoát tri kiến.

Hỏi: *Thiên định giải thoát Tam muội khó tu, khó được. Như vậy vì sao Bồ tát có đầy đủ thiên định và trí huệ là tối diệu?*

Đáp: Do tu tập Bát Nhã Ba-la-mật mà Bồ tát có trí huệ thù thắng hơn hàng Thanh Văn. Bồ tát có hạnh, có nguyện đầy đủ, nên thiên định và trí huệ của Bồ tát là tối diệu. Ví như chim phải đầy đủ hai cánh, mới có sức bay xa ngàn dặm. Người tu có đầy đủ hai pháp hạnh và nguyện là được giải thoát và giải thoát tri kiến.

Hỏi: *Ở nơi bố thí, do có mắt thấy, tai nghe, mới dễ sanh tâm tùy hỷ. Còn ở nơi thiên định giải thoát Tam muội mắt chẳng thấy được, tai chẳng nghe được thì làm sao có thể sanh tâm tùy hỷ?*

Như vậy căn cứ vào đâu mà nói tâm tùy hỷ của Bồ tát thù thắng hơn hàng Thanh Văn?

Đáp: Bồ tát lấy tha tâm trí làm tâm tùy hỷ.

Hỏi: *Tha tâm trí còn là trí hữu lậu. Bồ tát chưa được vô lậu thì làm sao có thể biết được tâm vô lậu của hàng Nhị thừa vậy.*

Đáp: Bồ tát đã được Vô Sanh Pháp Nhãn đã đoạn các kiết sử, đã vào được pháp KHÔNG, đã được các thần thông nên dùng hữu lậu tha tâm trí mà có thể hay biết được vô lậu của hàng Nhị thừa vậy.

Lại nữa, hàng Bồ tát sơ phát tâm, tuy chưa được pháp tánh thân, nhưng vẫn có thể dùng tha tâm trí hữu lậu để quán thấy được hàng Nhị thừa hành bố thí, trì giới... rồi phát tâm tùy hỷ. Bồ tát tùy hỷ quán người đang hành bố thí, hành trì giới đã vào được nơi thật tướng pháp, đã ly được sự ràng buộc của ngã và ngã sở, đã vượt ra khỏi ngục tù 3 cõi. Vì sao? Bồ tát tùy hỷ công đức để được thấy người được giải thoát thì cũng như thấy chính mình được giải thoát vậy. Như vậy gọi là tùy hỷ hồi hướng công đức.

KINH:

Bồ tát Ma-ha-tát hành một phần ít bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ mà muốn dùng lực phương tiện hồi hướng để được vô lượng vô biên công đức phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Hỏi: Trước đây đã có nói nhiều về 6 Ba-la-mật rồi. Sao nay còn nói thêm nữa?

Đáp: Trước đây nói về tổng tướng, nay nói về biệt tướng.

Hỏi: Thế nào gọi là ít trí huệ (thiếu trí)?

Đáp: Thâm nghĩa của Ba-la-mật thể hiện ở nơi tâm, chẳng phải phô bày ra bên ngoài, nơi việc làm nhiều hay ít.

Bồ tát tu hành dù nhiều, dù ít nếu còn trú nơi Ba-la-mật thì vẫn còn là ít trí huệ (thiếu trí).

Kinh *Hiền Kiếp* có nói: “Trong 8 vạn 4 ngàn Ba-la-mật đều có phân biệt Ba-la-mật thế gian và Ba-la-mật xuất thế gian. Bát Nhã Ba-la-mật cũng là như vậy, cũng phân biệt có Bát Nhã Ba-la-mật thế gian và Bát Nhã Ba-la-mật xuất thế gian”.

Như vậy thì trí Bát Nhã Ba-la-mật thế gian vẫn còn là thiếu trí vậy.

Hỏi: Vì sao Bồ tát hành phần ít bố thí (thiếu thí)?

Đáp: Có rất nhiều nguyên nhân khiến Bồ tát hành phần ít bố thí:

- Hoặc vì mới sơ phát tâm mà bố thí ít.
- Hoặc vì chưa có nhiều phước đức mà bố thí ít.
- Hoặc vì nghĩ công đức ở tại tâm mà bố thí ít. Do suy

nghĩ như vậy nên chẳng mong cầu có nhiều tài vật để bố thí, chỉ cốt có được hảo tâm.

- Hoặc nghĩ rằng nếu cầu có được nhiều tài vật để đem ra bố thí thì sẽ khiến tâm tán loạn, đánh mất hảo tâm, dẫn sanh phiền não.

- Hoặc nghĩ nếu bố thí mà phải nhờ cậy người khác đem tài vật đến cho mình để làm việc bố thí thì chẳng phải có tâm bình đẳng. Phải xem hết thầy chúng sanh như ruột thịt của mình, chẳng nên lấy của người này đem cho người khác. Chỉ cần có hảo tâm là hơn hết. Có ít thì cho ít chẳng sao cả.

v.v...

-o0o-

Có thuyết phân biệt có 2 hạng Bồ tát. Đó là:

- Bồ tát bại hoại.
- Bồ tát thành tựu.

Người trước đã có phát Bồ Đề tâm nhưng chẳng được gặp thiện duyên, bị 5 ám ngăn che tâm trí, chuyên thân sanh vào nhà quyền quý, giàu sang hoặc làm vị Quốc Vương hoặc làm Tể Tướng. Do thọ 5 dục lạc mà chẳng còn giữ được thân khẩu ý thanh tịnh, chẳng còn được thánh thiện như trước nữa. Hạng người như vậy gọi là Bồ tát bại hoại.

Lại có người ở đời trước chẳng có hảo tâm hành bố thí, nhưng nay khởi lòng từ, thương xót người nghèo khổ bần cùng, cũng thành tựu được hảo tâm. Lại có người đời trước bần cùng hạ tiện, mà nay được nghe pháp, phát bồ đề tâm, tại gia tu trì 5 giới, hoặc xuất gia thọ đại giới Tỷ-kheo v.v... Những hạng người như vậy được gọi là Bồ tát thành tựu.

Bố thí gồm có pháp thí và tài thí.

Người xuất gia nên hành pháp thí. Người tại gia hành tài thí.

Phật không tán thán đem nhiều tài vật ra bố thí với ý niệm phô trương. Phật dạy nên tùy theo khả năng của mình mà bố thí, có gì cho nấy, nhưng phải bố thí với hảo tâm thanh tịnh.

Người xuất gia không giữ của cải riêng, vì tự nghĩ rằng tri giới, thiếu dục, tri túc thù thắng hơn cất giữ tài vật để bố thí, được Phật khuyên nên hành pháp thí.

Như vậy nên đem hảo tâm thanh tịnh mà bố thí, thì dù bố thí ít hay nhiều cũng vẫn được rất nhiều phước báo.

Trong kinh có ghi mẫu chuyện sau đây:

* Ngài Bạc Câu La chỉ đem một quả Kha Lê Lạt bố thí mà được 91 kiếp không đọa vào đường ác, thọ phước lạc ở cõi người, cõi trời, thường được thân không bệnh tật, tinh tấn tu hành, được quả A-la-hán.

* Vào thời Phật Tỳ Bà Thi, có một vị Sa môn làm phòng xá cúng dường chư Tăng, trải da dê để chư Tăng đi, mà suốt 91 kiếp được hưởng phước lạc ở cõi người, cõi trời, sanh lại làm vị trưởng giả, thân hình đoan chánh. Vị này vừa mới sanh ra đã được cha mẹ cho nhiều vàng bạc, châu báu; về sau lớn lên nhằm chán việc đời, xuất gia tu hành, viên thành Đạo nghiệp.

* Tỳ-kheo Tu Mạn Nhĩ do nhân duyên đời trước đã lấy hoa tai cúng dường Phật Tỳ Bà Thi mà 91 kiếp không đọa vào đường ác, được hưởng nhiều phước lạc ở cõi người, cõi trời, sanh lại vào một gia đình khá giả. Khi vừa mới sanh ra có mùi hương thơm tỏa khắp nhà, về sau lớn lên xuất gia chứng quả vị A-la-hán.

Như vậy có rất nhiều nhân duyên bổ thí ít mà được quả phước báo rất nhiều. Phật vì muốn tán thán bổ thí Ba-la-mật nên nói hành bổ thí Ba-la-mật có vô lượng công đức.

Hỏi: *Ngài A-la-hán Bạc Câu La bổ thí ít mà được phước báo rất nhiều. Như vậy cần gì phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật nữa?*

Đáp: Vị A-la-hán ấy tuy có nhiều phước báo nhưng vẫn còn có hạn lượng. Bồ tát dùng Bát Nhã Ba-la-mật mà tùy hỷ hồi hướng nên được công đức vô lượng vô biên.

Hỏi: *Vì sao dùng Bát Nhã Ba-la-mật để tùy hỷ hồi hướng mà lại được công đức vô lượng vô biên?*

Đáp: Vì tùy hỷ hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề nên được vô lượng vô biên công đức. Bồ tát tùy hỷ hồi hướng công đức mà chẳng cầu có phước báo ở cõi người, cõi trời, chỉ cầu Vô Thượng Bồ Đề, cầu độ hết thảy chúng sanh.

Vì chúng sanh vô lượng vô biên nên công đức cũng vô lượng vô biên. Vì tâm đại từ đại bi của Bồ tát vô lượng vô biên nên công đức cũng vô lượng vô biên. Công đức của Bồ tát thể nhập với thật tướng trí huệ nên là vô lượng vô biên.

Bồ tát hành bổ thí, rõ biết người thí, người thọ và vật thí đều là bất khả đắc cả.

Hỏi: *Bồ tát quán thật tướng các pháp là như pháp tánh. Như vậy vì sao còn sanh tâm cầu được công đức?*

Đáp: Bồ tát trong nhiều đời đã tu đại từ bi dẫn dắt chúng sanh vào thật tướng pháp. Ví như lửa gặp gió bùng cháy mạnh mẽ hơn lên. Bồ tát thường dùng tâm tinh tấn trợ lực cho tâm đại bi, dũng mãnh phát đại thệ nguyện độ thoát hết

thầy chúng sanh. Do phát đại nguyện như vậy nên được chư Phật khắp 10 phương thường khuyến hóa, khiến Bồ tát được tăng thêm công đức, dần dần đạt đến chỗ viên mãn.

Hỏi: *Bồ thí còn có thể biết là nhiều hay ít. Còn trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ thì làm sao biết được?*

Đáp: Tất cả đều có thể biết được.

* Nhẫn cũng phân biệt có: Đại nhẫn và thiếu nhẫn.

Thân nhẫn là miệng nhin chẳng nói lại, thân nhin chẳng chống trả lại, nhưng tâm chưa nhẫn được, khiến chẳng tự chế được. Chỉ khi nào tâm được an ổn thì mới gọi là thân tâm đều nhẫn.

Người bị đánh mắng mà chẳng có đánh mắng chống trả lại, mới chỉ là được thiếu nhẫn.

Người bị đánh mắng mà tâm thường an ổn, chẳng có phân biệt mình bị đánh mắng, có người đến đánh mắng mình, có pháp đánh mắng, mà chỉ lo tu nhẫn ở nơi tâm mới là được đại nhẫn.

Như vậy nhẫn ở thân chỉ mới là thiếu nhẫn, nhẫn ở tâm mới thật là đại nhẫn.

* Trì giới cũng phân biệt có đại và thiếu.

Nếu thân khẩu không động mà tâm còn động thì chỉ mới là thiếu giới. Khi cả thân khẩu ý đều tịch tịnh thì mới là đại giới.

* Tinh tấn cũng phân biệt có đại và thiếu.

Nếu chưa được Vô Sanh Pháp Nhẫn thì chỉ mới là thiếu tấn. Khi đã được Vô Sanh Pháp Nhẫn rồi thì mới là đại tấn.

* Thiền định cũng phân biệt có đại và thiếu.

Vào Kim Cang Tam muội gọi là đại thiên định. Ở nơi hết thấy các pháp đều chẳng loạn, chẳng phân biệt, tâm thường trong định thì gọi là đại thiên định.

Ngoài ra đều là thiếu thiên định cả.

* Trí huệ cũng phân biệt có đại và thiếu.

* Trí huệ thế gian chỉ là thiếu huệ. Trí huệ xuất thế gian mới gọi là đại huệ.

Lại có phân biệt đối đãi giữa thiếu và đại như sau:

Tạp huệ và tịnh huệ - Tướng huệ và vô tướng huệ- Phân biệt huệ và vô phân biệt huệ - Vì sanh tử huệ và vì Niết bàn huệ - Vì tự lợi huệ và vì lợi tha huệ - Tiểu tư huệ và đại tư huệ v.v...

Phát Bồ Đề tâm huệ và tu 6 Ba-la-mật huệ là đại huệ.

Bồ tát phát Bồ Đề tâm, tu 6 pháp Ba-la-mật, có vô lượng vô biên công đức, được chư Phật 10 phương tán thán.

Người không phát Bồ Đề tâm, không tu 6 độ Ba-la-mật, chẳng sao có thể bằng được Bồ tát. Vì sao? Vì Bồ tát phát đại tâm, dùng các lực phương tiện của Bát Nhã Ba-la-mật để tùy hỷ hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề nên được vô lượng vô biên công đức.

-o0o-

KINH:

Muốn được đầy đủ đàn Ba-la-mật, Thi Ba-la-mật, Săn Đề Ba-la-mật, Tỳ Lê Gia Ba-la-mật, Thiên Na Ba-la-mật phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Hỏi: *Bát Nhã Ba-la-mật và 5 Ba-la-mật kia giống nhau và khác nhau như thế nào?*

Đáp: Cũng đồng mà cũng khác.

Mỗi Ba-la-mật đều có phạm trù riêng. Thế nhưng, khi hành 5 Ba-la-mật kia, Bồ tát cũng đều dùng trí huệ Bát Nhã để quán thật tướng pháp.

Ví như khi tu bố thí, phải xả cả nội pháp lẫn ngoại pháp, mới được gọi là Đàn Ba-la-mật. Vì sao? Vì nếu tu 5 Ba-la-mật kia mà còn tâm chấp là còn tà kiến, chẳng thể được Ba-la-mật vậy.

Phải được Bát Nhã Ba-la-mật dẫn đạo thì 5 độ kia mới xứng đáng được gọi là Ba-la-mật. Ngược lại, phải đầy đủ 5 Ba-la-mật kia, thì Bát Nhã Ba-la-mật mới được viên mãn.

Hỏi: *Vì sao muốn được đầy đủ bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định thì phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật?*

Đáp: Bố thí có hai thứ. Đó là: Tịnh thí và bất tịnh thí.

Bố thí mà chẳng do tâm thế gian mà chỉ do hảo tâm thanh tịnh là tịnh thí. Còn bố thí với tạp tâm của thế gian là bất tịnh thí. Bố thí mà chẳng cầu phước báo ở đời sau chỉ cầu Niết bàn là tịnh thí.

Tịnh thí xuất phát từ tâm đã thấm nhuần Bát Nhã Ba-la-mật. Vậy nên nói “Muốn có đầy đủ bố thí Ba-la-mật phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật”. Được như vậy mới xả được cả trong lẫn ngoài mà chẳng vương vấn, luyện tiếc.

Cũng như vậy, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, nếu chẳng được Bát Nhã Ba-la-mật dẫn đạo thì chẳng được kiên cố. Phải được Bát Nhã Ba-la-mật dẫn đạo thì 5 độ kia mới xứng đáng được gọi là Ba-la-mật, mới dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề. Ví như một đội quân, dù thiện chiến đến đâu, nếu chẳng có vị tướng tài giỏi chỉ huy, thì chẳng có thể thắng được giặc. Lại như người có thân hình đầy đủ mà thiếu đôi mắt, chẳng có thể đi đến chỗ mong muốn được. Phải có trí huệ Bát Nhã Ba-la-mật dẫn đạo thì 5 Ba-la-mật kia mới được tăng trưởng, nên Phật dạy rằng: “Muốn được đầy đủ 5 Ba-la-mật kia thì phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật”.

-o0o-

KINH:

Muốn được thân thể đời đời giống như thân Phật, có đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Hỏi: *Trong kinh nói phải trải qua 3 A-tăng-kỳ kiếp mới gieo đủ 32 tướng tốt. Sao nay lại nói như vậy?*

Đáp: Chẳng phải chỉ riêng Phật mới có 32 tướng tốt mà cũng có rất nhiều người khác có được vậy.

Ví như ngài Nan Đà, do nhân duyên đời trước làm nhà tắm cúng dường chúng Tăng, nguyện đời đời được thân đoan chánh, lại vào một đời khác, đã trang nghiêm tháp thờ một vị Bích Chi Phật, nguyện đời đời được thân đoan chánh mà được thân tướng trang nghiêm. Khi ngài xuất gia làm Sa môn, sắc tướng của ngài uy nghiêm, rạng rỡ, khiến chúng Tăng thấy ngài từ xa đi lại, lầm tưởng là Phật đến, cùng đứng dậy nghênh đón. Ngài Nan Đà còn được như vậy, huống nữa

là các đại Bồ tát đã nhiều kiếp tu hành các công đức. Lại ví như Bồ tát Di Lặc, khi còn là một cư sĩ bạch y đã có tướng lông trắng giữa chầng mày, tướng lưỡi rộng dài trùm khắp cả mặt. Trong kinh *Đại Thừa Ma Ha Diễn* nói: “Có vị Bồ tát, từ sơ phát tâm đến khi thành Đạo chẳng bao giờ sanh ác tâm nên trong nhiều đời được quả báo 5 thân thông, được thân tướng uy nghiêm tựa như Phật”.

Hỏi: *Bồ tát chưa được đầy đủ Phật Đạo, sao lại có được thân tướng uy nghiêm như thân Phật?*

Đáp: Vì hạnh nguyện độ sanh nên Bồ tát hóa hiện nhiều thân, hoặc làm vị Chuyển Luân Thánh Vương, hoặc làm Đế Thích, hoặc làm Phạm Vương, hoặc làm Thanh Văn, hoặc làm Bích Chi Phật v.v...

Trong kinh *Lăng Nghiêm* nói, Bồ tát Văn Thù có thời hiện làm thân một vị cổ Phật, hiệu là Long Chuông Thượng Tôn Vương Phật, vì chúng sanh nói pháp. Vì sao? Vì vào thời ấy chúng sanh có thấy được thân Phật mới hoan hỷ thọ hóa.

Hỏi: *Nếu Bồ tát có thể tự hiện làm thân Phật được thì so với Phật đâu có gì khác nữa?*

Đáp: Bồ tát an trú Thập Địa đã có đầy đủ Phật pháp, nguyện ở trong thế gian rộng độ chúng sanh, mà không vào Niết bàn, nên có vi diệu thần lực, có thể biến hóa ra các thân, vì chúng sanh thuyết pháp. Tuy Bồ tát hóa hiện thân Phật, nhưng chẳng phải là chân thật Phật thân vậy. Tuy rằng Bồ tát hóa hiện thân Phật, độ được rất nhiều chúng sanh, nhưng số chúng sanh được độ cũng có hạn lượng. Phật độ vô lượng vô biên chúng sanh chẳng có hạn lượng vậy.

Lại nữa, Bồ tát hóa hiện được thân Phật, nhưng không biến hiện ở khắp 10 phương thế giới. Trí huệ của Bồ tát dụ

như mặt trăng đêm 14, chẳng có thể bị đờc trí huệ của Phật, dụ như mặt trăng đêm rằm.

Hỏi: 32 tướng tốt chỉ là tướng do phước bảo sanh, chỉ là tướng hữu lậu, còn Bát Nhã Ba-la-mật là vô tướng, như hư không. Như vậy vì sao muốn đờc 32 tướng tốt lại phải học Bát Nhã Ba-la-mật?

Đáp: Có hai trường hợp. Đó là:

- Phật có 32 tướng tốt với đầy đủ diệu nghĩa.

- Những người khác, như Chuyển Luân Thánh Vương cũng có thể có 32 tướng tốt, nhưng chẳng có đờc đầy đủ diệu nghĩa.

Cũng như vậy, nếu bố thí mà có Bát Nhã Ba-la-mật soi sáng, dẫn đạo thì mới có đờc đầy đủ công đức, mới làm duyên khởi cho 32 tướng tốt như Phật; nếu bố thí mà chẳng đờc trí huệ Bát Nhã Ba-la-mật soi sáng, dẫn đạo thì chẳng có đờc đầy đủ công đức.

Hỏi: Phải hành bố thí như thế nào để đờc 32 tướng tốt?

Đáp: 32 tướng tốt đã đờc nói rõ ở quyển 4 bộ luận này. Dưới đây chỉ nêu một thí dụ điển hình thôi.

Ví như bố thí mà khiến cho người thọ thí đờc thân hình mạnh khỏe, thì có đờc luân tướng hiện ra nơi tay chân, lại có tướng tay chân mềm mại v.v...

Hỏi: Chư Phật ba đời 10 phương đều dạy rằng: “Thật Tướng pháp là vô tướng”. Sao nay lại nói đến 32 tướng tốt?

Đáp: Như trước đây đã nói, Phật pháp phân biệt có 2 Đê. Đó là:

- Thế tục Đê.

- Đệ Nhất Nghĩa Đé.

Vì thế đé, thì có nói đến 32 tướng tốt của Phật. Về Đệ Nhất Nghĩa Đé thì nói Thật Tướng các pháp đều là vô tướng. Lại nữa, trong Phật pháp có phân biệt 2 đạo. Đó là:

- Phước đạo.

- Huệ đạo.

Ở nơi phước đạo thì nói Phật có 32 tướng tốt. Vì chúng sanh mà Phật thị hiện sanh thân người, với đầy đủ 32 tướng tốt. Ở nơi huệ đạo thì nói đến Pháp Thân Phật là vô tướng vậy. Phật có đầy đủ 32 tướng tốt (tướng hảo) và 80 vẻ đẹp (tùy hình hảo) trang nghiêm thân, lại có 10 Lực, 4 Vô sở úy, 4 Vô ngại trí, 18 Bất Cộng Pháp, đại từ, đại bi, ... trang nghiêm công đức.

Bởi nhân duyên vậy, nên cũng có 2 cách dẫn đạo chúng sanh:

- Muốn dẫn đạo chúng sanh tu phước thì dùng 32 tướng tốt.

- Muốn dẫn đạo chúng sanh tu huệ thì dùng Pháp thân vô tướng.

Vì sao vậy?

Vì chúng sanh có 2 hạng:

- Có hạng người chấp giả danh tướng. Đối với hạng người này thì nên nói về 32 tướng tốt.

- Có hạng người rõ biết các pháp chỉ là giả danh, giả tướng. Đối với hạng người này thì nên nói về Pháp thân vô tướng.

Hỏi: Vì sao không nói 80 vẻ đẹp là tướng đẹp?

Đáp: Tướng tốt hay vẻ đẹp cũng nhằm làm trang nghiêm

thân Phật. Thế nhưng có phân biệt nói như vậy, vì khi nói về 32 tướng tốt là nói về tổng tướng, còn khi nói về 80 vẻ đẹp là nói về biệt tướng. Đây chỉ là cách trình bày theo thứ lớp, có thô, có tế, có lớn, có nhỏ.

Sở dĩ phải trình bày thứ lớp như vậy là nhằm phát khởi tín tâm nơi chúng sanh vậy thôi.

Hỏi: Phật đã tận đoạn chúng sanh tướng rồi. Như vậy vì sao ở nơi tướng KHÔNG mà còn nói đến các tướng tốt trang nghiêm?

Đáp: Phật muốn chúng sanh tín kính, muốn phá trừ kiêu mạn nơi chúng sanh nên mới thị hiện đầy đủ thân tướng trang nghiêm. Vì sao? Vì nếu Phật chẳng có thị hiện đầy đủ thân tướng trang nghiêm thì chúng sanh chẳng sanh được nhất tâm cung kính Phật, Phật hiện đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp thì chúng sanh mới phát khởi được tín tâm thanh tịnh.

Phật pháp thâm thâm, vô lượng, khó tin, khó giải. Chúng sanh căn độn trí mỏng, nếu tự lực rất khó có thể vào được. Phật vì chúng sanh phóng đại quang minh, khiến chúng sanh nương theo đó mà vào được diệu pháp. Chúng sanh thấy oai đức của Phật, nghe được Phạm âm của Phật sanh tâm hoan hỷ, tín thọ.

Nên biết, bên trong Phật đầy đủ oai đức tri giới, bên ngoài Phật thị hiện vô lượng oai nghi. Như vậy, cả trong lẫn ngoài Phật hiện đủ các phương tiện độ sanh.

- Lấy trí huệ làm lợi lạc cho người lợi căn. Lấy thân tướng trang nghiêm làm lợi lạc cho người độn căn.

- Lấy tâm trang nghiêm khai mở cửa Niết bàn. Lấy thân tướng trang nghiêm khai mở kho phước lạc ở cõi Trời và cõi Người.

- Lấy tâm trang nghiêm dẫn dắt chúng sanh vào ba cửa giải thoát. Lấy thân tướng trang nghiêm dẫn dắt chúng sanh tu các phước đức.

-o0o-

Bởi nhân duyên vậy, nên Phật thị hiện sanh thân với đầy đủ tất cả 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp.

-o0o-

KINH:

Muốn vào nhà Bồ tát, vào đất Phật, chẳng xa rời Phật, phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Nhà Bồ tát là tâm đại bi.

Ví như người sanh vào nhà vua chúa, chẳng còn sợ đói khát, chẳng còn sợ nóng bức, rét buốt, chẳng có ai dám khinh rẻ. Người phát tâm đại bi, sanh vào nhà Bồ tát được mọi người cung kính. Bồ tát từ sơ phát tâm, đã phát thệ nguyện độ hết thầy chúng sanh, đưa họ vào vô thượng Bồ Đề. Bồ tát rõ biết hết thầy các pháp, ở nơi thật tướng đều chẳng có sanh, chẳng có diệt nên vào được Vô Sanh Pháp Nhãn tường trú trong đạo Bồ tát.

Trong kinh có ghi lời Phật dạy rằng: “Khi ta trì Tâm Kinh. Ta thấy được Phật Định Quang, ta được Vô Sanh Pháp Nhãn, được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật”. Bồ tát nghe lời Phật dạy tự nghĩ rằng: “Ta nguyện ở trong vạn ức kiếp cúng dường chư Phật, chẳng có giải đãi, chẳng có nhàm chán, xem vô lượng kiếp như thời gian một ngày một đêm thôi. Ta nguyện thường tinh tấn, thường hoan hỷ tu hành.”

Bồ tát khởi tâm đại bi thương xót hết thầy chúng sanh,

dùng mọi phương tiện giáo hóa họ, khiến họ đoạn dứt được phiền não, tăng trưởng thiện căn, đưa họ vào chánh đạo mà chẳng hề nghĩ đến sự đền ơn đáp nghĩa của họ.

Bồ tát quán thật tướng các pháp, thấy tất cả sắc pháp đều là Phật sắc, mà chẳng sanh tâm chấp đắm.

Lại nữa, Bồ tát do niệm Phật lực, mà thấy được chúng sanh lưu chuyển trong các nẻo đường sanh tử, nên phát nguyện cứu khổ cho hết thảy chúng sanh. Chẳng phải như chúng sanh thường quý vàng bạc châu báu, Bồ tát chỉ quý Tam bảo, khởi từ tâm tam muội khiến hết thảy pháp đều trở thành Phật pháp, nên chẳng chấp pháp tướng, cũng chẳng chấp phi pháp tướng.

Như vậy gọi là Bồ tát vào nhà Bồ tát.

Hỏi: *Vì sao Bồ tát muốn sanh vào nhà Bồ tát phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật?*

Đáp: Có 2 hạng Bồ tát.

- Hạng Bồ tát có tín tâm kiên cố.
- Hạng Bồ tát không có được tín tâm kiên cố.

Có Bồ tát từ sơ phát tâm đến khi vào được Vô Thượng Bồ Đề, nguyện đời đời xuất gia hành đạo, chẳng thọ dục lạc thế gian. Bồ tát có tín tâm kiên cố như vậy mới vào được nhà Bồ tát. Muốn vào nhà Bồ tát, phá hết thảy các ma sự, được Vô Sanh Pháp Nhân, phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

Phật là vị Pháp vương, Bồ tát muốn được xứng đáng là vị Pháp vương tử, đem giáo pháp của Phật rộng độ hết thảy chúng sanh phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

Hỏi: *Bồ tát đã nguyện rộng độ hết thảy chúng sanh. Như vậy vì sao còn muốn gần Phật?*

Đáp: Các vị tân học Bồ tát vì chưa có đầy đủ thiện căn công đức chưa vào được Bồ tát vị nên chẳng dám xa rời Phật vì còn sợ bị thối tâm.

Lại nữa, chỉ có Phật mới độ các Bồ tát vào Phật đạo, nên Bồ tát chẳng muốn xa rời Phật, Bồ tát gần Phật được nhiều lợi ích, được nghe pháp, được đại bi, đại trí, thường tùy pháp hành mà được đại giải thoát. Ví như đứa bé chẳng muốn rời mẹ, người đi đường xa chẳng dám rời người tải lương thực, người ở xứ nóng bức chẳng muốn rời chỗ có gió mát, người ở xứ lạnh chẳng muốn rời bếp lửa, người vượt sông sâu chẳng muốn rời chiếc bè, người bị bệnh nặng chẳng muốn rời ông thầy thuốc v.v...

Hỏi: *Đã nói pháp hữu vi chẳng có thể tin được. Như vậy vì sao Bồ tát lại chẳng muốn rời Phật thân?*

Đáp: Bồ tát cầu Phật Đạo thường tu hai hạnh. Đó là:

- Sanh nhĩn.
- Pháp nhĩn.

Bồ tát hành Sanh Nhĩn, khởi tâm đại bi, thương xót chúng sanh đang chìm đắm trong biển sanh tử luân hồi, thọ vô lượng khổ đau, nên phát nguyện độ thoát họ. Do vậy mà được vô lượng phước đức.

Bồ tát hành Pháp Nhĩn phá hết sạch vô minh nên được vô lượng trí huệ.

Tu hai hạnh ấy, Bồ tát chẳng rời Phật, thường niệm Phật Tam muội nên đời đời được gặp Phật.

Bồ tát không quý các phước báo của Chuyển Luân Thánh Vương cũng như các phước báo khác ở cõi Trời, cõi người mà chỉ thường niệm Phật nên thường được gặp Phật. Ví như

người thường niệm Phật tam muội, khi mạng chung sẽ được sanh về cõi Cực Lạc của Phật A-di-đà.

Hỏi: *Do nhân duyên gì mà được sanh về cõi Cực Lạc?*

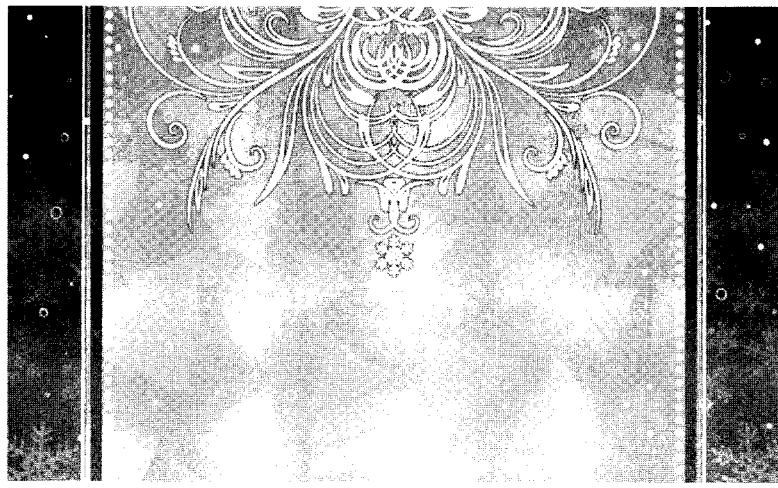
Đáp: Do tinh tấn niệm Phật tam muội, chẳng hề xao lãng, mà khi chết được sanh về cõi Cực Lạc của Phật A-di-đà.

Ví như người tu 9 pháp quán bất tịnh sẽ thấy được bộ xương khô trắng như tuyết. Người tu niệm Phật tam muội cũng như vậy. Do nhiếp tâm thanh tịnh mà được thấy các pháp vốn tự thanh tịnh. Khi đã thấy tâm thanh tịnh rồi thì sẽ được tùy ý đi đến các cõi Phật. Người niệm Phật tam muội rõ biết chư Phật chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, rồi quán thấy mình cũng là như vậy, rõ biết hết thấy sự vật đều do tâm tạo, nên tùy tâm liền thấy được Phật. Vì sao? Vì tâm tức Phật, Phật tức tâm. Nếu ly được các tướng thì liền được thật tướng các pháp, rõ biết tướng các pháp là thường tịch diệt. Do vậy mà vào được KHÔNG tam muội, được trí bát nhã, có đầy đủ hai hạnh lực là: Tùy ý và tùy nguyện.

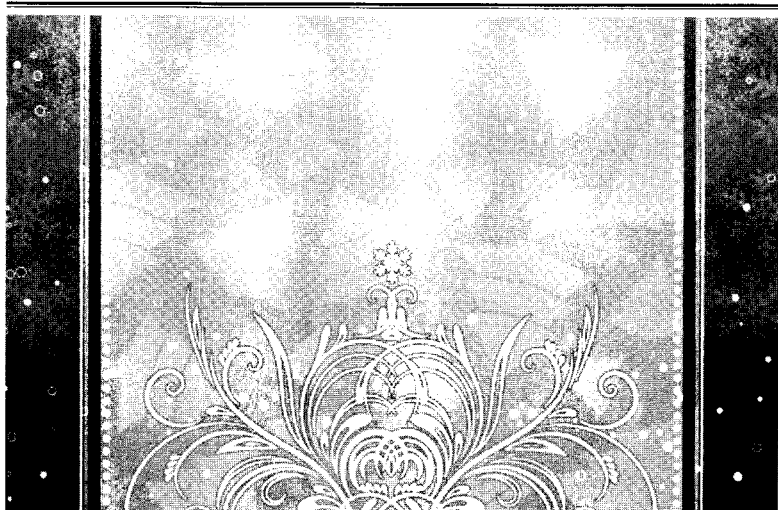
Ví như chim có đầy đủ đôi cánh tùy ý bay giữa hư không, xa ngàn dặm. Bồ tát được tam muội trí huệ lực, đời nay tùy ý đến các cõi Phật cúng dường chư Phật, đời sau cũng lại được gặp Phật.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói “Bồ tát muốn vào nhà Bồ tát, vào đất Phật, chẳng xa rời Phật phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật”.

(Hết quyển 29)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 30



Phẩm Thứ Nhất (TIẾP THEO)



Thiện Căn Cúng Đường (Cúng đường căn lành)

KINH:

Muốn dùng thiện căn cúng đường chư Phật, muốn cung kính, tôn trọng, tán thán chư Phật, muốn tùy ý thành tựu thiện căn phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Bồ tát trong vô lượng kiếp đã cung kính tôn trọng, tán thán chư Phật khắp mười phương.

Trong kinh có chép các mẫu chuyện sau đây:

* Bồ tát Tu Ma Đề ngay khi vừa thấy đức Phật Nhiên Đăng đã dùng 500 tiền vàng để mua 5 cành hoa sen xanh cúng đường Phật.

* Bồ tát Tát Đà Bà Luân chẳng tiếc thân mạng, đã tự lóc thịt mình, tự thích huyết mình để cúng đường Bát Nhã Ba-la-mật và vị thầy của mình là Bồ tát Đàm Vô Yết.

Lại nữa, ví như người làm ruộng gặp được ruộng tốt mà chẳng gieo được hạt lúa thì rất buồn phiền. Bồ tát gặp được Phật mà chẳng được cúng đường, chẳng gieo được thiện căn nơi ruộng phước của Phật thì tâm chẳng được an vui. Vì sao? Vì nếu chẳng được cúng đường Phật thì thiện căn bị ngăn ngại, chẳng có thể tăng trưởng và thiện quả báo chẳng sao có thể được đầy đủ.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát dùng thiện căn để cúng dường chư Phật khắp 10 phương.

Hỏi: *Vì sao lại dùng thiện căn để cúng dường mà chẳng có dùng hoa hương để làm nhân duyên cúng dường?*

Đáp: Có hai nhân duyên cúng dường. Đó là:

- Dùng tài vật làm nhân duyên cúng dường.
- Dùng pháp làm nhân duyên cúng dường.

Nếu chỉ dùng hoa hương để cúng dường thì đó chỉ mới là cúng dường tài vật, chưa pháp cúng dường pháp. Nay nói dùng thiện căn để cúng dường, là nhiếp luôn cả cúng dường tài vật và cúng dường pháp. Cúng dường Phật được thể hiện bằng rất nhiều hình thức.

- Có người do thấy Phật có vô lượng công đức mà sanh tâm cung kính, tôn trọng, lễ bái hoặc diễu quanh, hoặc đứng sang một bên, hoặc dâng cúng hương hoa, trân bảo v.v... Như vậy là một hình thức cúng dường.

- Có người, do thấy Phật là bậc trí đức vô thượng, ở thế gian chẳng có ai sánh kịp, mà sanh tâm tôn trọng, tán thán v.v... Như vậy cũng là một hình thức cúng dường.

Hỏi: *Bồ tát chẳng còn chấp sự cúng dường. Như vậy vì sao còn muốn cúng dường Phật theo ý muốn?*

Đáp: Phước đức tùy tâm khởi. Chỉ có sự cúng dường phát xuất từ tâm thanh tịnh mới được phước báo nhiều. Ví như vua A Dục, khi còn nhỏ tuổi, lấy năm đất cúng dường Phật nên được phước đức rất lớn. Về sau lên ngôi vua, ngài lại phát nguyện, cho khởi công xây cất 8 vạn ngôi tháp trong một ngày. Bởi vậy nên tùy tâm cung kính mà cúng dường được rất nhiều phước đức.

Lại nữa, tùy thời cúng dường cũng được phước đức rất lớn. Ví như gặp mùa lạnh thì nên cúng dường các chất đốt như củi, dầu, cúng dường áo ấm, chăn mền, cúng dường các thức ăn nóng v.v... Vào mùa nóng thì nên cúng dường quạt, cúng dường nước mát v.v... Tóm lại phải nên tùy thời mà chọn các vật dụng, các thức ăn uống... để cúng dường cho thích hợp. Như vậy là tài cúng dường.

Có Bồ tát rõ biết bản nguyện của chư Phật là giáo hóa chúng sanh, nên đã tùy theo căn tánh của chúng sanh mà diu dắt họ vào Đạo. Như vậy là pháp cúng dường.

Có Bồ tát được thâm thiền định, có đủ thần thông, hoặc khinh thân bay đến các cõi khắp 10 phương cúng dường chư Phật, hoặc hóa tác đủ thứ hoa trời, hương trời, kỹ nhạc âm thanh để cúng dường chư Phật, hoặc lấy thân làm đèn để cúng dường chư Phật. Như vậy gọi là tài cúng dường.

Có Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật từ Sơ Địa đến Thập Địa được Vô Sanh Pháp Nhân, diệt được phiền não nơi chính mình và diệt phiền não cho chúng sanh. Như vậy gọi là pháp cúng dường.

Có Bồ tát dùng thần thông vào chôn địa ngục, khiến lửa địa ngục tắt, vào chôn ngạ quỷ khiến ngạ quỷ được no đủ, vào trong chôn súc sanh khiến súc sanh lìa được sợ hãi, vào trong các cõi trời, cõi người giáo hóa họ, khiến họ được tâm bất thối. Làm các đại công đức như vậy gọi là pháp cúng dường.

Bởi nhân duyên vậy, nên kinh nói “Bồ tát muốn thành tựu thiện căn phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật”.

KINH:

Muốn thỏa mãn hết thấy các nguyện của chúng sanh phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Hỏi: *Vì sao Bồ tát muốn thỏa mãn hết thấy nguyện của chúng sanh?*

Đáp: Bồ tát tu tập nhằm hai hạnh nguyện. Đó là:

- Trên thì cúng dường chư Phật.

- Dưới thì độ thoát chúng sanh.

* Bồ tát cúng dường chư Phật, là những đấng pháp vương nên được vô lượng phước đức.

* Bồ tát do hạnh nguyện độ thoát hết thấy chúng sanh mà ra vào sanh tử, sống chung với chúng sanh, đưa họ vào Phật Đạo, khiến họ được mãn nguyện, được an vui lợi lạc. Bồ tát dùng tài vật bố thí cho chúng sanh, khiến họ thoát khỏi cảnh đói khát, nghèo khổ bần cùng, lại bố thí pháp khiến họ thoát khỏi lưới tà ma Ngoại đạo.

Như vậy, là Bồ tát đầy đủ cả hai hạnh nguyện: cúng dường chư Phật và độ thoát chúng sanh khiến họ được mãn nguyện.

Hỏi: *Bồ tát có thể thỏa mãn hết thấy các nguyện của chúng sanh được không?*

Đáp: Nên phân biệt hai thứ nguyện:

- Nguyện có thể thỏa mãn được.

- Nguyện không có thể thỏa mãn được.

Ví như đứa trẻ muốn bắt bóng trong gương, muốn vớt trăng dưới nước v.v... là những nguyện chẳng có thể thỏa

mãn được.

Ví như người cầu lấy lửa nơi gỗ, nơi đá, cầu tìm nước dưới đất v.v... là những nguyện có thể thỏa mãn được, Bồ tát giúp chúng sanh thỏa mãn những nguyện có thể thỏa mãn được.

Lại nữa, cũng nên phân biệt hai thứ nguyện:

- Nguyện thế gian.
- Nguyện xuất thế gian.

Ví như muốn có cơm no, áo ấm, có nhà ở, có công việc làm ăn v.v... là những nguyện thế gian.

Ví như muốn được giải thoát, vào Niết bàn v.v... là những nguyện xuất thế gian.

Bồ tát giúp chúng sanh thỏa mãn những nguyện thế gian chính đáng, rồi dần dần dẫn dắt họ vào con đường giải thoát giác ngộ.

Hỏi: Vì sao Bồ tát chỉ dạy cho chúng sanh làm những việc dễ làm, mà chẳng dạy cho họ những việc khó làm?

Đáp: Nguyện được an lạc ở đời này là việc dễ làm. Nguyện được đời sau được an lạc ở Niết bàn là việc khó làm.

Từ khi sơ phát tâm, Bồ tát đã muốn dạy cho chúng sanh tu hành theo chánh đạo, nhưng rất nhiều chúng sanh chẳng có kham nhẫn thọ hóa, nên Bồ tát phải dạy cho họ tu những pháp môn dễ tu, như bố thí, tu phước, v.v... Dù có những chúng sanh chẳng muốn tu, nhưng Bồ tát vẫn chẳng bỏ rơi họ, mà trái lại tìm mọi cách đến với họ. Bồ tát cho họ ăn uống, cấp quần áo, chữa bệnh cho họ, cho họ hưởng các thú vui v.v... nhằm kết duyên với họ, để đời sau họ vào được Đạo. Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát thường tu bố thí Ba-la-mật, hiện thân vua chúa, thân Trưởng giả giàu sang... đem

tài vật bỏ thí cho vô lượng chúng sanh, khiến ai nấy cũng đều được cung cấp đầy đủ.

Trong kinh có chép mẫu chuyện sau đây:

Cư sĩ Tần Đầu là một vị trưởng giả rất giàu có, lại có lòng từ bi rộng lớn. Ông phát nguyện hành đại bố thí. Nguyện như vậy rồi, ông ngồi lên chiếc giường làm bằng bảy thứ ngọc quý, truyền lệnh cho mở rộng cửa, và ngày đêm sáu thời, truyền đánh trống để dân chúng khắp nơi biết, đến nhận sự bố thí. Khi dân chúng đã tụ tập đông đảo, ông bèn ngửa mặt lên không trung chú nguyện. Liên sau đó, mưa từ trên đổ xuống muôn vạn thức ăn uống, đủ để cung cấp cho mọi người. Khi thấy mọi người đều đã mãn nguyện, ông mới vì họ nói pháp, khiến có rất nhiều người được Đạo, vào được Bất Thối Chuyển Địa.

Đây là trường hợp Bồ tát dùng thần thông làm mãn nguyện chúng sanh.

Hỏi: *Ngay khi Phật còn tại thế, chúng sanh cũng còn chịu cảnh đói khát, nghèo nàn. Như vậy vì sao nói Bồ tát có thể vận dụng các thần thông nhằm làm mãn nguyện chúng sanh được?*

Đáp: Bồ tát trú ở Thập Địa, đầy đủ Ba-la-mật, được bất thối chuyển rồi, có thể hoặc lên cung trời Đâu Suất, hoặc thị hiện xuống trần gian độ vô lượng chúng sanh, hoặc thị hiện nhập Niết bàn để lại xá lợi cho chúng sanh đời sau xây tháp cúng dường, khiến được nhiều lợi lạc.

Đây là những hạnh nguyện của Bồ tát.

Còn nói về Phật thì phải nên biết rằng, Phật thân phân biệt có:

- Chân thân.
- Hóa thân.

* Chân thân của Phật biến khắp hư không, thuyết pháp truyền khắp 10 phương thế giới, khiến các vị Bồ tát trú Thập Địa, có chí lực lớn đều được nghe và tín thọ.

* Hóa thân là thân biến hóa, thị hiện sanh ở các cõi để hóa độ chúng sanh. Như trường hợp đức Phật Thích Ca Muru Ni, thị hiện thọ thân người, cũng đi đứng nằm ngồi, cũng chịu nóng lạnh, đói khát, cũng thị hiện có sanh, có già, có bệnh, có chết y như mọi người khác.

Phật có đầy đủ công đức lực, nhưng chẳng làm mãn nguyện hết thầy chúng sanh. Vì chúng sanh tham sân si vô cùng tận, khó có thể dứt sạch phiền não, kiết sử, khó có thể thoát ra khỏi ngục tù ba cõi. Bởi vậy nên Phật đã vì chúng sanh, chỉ bày cho họ Niết bàn chân lạc. Nếu chúng sanh nào tín thọ lời dạy, tinh tấn tu hành chắc chắn sẽ được mãn nguyện.

Trong kinh *Duy Ma Cát* có nói: “Phật chỉ cần ấn ngón tay là cõi Ta Bà này trở thành cõi thanh tịnh, đầy dẫy bảy báu trang nghiêm. Thế nhưng chúng sanh do nghiệp chướng sâu dày, chẳng sao có thể hay biết được. Do vậy mà chẳng được mãn nguyện”.

Lại nữa, trong 4 lối ăn gồm đoạn thực, xúc thực, tư thực và thức thực^(*), thì đoạn thực làm tăng ích cho ba lối ăn kia,

*. Đoạn thực là cách ăn, phân thức ăn thành từng miếng nhỏ. Xúc thực là cách ăn bằng sự cảm xúc với cảnh vật. Tư thực là cách ăn bằng ý nghĩ. Thức thực là cách ăn bằng tri thức.

cho nên Phật dạy: “Bồ thí thức ăn cho người được hưởng 5 phước quả^{**}”.

Đối với chư Thiên thì các thức ăn uống đều là vị cam lồ, còn đối với loài người thì toàn là thứ bất tịnh. Mặc dù vậy, Bồ tát vì thương xót chúng sanh, tùy thuận theo sự yêu thích của họ mà bồ thí cho họ được đầy đủ các thức ăn uống, áo quần chăn mền... như đã nói trên đây. Khi đã kết duyên với họ rồi, Bồ tát sẽ phương tiện nói pháp dẫn họ vào Phật Đạo.

Hỏi: Nếu bồ thí Ba-la-mật được vô lượng phước báo thì vì sao còn nói Bồ tát muốn mãn hết thảy chúng sanh nguyện phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật?

Đáp: Trước đây đã nói bồ thí Ba-la-mật phải hòa hợp với Bát Nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì chỉ có Bát Nhã Ba-la-mật mới phá được hết thảy chúng sanh tướng. Bồ thí như vậy mới được vô ngại. Cho nên kinh nói: “Muốn dùng các thần thông để làm lợi ích cho chúng sanh phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật”.

-o0o-

KINH:

Này Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma-ha-tát muốn khiến chúng sanh trong hằng sa thế giới được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Hỏi: Vì sao nói “Bồ tát muốn khiến chúng sanh trong

^{**}. 5 phước quả là: Mạng (được sống lâu) - Sắc (được thân đoan trang) - Lực (được khỏe mạnh) - Lạc (được vui tươi) - Biện (nói năng lưu loát).

hằng sa thế giới được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật”?

Đáp: Bồ tát chẳng những muốn đem lại sự an vui, lợi lạc cho chúng sanh ở trong đời này mà còn khiến chúng sanh được an vui lợi lạc trong vô lượng đời sau. Bởi vậy nên, sau khi bố thí các thức ăn uống, áo quần, chăn mền... khiến chúng sanh được an vui trong đời này, Bồ tát lại dạy cho họ 6 pháp Ba-la-mật, khiến họ được đầy đủ 4 đức là thường, lạc, ngã và tịnh ở đời sau.

Tuy Bồ tát hành đại bố thí nhưng vẫn còn nhiều chúng sanh, vì tội cấu sâu dày, vẫn chẳng có thể thọ nhận được. Ví như loài ngựa quý vừa thấy thức ăn, thì thức ăn ấy đã biến thành lửa chẳng sao có thể ăn được.

Bởi nhân duyên vậy, nên trong vô lượng kiếp, Bồ tát chẳng bao giờ rời bỏ chúng sanh, mãi mãi theo chúng sanh để giáo hóa họ mà vẫn chẳng bao giờ nhàm chán.

Hỏi: *Đạo A-tu-la có nhiếp vào đạo quý không?*

Đáp: A-tu-la chẳng có nhiếp trong đạo quý. A-tu-la có sức lực đánh thắng cả Tam Thập Tam Thiên, lại thọ đầy đủ 5 dục lạc, chẳng khác nào các chư Thiên cả.

A-tu-la còn được gọi là thần A-tu-la hoặc là Thiên thần A-tu-la, mặc dù A-tu-la thọ lạc kém hơn chư Thiên rất nhiều.

Hỏi: *Trong các kinh thường nói đến 5 đạo chúng sanh mà thôi. Vì sao ở đây lại nói đến 6 đạo chúng sanh?*

Đáp: Phật có lúc nói có 5 đạo chúng sanh, có lúc nói có 6 đạo chúng sanh, nhưng cũng chẳng có gì sai khác cả. Như kinh *Pháp Hoa* nói đến 6 đạo gồm Trời, Người, A-tu-la, Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh.

Bồ tát dạy chúng sanh phải tu bố thí để khỏi rơi vào 3 đường ác (3 ác đạo). Chúng sanh nghe nói như vậy xả bỏ được tham sân si, tu hành bố thí. Do nhân bố thí, mà được hưởng quả báo ở đời sau, được 3 thứ lạc là lạc ở cõi người (nhân lạc), lạc ở cõi Trời (thiên lạc) và lạc ở Niết bàn (Niết bàn lạc). Lại cũng do nhân bố thí mà mở được cửa vào Phật đạo, được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật được vô lượng công đức. Bố thí ví như đạo quân phá giặc kiết sử, ví như con thuyền lớn chở chúng sanh vượt qua biển sanh tử, ví như cỗ xe lớn đưa chúng sanh đến bờ giải thoát.

-o0o-

Bồ tát lại dạy chúng sanh tu trì giới. Ví như con được cha mẹ nuôi dưỡng, càng ngày càng khôn lớn thêm lên. Cũng như vậy, nếu giới được nuôi dưỡng, sẽ càng lâu càng thêm tăng trưởng, sẽ trở thành thanh tịnh, vô lậu. Giới là căn bản của người xuất gia. Người được tịnh giới ví như viên ngọc Ma Ni Bảo Châu, có thể tùy theo nguyện ước của chúng sanh, làm cho họ được thỏa mãn, được hoan hỷ.

Sau khi dạy tu bố thí, tu trì giới rồi, Bồ tát lại dạy chúng sanh tu nhẫn nhục. Nhờ nhẫn nhục mà bố thí và trì giới mới được viên mãn. Nhẫn nhục ví như chiếc áo giáp bảo vệ mạng sống của người chiến sĩ, xông pha vào rừng tên đạn, ví như liều thuốc hay chữa trị các bệnh nhiễm độc, ví như kho tàng lớn chứa nhóm công đức, ví như núi đồng vững chắc, ngăn chặn kẻ gian tà. Người cầu Phật đạo, nguyện độ chúng sanh, phải lấy nhẫn nhục làm lợi khí để tu tập các diệu hạnh. Người tu phải nghĩ rằng: “Nếu ta lấy sân để đáp lại sân là ta tự hại ta. Do đời trước ta đã gây nên tội, nên đời nay mới gặp phải những việc bất như ý. Nếu đời trước ta đã chẳng tu nhẫn

nhục rồi, mà đời nay ta lại cũng chẳng tu nhân nhục nữa thì muôn đời ta sẽ phải chìm đắm trong khổ đau. Vậy ta phải tu xả các nghiệp nhân duyên đã tạo ra trong các đời trước, phải khởi lòng từ bi rộng lớn thương xót chúng sanh; ta chẳng bao giờ nổi sân nữa, vì lửa sân sẽ thiêu rụi rừng công đức của ta”. Người tu lại nghĩ rằng: “Đức Phật dạy pháp vô ngã nhưng chúng sanh mê muội điên đảo, chấp có ngã, có pháp. Ngã và pháp đều do duyên hòa hợp sanh, vốn đều là tự tánh không. Lại nữa, niệm niệm sanh diệt nên là vô thường. Chẳng có người đánh mắng ta, chẳng có ta chịu sự đánh mắng của người, dẫn đến sự đánh mắng cũng chẳng có nữa, vì tất cả đều là rốt ráo KHÔNG. Đã như vậy thì ta đâu có gì phải sân hận, phải bức tức nữa. Ta phải biết rõ chúng sanh cũng như pháp đều là rốt ráo KHÔNG, đều là bất khả đắc. Như vậy mới vào được Vô Sanh Pháp Nhãn”.

-o0o-

Bồ tát lại dạy chúng sanh tu tinh tấn. Người tu mà giải đãi, chẳng có tinh tấn thì chẳng sao có được công đức thù thắng.

Tinh tấn có hai tướng. Đó là:

- Hay làm các việc thiện.
- Hay trừ các việc ác.

Có thuyết lại nói tinh tấn có 3 tướng. Đó là:

- Muốn làm các việc thiện.
- Muốn trừ các việc ác.
- Làm thiện và trừ ác không mệt mỏi, không ngưng nghỉ.

Có thuyết lại nói tinh tấn có 4 tướng. Đó là:

- Việc ác đã sanh phải trừ dứt.
- Việc ác chưa sanh phải ngăn không cho sanh.
- Việc lành chưa sanh phải khiến cho sanh.
- Việc lành đã sanh phải khiến tăng trưởng.

Người đời do tinh tấn mà vượt qua mọi khó khăn, thử thách. Dù phải vượt sông, trèo núi cũng chẳng phiền lòng, quyết tâm đạt đến mục tiêu mong muốn. Người tu hành do tinh tấn mà thành tựu được hết thảy công đức, có đại từ, đại bi, đại trí huệ làm lợi lạc cho hết thảy chúng sanh.

Tinh tấn, trì giới, bố thí là con đường phải theo của những ai muốn thừa sự chư Phật, muốn lợi lạc quần sanh. Vậy nên người tu phải nên tinh tấn tu hành các thiện pháp, chớ nên giải đãi.

-o0o-

Bồ tát lại dạy chúng sanh tu thiền định. Vì sao? Vì thiền định đem lại thanh tịnh lợi lạc ở đời này và pháp lạc nhiệm mầu ở đời sau. Ví như người làm ruộng gieo giống lúa tốt để được mùa lúa tốt. Người tu hành liả bỏ thế gian lạc để được thiền định lạc.

Thiền định dẫn sanh thật trí huệ, chiếu rõ các pháp như đèn sáng phá tan màn tối tăm u ám, khiến được 4 vô lượng tâm là từ, bi, hỷ và xả, được các thần thông biến hóa.

-o0o-

Khi được thiền Ba-la-mật rồi sẽ được trí huệ Bát nhã rõ biết thật tướng các pháp. Người không có trí huệ ví như cầm thú, nên kinh có dạy rằng: “Trí huệ là quý hơn hết. Trí huệ

Bát Nhã tiêu trừ các phiền não, đoạn dứt các nẻo đường sanh tử. Nhờ trí huệ Bát Nhã mà được đầy đủ 6 Ba-la-mật, được vô lượng Phật đạo, thành bậc Nhất Thiết Trí. Do trí huệ Bát Nhã mà Bồ tát quán chiếu được tâm niệm của các chúng sanh. Do lực phương tiện Bát Nhã mà Bồ tát khiến chúng sanh xa lìa được các huyền pháp thế gian, tu 6 pháp Ba-la-mật”.

Bởi nhân duyên vậy, nên kinh nói: “Bồ tát muốn khiến chúng sanh được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật”

-o0o-

KINH:

Muốn gieo trồng thiện căn nơi phước điền của Phật, từ khi sơ phát tâm cho đến khi thành bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Hỏi: Trước đã nói về 3 thiện căn là vô tham, vô sân và vô si. Sao nay lại nói về các thiện căn cúng dường, bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ dẫn đến thiện căn trì tụng kinh pháp... như vậy có gì khác nhau không?

Đáp: Những thiện căn phá tham sân si, bố thí... nhiếp về tu phước. Còn những thiện căn cúng dường, lễ bái, trì tụng kinh pháp, thiền định, trí huệ... là những pháp gieo trồng công đức vào nơi phước điền của Phật. Cũng như vậy, nhất tâm kiên cố niệm Phật được vô lượng công đức.

Hỏi: Trong kinh có nói đến nhiều thứ phước điền (ruộng phước). Vì sao nay chỉ nói đến phước điền của Phật mà thôi?

Đáp: Tuy có rất nhiều thứ phước điền nhưng phước điền của Phật là đệ nhất phước điền vậy. Ví như có thuốc hay mà chẳng có thầy giỏi thì thuốc ấy cũng chỉ là vô dụng. Phật có vô lượng công đức cho nên phước điền của Phật cũng vô tận.

Phật, khi còn là Bồ tát, đã kết duyên với hết thầy các chúng sanh. Vì chúng sanh vô biên nên phước điền cũng vô biên. Lại nữa, Phật có đại từ, đại bi, có 10 lực, có 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, dạy chúng sanh đoạn các phiền não, dẫn chúng sanh vào 3 thừa đạo, vào Niết bàn tịch tịnh. Bởi vậy, nên trong kinh nói: “Phước điền của Phật là vô thượng phước điền”.

Hỏi: *Hết thầy các pháp đều do duyên hòa hợp sanh nên đều là vô thường cả. Như vậy vì sao nói phước đức gieo vào pháp Niết bàn là vô tận?*

Đáp: Phật rõ biết, từ khi sơ phát tâm đến khi thành Phật, rắng các pháp tuy niệm niệm sanh diệt mà quả báo vẫn nối liền, chẳng bao giờ dứt đoạn, nên là vô tận. Ví như ngọn đèn, khi đã được thắp sáng rồi, mặc dù ánh sáng sanh diệt chẳng hề ngưng nghỉ, nhưng nếu dầu được cung ứng điều hòa, tương tục thấm vào tim đèn thì ngọn đèn sẽ được duy trì vô tận vậy. Cũng như vậy, hạt giống tâm khi đã được gieo trồng vào phước điền tốt thì sẽ chẳng bao giờ mất, nên gọi là vô tận.

Bồ tát rõ biết Niết bàn là vô tận nên phước đức gieo vào pháp Niết bàn cũng là vô tận.

Hỏi: *Niết bàn vô tận thì phước đức cũng vô tận. Như vậy, vì sao lại nói từ khi sơ phát tâm đến khi thành Phật nếu muốn có được quả báo vô tận, thì phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật?*

Đáp: Phước đức do lực trí huệ. Niết bàn do lực công đức. Vì công đức là bất sanh bất diệt, nên quả báo Niết bàn được thành tựu cũng vô cùng, vô tận. Ví như vào KHÔNG

tam muội để quán thể gian vô thường, rồi vào vô Tướng tam muội, Vô Tác tam muội để quán thể gian là vô tướng, vô tác. Bởi vậy nên muốn gieo trồng thiện căn vào phước điền của Phật, thì phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

-o0o-

KINH:

Muốn được chư Phật khắp 10 phương tán thán danh hiệu của mình, phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Hỏi: Bồ tát quán pháp KHÔNG, được vô ngã rồi. Sao lại còn muốn được chư Phật tán thán danh hiệu của mình?

Đáp: Phật pháp có hai pháp môn. Đó là:

- Thế Tục môn.
- Đệ Nhất Nghĩa môn.

Ở nơi Thế Tục môn, người tu tuy rằng đã rõ biết các pháp đều là giả danh, nhưng vì muốn được Phật ấn chứng đạo Vô Thượng Bồ Đề, nên muốn được các đức Phật tán thán danh hiệu của mình.

Lại nữa, Bồ tát muốn tin chắc chắn là mình đã được A Bộ Bạt Trí (bất thối chuyển) hay chưa, nên muốn được Phật ấn chứng. Vì sao? Vì chỉ có Phật mới thấy được công đức của người tu, mới như thật tán thán mà chẳng có lầm lẫn.

Phật là bậc Nhất thiết chủng trí nên những lời tán thán của Phật là như thật tán thán, chẳng có tăng, chẳng có giảm. Bởi vậy, nên người tu hành chỉ muốn Phật khen ngợi công đức của mình vậy.

Hỏi: *Tâm Phật bình đẳng, chẳng có phân biệt. Vì sao chỉ tán thán Bồ tát?*

Đáp: Tuy Phật chẳng có phân biệt, chẳng có thương ghét, nhưng do tâm đại bi thương xót chúng sanh, do muốn diu dắt chúng sanh vào Phật đạo mà Phật tán thán danh hiệu cùng công đức của chư vị Bồ tát.

Phật tán thán chư vị đại Bồ tát, nhằm hai mục tiêu. Đó là:

- Tán thán người chân tu, nhằm phá các ác ma.
- Tán thán Bồ tát nhằm khuyến dụ chúng sanh phải nhất tâm cung kính Bồ tát. Nhờ vậy mà dễ thành tựu được Phật đạo.

Hỏi: *Phật tán thán Bồ tát bằng cách nào?*

Đáp: Ở giữa đại chúng Phật muốn khiến chúng sanh vào được vi diệu, thậm thâm pháp, nên tán thán Bồ tát.

Có thời Phật nói: “Vị Bồ tát này đã vào được pháp KHÔNG, trái lòng từ bi với hết thảy chúng sanh, đã được Vô Sanh Pháp Nhãn, thường khởi các nghiệp thiện ở thân, khẩu, ý. Tuy ở trong sanh tử mà vẫn có Niết bàn, tuy trú nơi ba giải thoát môn mà chẳng có rời bỏ bản nguyện lợi sanh. Công đức như vậy thật là vô cùng to lớn”.

Có thời Phật nói, vị Bồ tát này tuy chưa được Vô Sanh Pháp Nhãn mà có lòng đại từ đại bi thường vì chúng sanh hành đại bố thí, như dùng diệu như ý bảo châu bố thí, đem lại sự ấm no cho nhân dân trong nước.

Có thời Phật nói “Vị Bồ tát này đem đầu, mắt, tủy, não bố thí. Bồ tát này bố thí mà chẳng hề tiếc thân mạng, như vậy, nên được vào pháp vị, được đầy đủ các thần thông”.

Có thời Phật nói “Vị Bồ tát này tu khổ hạnh mà vẫn chẳng cho là khó làm. Bồ tát này có trí nguyện rộng lớn như

vậy, có lòng đại bi như vậy, thường ái lạc Phật như vậy thật là hy hữu”.

-o0o-

Phật thường tán thán các hạnh bố thí, trì giới, nhẫn nhục nơi các Bồ tát, nhằm phát khởi tín tâm thanh tịnh nơi chúng sanh. Phật lại tán thán các hạnh tinh tấn, thiền định, trí huệ nhằm khuyến khích Bồ tát hành Bồ tát đạo và cũng nhằm khuyến khích chúng sanh theo gương Bồ tát mà hành đạo.

Phật thường tán thán các đại Bồ tát, như các ngài Văn Thù Sư Lợi, Duy Ma Cật, Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, Phổ Hiền v.v... Chư Bồ tát này ra vào sanh tử khắp 3 cõi, biến hóa vô số thân vào trong các loài, để giáo hóa chúng sanh. Phật lại thường nói “Các việc hy hữu trong 3 cõi đều do các hóa thân Bồ tát làm nên cả”.

Bởi vậy, nên kinh nói “Bồ tát muốn được tán thán danh hiệu của mình phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật”.

-o0o-

KINH:

Muốn nơi một niệm có thể ứng hiện khắp hằng sa thế giới Phật trong 10 phương phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Bồ tát có thần thông biến hóa, nên ở nơi một niệm có thể ứng hiện khắp 10 phương thế giới.

Hỏi: Trong kinh nói “Trong một sát na có 60 niệm khởi”. Như vậy, nơi một niệm làm sao có thể ứng hiện khắp 10 phương.

Đáp: Trong kinh có nói đến 5 sự việc chẳng có thể nghĩ bàn. Đó là:

- Nghiệp báo của chúng sanh nhiều ít chẳng thể nghĩ bàn.
- Lực thiên định của đại chúng toạ thiên chẳng thể nghĩ bàn.
- Lực của Long Vương chẳng thể nghĩ bàn.
- Phật lực chẳng thể nghĩ bàn.
- Thân thông lực của Phật chẳng thể nghĩ bàn.

Khi Bồ tát vào thiên định, có đầy đủ thân thông lực rồi, thì ở nơi một niệm có thể đi đến 10 phương thế giới. Chỉ có Phật và các vị đại Bồ tát mới có được thân thông lực này.

Lại nữa, Bồ tát có Vô Sanh Nhẫn lực, phá được các vô minh phiền não nên ở nơi một niệm có thể biến hóa thành vô lượng thân.

Lại nữa, Bồ tát có trí huệ lực, nên có thể chuyển lớn thành nhỏ, chuyển nhỏ thành lớn, biến vô lượng kiếp thành một ngày... chẳng có gì ngăn ngại cả. Bởi vậy nên chẳng có chướng ngại gì mà Bồ tát chẳng được đầy đủ.

Trong kinh *Duy Ma Cật* có nói: “Bồ tát có thân thông lực, siêu việt 10 phương thế giới, biến 7 đêm thành một kiếp”.

Hỏi: *Do nhân duyên gì mà ở nơi một niệm Bồ tát có thể đi đến 10 phương thế giới.*

Đáp: Do Bồ tát tu tập Bát Nhã Ba-la-mật mà được như vậy.

KINH:

Muốn được âm thanh vang khắp hằng sa thế giới Phật trong 10 phương phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Bồ tát có đầy đủ 6 thân thông nên có phạm âm truyền khắp 10 phương thế giới.

Hỏi: Phạm âm của Phật và Bồ tát có khác gì nhau không?

Đáp: Phạm âm của Phật truyền đi xa vô hạn lượng; còn phạm âm của Bồ tát tuy cũng truyền đi rất xa nhưng có hạn lượng.

Như trong kinh *Mật Tích* nói: “Ngài Mục Kiền Liên dùng thân thông đi rất xa đến các cõi Phật khác mà vẫn còn nghe phạm âm của đức Phật Thích Ca Mưu Ni, tựa như đang ở ngay trước mặt Phật vậy.”

Hỏi: Như vậy vì sao Phật thuyết pháp mà những người ở xa chẳng có thể nghe được.

Đáp: Phật âm có hai thứ. Đó là:

- Mật âm.
- Ngũ âm bình thường.

Tùy theo quốc độ và căn cơ của chúng sanh ở mỗi quốc độ mà Phật thuyết pháp.

Những chúng sanh bình thường chỉ nghe được ngũ âm bình thường, nên phải đến gần nơi thuyết pháp mới có thể nghe rõ lời Phật.

Các đại đệ tử của Phật mới thông rõ được mật ngữ. Như trường hợp ngài Mục Kiền Liên, dù đi rất xa chỗ Phật thuyết

pháp vẫn có thể nghe rõ được mật âm của Phật.

Các đại Bồ tát, do đã được pháp thân, nên ở đâu trong tất cả 10 phương thế giới cũng nghe rõ được mật âm của Phật.

Hỏi: *Nếu mật âm của Phật biến khắp cả 10 phương thế giới, thì vì sao chúng sanh chẳng có thể nghe được?*

Đáp: Chúng sanh do nghiệp báo ngăn che, nên khi ở cách xa Phật chẳng có thể nghe được Phật âm, chẳng có thể thấy được Phật thân. Ví như người điếc chẳng có thể nghe được tiếng động, người mù chẳng có thể thấy được ánh sáng vậy.

Trái lại, các đại Bồ tát đã tiêu sạch các nghiệp chướng, nên thường nghe Phật âm, thường thấy Phật thân mỗi khi niệm Phật.

Bởi nhân duyên vậy, nên kinh nói: “Bồ tát muốn được phạm âm của mình truyền khắp 10 phương thế giới phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật”.

-o0o-

KINH:

Muốn các thế giới Phật chẳng đoạn diệt phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Lời kinh trên đây mật ý nói: “Bồ tát muốn khiến hết thầy chúng sanh phát tâm cầu vô thượng Bồ Đề, tức phát tâm làm Phật”.

Hỏi: *Tâm đại từ đại bi của chư Phật và chư Bồ tát rộng lớn, duyên hết thầy chúng sanh ở khắp 10 phương thế giới.*

Như vậy vì sao chư Phật và chư Bồ tát ở các thế giới khác chẳng có làm lợi ích cho chúng sanh ở thế giới này?

Đáp: Bồ tát phát thệ nguyện độ hết chúng sanh ở khắp 10 phương thế giới. Bồ tát có tâm đại từ đại bi rộng lớn, có đầy đủ các phương tiện trí huệ, có vô lượng phước đức, có đại thần thông lực, tùy duyên hóa độ hết chúng sanh, chẳng có phân biệt ở phương này hay phương khác. Chúng sanh nào có duyên được gặp Phật, gặp Bồ tát đều được giáo hóa và đều được độ cả.

Phải nên biết có 2 nhân duyên phát khởi chánh kiến. Đó là:

- Nội duyên.

- Ngoại duyên.

Chúng sanh nào có đầy đủ cả 2 duyên ấy mới tu được vô lượng phước đức. Còn những chúng sanh nào ở đời trước cũng như ở đời này, chẳng gặp được đầy đủ 2 duyên ấy thì chẳng có thể tăng trưởng thiện căn, Phật như mặt trời soi sáng vạn vật, nhưng người mù chẳng sao có thể thấy được ánh sáng mặt trời. Như vậy, do chẳng có mắt sáng mà người mù chẳng có thể thấy được ánh sáng mặt trời, chẳng phải do mặt trời có lỗi chẳng có chiếu ánh sáng đến người mù ấy vậy.

Hỏi: Thế nào gọi là “Các thế giới Phật chẳng đoạn diệt”?

Đáp: Bồ tát ở trong chúng sanh tán thán Phật đạo, hoằng dương chánh pháp, khiến chúng sanh phát được tâm tín thọ, tinh tấn tu 6 pháp Ba-la-mật. Như vậy là Bồ tát làm cho ánh đạo vàng tỏa khắp nơi truyền từ phương này sang phương khác.

Lại nữa, Bồ tát tu tập các pháp phương tiện, đầy đủ trí huệ lực, tiếp nối nhau giáo hóa chúng sanh, khiến đạo mầu được lưu truyền mãi mãi từ đời này sang đời khác.

Bởi nhân duyên vậy, nên Phật đạo được duy trì mãi mãi, chẳng bao giờ đoạn dứt. Chính vì vậy mà Phật phó chúc cho các Bồ tát phải duy trì Phật đạo, khiến giống Phật chẳng bao giờ đoạn diệt.

Hỏi: *Vì sao ở chỗ trung địa, quý trọng mới có Phật xuất thế, còn ở chỗ biên địa, hạ tiện lại chẳng có Phật?*

Đáp: Việc trang nghiêm Phật độ là bình đẳng, không phân biệt. Thế nhưng, chúng sanh căn tánh khác nhau, lại thường ham tu phước ở cõi người và cõi trời, chẳng có biết đến Niết bàn Phật, nên phải chịu giam cầm trong ngục tù 3 cõi, bị trầm luân mãi trong bể khổ sanh tử luân hồi.

Ví như mặt trời thường xuyên chiếu ánh sáng. Nhưng có nơi được mặt trời soi sáng, sưởi ấm; cũng có nơi vẫn triền miên chìm đắm trong bóng đen, chịu cảnh tối tăm, giá lạnh. Những chúng sanh ở nơi tối tăm đó là phải thọ nghiệp hắc ám vậy.

Người thấy được đại quang minh của Phật, được thấy quang minh của Bồ tát là người được đại phước báo. Người biết sám hối, hoặc đã quy y Tam bảo, đã thọ 5 giới, hoặc đã thọ giới xuất gia, hoặc đã tu thiền định... thì lâu ngày cũng sẽ thấy được quang minh của Phật, cũng sẽ được 4 quả Sa môn, sẽ được Niết bàn an lạc.

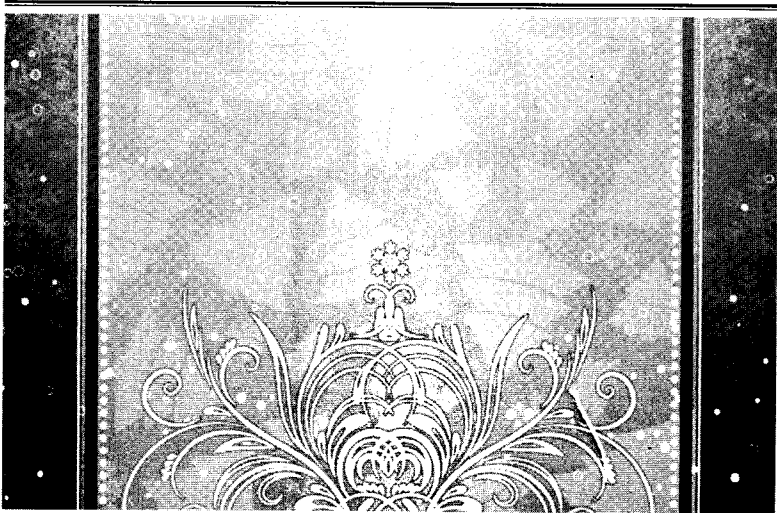
Như vậy, ở nơi nào có vi diệu thiện pháp làm duyên khởi, thì ở nơi đó có Tam bảo xuất hiện, có 6 pháp Bà la môn, có Niết bàn an lạc.

Trái lại, ở nơi nào chẳng có phước đức, thì chẳng có Tam Bảo. Chúng sanh ở các nơi đó, do vì bị vô minh hắc ám che tâm, nên chẳng có các thiện nghiệp, khiến phải bị rơi vào các đường ác vậy.

(Hết quyển 30)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 31



Phẩm Thứ Nhất (TIẾP THEO)



Thập Bát Không (Mười Tám Không)

KINH:

Này Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma-ha-tát muốn an trú nơi nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô thủ không, tán không, tánh không, tự tướng không, chư pháp không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không, phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

18 KHÔNG là 18 pháp quán về lý KHÔNG của hết thầy các pháp.

18 KHÔNG gồm có:

1. Nội không.
2. Ngoại không.
3. Nội ngoại không.
4. Không Không.
5. Đại Không.
6. Đệ Nhất Nghĩa Không.
7. Hữu vi Không.

8. Vô vi Không.
9. Tất Cánh Không.
10. Vô Thi Không.
11. Tán thán Không.
12. Tánh Không.
13. Tụ Tướng Không.
14. Chư Pháp Không.
15. Bất Khả Đắc Không.
16. Vô Pháp Không.
17. Hữu Pháp Không.
18. Vô Pháp Hữu Pháp Không.

Hỏi: *Có vô lượng pháp quán về lý KHÔNG. Vì sao chỉ nói đến 18 pháp quán KHÔNG này thôi?*

Đáp: Nếu nói nhiều quá thì rườm rà phức tạp. Nếu nói ít quá thì chẳng có thể diễn đạt được thậm thâm diệu lý.

Bởi nhân duyên vậy, nên Phật chỉ nói đến 18 KHÔNG, đủ để phá các tà kiến chấp.

Lại nữa, nếu nói nhiều quá thì sẽ có nhiều người chấp tướng KHÔNG, khiến phải bị rơi vào chấp đoạn diệt.

Phật nói 18 pháp quán KHÔNG nêu trên đây, nhằm phá 18 trường hợp chấp pháp của chúng sanh.

Hỏi: *Vì sao nói “Bồ tát muốn an trú 18 KHÔNG thì phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật”?*

Đáp: Bát Nhã Ba-la-mật là đại trí huệ. Có được trí huệ

Bát Nhã là vào được nơi Thật Tướng các pháp, diệt hết thảy các pháp quán. Còn 18 KHÔNG là phương tiện dẫn đến đại trí huệ Bát Nhã Ba-la-mật, là 18 pháp quán để như thật biết Thật Tướng các pháp đều là KHÔNG.

Bồ tát học Bát Nhã Ba-la-mật được đầy đủ 18 KHÔNG, nên Bát Nhã Ba-la-mật và 18 KHÔNG chẳng phải hai, chẳng phải khác. Vì sao? Vì 18 KHÔNG là chẳng có tướng, tức là vô tướng, Bát Nhã Ba-la-mật cũng là vô tướng. Vì 18 KHÔNG chẳng chấp các tướng, tức là xả ly tướng, Bát Nhã Ba-la-mật cũng xả ly tướng.

Bồ tát tu tập Bát Nhã Ba-la-mật, dùng trí huệ Bát Nhã Ba-la-mật để quán 18 KHÔNG. Khi đã có được đại trí huệ Bát Nhã Ba-la-mật rồi mới an trú đầy đủ trong 18 KHÔNG.

Hỏi: *Thế nào gọi là pháp môn phương tiện?*

Đáp: Đây là những cách thức mà hành giả phải dùng đến trong khi tu học, để đạt đến mục đích, để vào được Đạo.

Ví như muốn có được như ý bảo châu, thì phải phương tiện lặn sâu xuống tận đáy biển. Cũng như vậy, muốn được Bát Nhã Ba-la-mật thì phải phương tiện đọc tụng kinh điển, chánh tư duy, như pháp tu hành... Trong số các phương tiện dẫn vào Bát Nhã Ba-la-mật có 18 pháp quán KHÔNG.

-o0o-

1. Nội không

Đây là pháp quán về nội pháp KHÔNG, tức là quán 6 nội nhập đều là KHÔNG. Vì sao? Vì 6 căn là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý) đều do duyên hòa hợp sanh, nên đều là hư dối, chẳng thật có, đều là KHÔNG.

2. Ngoại không

Đây là pháp quán về ngoại pháp KHÔNG, tức là quán 6 ngoại nhập đều là KHÔNG. Vì sao? Vì 6 trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp cũng đều do duyên hòa hợp sanh, nên cũng đều là hư dối, chẳng thật có, đều là KHÔNG cả.

3. Nội ngoại không

Đây là pháp tổng quán về nội pháp và ngoại pháp đều là KHÔNG, tức là tổng quán hết thấy 12 nhập đều là KHÔNG.

Do nội nhập và ngoại nhập đều là KHÔNG, nên chẳng có ngã và ngã sở, tức là vô ngã và vô ngã sở vậy.

-o0o-

Như trước đây đã nói. Thế gian thường có 4 tướng điên đảo. Đó là:

- Bất tịnh mà tưởng là tịnh.
- Khổ mà tưởng là vui.
- Vô thường mà tưởng là thường.
- Vô ngã mà tưởng là ngã.

Do chấp 4 tướng điên đảo ấy mà phàm phu phải trôi lăn trong các nẻo đường sanh tử, chịu bao nhiêu nỗi khổ đau.

Người tu hành muốn phá được 4 tướng điên đảo ấy, phải tu 4 Niệm Xứ, khởi đầu bằng các pháp quán nội thân bất tịnh, ngoại thân bất tịnh, nội ngoại thân bất tịnh. Quán trong thân có 36 thứ bất tịnh, quán thân có 9 lỗ thường xuyên thải các thứ bất tịnh ra ngoài.

Người tu hành biết rõ thân là bất tịnh. Thế nhưng người

phàm phu vô trí lại tưởng thân này là tịnh, mãi miết chạy theo các dục lạc bên ngoài để thỏa mãn sự đòi hỏi của sắc thân.

Người tu hành lại quán ngoại thân cũng bất tịnh, thấy rõ nội ngoại thân đều là bất tịnh. Quán như vậy rồi tự suy nghĩ rằng: “Có thọ thân là có thọ khổ. Ta chớ nên chấp đắm sắc thân này”.

Hỏi: *Tâm khởi từ trong ra, sao cũng có nói về quán ngoại tâm?*

Đáp: Duyên ngoại thân là quán ngoại tâm, duyên nội thân là quán nội tâm.

Ngoại tâm duyên ngoại pháp, nội tâm duyên nội pháp. 5 thức ngoài gồm nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt và thân duyên ngoại pháp nên được gọi là ngoại tâm. Còn ý thức duyên các nội pháp, khởi phân biệt tốt xấu, vui buồn v.v... nên được gọi là nội tâm.

Lúc ban đầu ý thức chưa phân biệt cảnh ngoài. Khi ý thức đã phân biệt, đã khởi chấp các tướng rồi, thì lúc bấy giờ nội tâm đồng thời phân biệt cả nội cảnh lẫn ngoại cảnh.

Người tu hành khi đã được tâm ý thanh tịnh rồi, thì biết rõ thân là bất tịnh, thọ là khổ, tâm là vô thường, pháp là vô ngã, như vậy là quán 4 Niệm Xứ.

Tư duy như vậy rồi, người tu hành biết rõ tâm thức là vô chủ, chỉ do duyên chấp cảnh mà có thọ khổ, có thọ vui... Lại biết rõ do 5 ấm hòa hợp duyên khởi mà có thân này. Phàm phu điên đảo chấp có ngã thân, có ngã tâm. Phàm phu do chấp ngã nên thấy gì lợi ích cho mình thì sanh tham, thấy gì trái ý mình thì sanh sân..., sân lâu ngày trở thành si. Như vậy là 3 độc tham, sân và si, căn bản của tất cả phiền não đều do

chấp ngã mà sanh ra cả. Nếu tu phước đức, tu các pháp trợ đạo thì dần dần sẽ xả được chấp ngã, sẽ được giải thoát.

Vậy nên khi vừa mộng khởi chấp tướng, thì phải biết ngay rằng đó là kiết sử do chấp ngã sanh ra. Phải mau tu bố thí để xả tâm chấp ngã. Vì sao? Vì người tu hành biết rõ ngã cũng do duyên sanh, là chẳng có kiên cố. Ví như lột dần các bẹ chuối, cuối cùng chẳng thấy thân cây chuối nữa. Xả ngã dần dần thì cuối cùng sẽ được vô ngã.

Do 5 âm duyên khởi mà có sắc thân. Khi đã quán được vô ngã rồi là quán được nội không, quán được ngoại không, quán được nội ngoại đều không vậy.

Hỏi: *Pháp khởi từ ngoài vào. Như vậy vì sao cũng nói là nội tâm tương ưng?*

Đáp: Vì nội tâm tương ưng với tướng và hành, khởi sanh các tướng tướng và hành tướng. Khi ngoại tâm, tức 5 thức ngoài duyên ngoại pháp, thì nội tâm, tức ý thức khởi phân biệt dẫn sanh các tướng tướng và hành tướng. Bởi vậy nên nói ngoại pháp cũng là tâm tương ưng. Nếu tâm chẳng có tương ưng, thì gọi là duyên vô vi, là bình đẳng quán. Vào được bình đẳng quán sẽ biết rõ nội pháp cũng như ngoại pháp đều là KHÔNG cả.

Lại nữa, 6 nội pháp gọi là 6 tình thức, 6 ngoại pháp gọi là 6 trần. Khi tu 4 Niệm Xứ, người tu hành quán vô vi, biết rõ sắc chẳng phải là sắc (phi sắc), lại biết rõ dù sắc có các tướng sai khác, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc hữu vi, hoặc vô vi, hoặc xa, hoặc gần, hoặc thô, hoặc tế... nhưng cũng đều là vô ngã. Vì sao? Vì cầu ngã thì ngã là bất khả đắc. Chỉ do 5 âm hòa hợp duyên khởi mà giả danh có ngã. Ngã đã chẳng có thì các kiết sử phiền não cũng chẳng có sanh. Do

ngã là KHÔNG, nên tất cả các nội và ngoại pháp cũng đều là KHÔNG cả.

Người tu hành quán nội sắc là vô thường, khô, không và vô ngã, rồi quán ngoại sắc, quán nội ngoại sắc cũng là như vậy cả. Khi đã quán được sắc thân này là KHÔNG rồi, thì quán thọ, quán tâm và quán pháp cũng đều như vậy cả.

Tóm lại, tu 4 Niệm Xứ tương ưng với nội quán, được KHÔNG tam muội gọi là quán nội không. Tu 4 Niệm Xứ tương ưng với ngoại quán, được KHÔNG Tam muội gọi là quán ngoại không. Tu 4 Niệm Xứ tương ưng với cả nội quán lẫn ngoại quán, được KHÔNG tam muội thì gọi là tu quán nội ngoại không.

Hỏi: *Do lực quán KHÔNG Tam muội mà thấy được các pháp KHÔNG, hay là các pháp vẫn tự KHÔNG?*

Đáp: Kinh nói: “Dùng 3 tam muội Không, Vô Tướng và Vô Tác để quán thân, quán thọ, quán tâm và quán pháp thì chẳng còn thấy có ngã và ngã sở nữa. Bởi vậy nên biết các pháp vốn là KHÔNG”.

Hỏi: *Tu 4 Niệm Xứ, quán Vô Thường, Khô, Không, Vô Ngã cũng đã thấy rõ thân là KHÔNG rồi. Như vậy cần gì phải quán thân bất tịnh nữa?*

Đáp: Có nhiều người, sau khi quán vô thường, khô, không, vô ngã vẫn chưa tiêu trừ được chấp ngã. Đối với hạng người này, phải dạy họ quán thân bất tịnh mới khiến họ nhàm chán sắc thân. Quán thọ, quán tâm và quán pháp cũng đều là như vậy.

Phải nên biết, do có chấp ngã mới có chấp ngã sở, dẫn đến mới có chấp nội tâm và ngoại cảnh. Ví như người chấp

những gì trong phạm vi nhà mình là của ta, còn những gì ở bên ngoài là của người, chẳng phải là của ta vậy.

Trái lại, người tu hành quán hết thấy các pháp, dù trong dù ngoài cũng đều chẳng có định tướng, đều là bình đẳng tướng. Bởi vậy nên chẳng chấp có nội pháp, cũng chẳng chấp có ngoại pháp, quán hết thấy nội ngoại pháp đều là KHÔNG, chỉ do tâm chấp mà có phân biệt vậy thôi.

Hết thấy các pháp đều do duyên hòa hợp mà có, chỉ do tâm chấp mà phân biệt có tướng trong, tướng ngoài. Hết thấy nội pháp cũng như ngoại pháp đều là hư dối, là chẳng thật có, là KHÔNG vậy.

Hỏi: *Khi nói nội thân ta có đầu, mình, tay, chân... là nói về nội pháp. Khi nói ngoài thân ta có nhà cửa, ruộng vườn... là nói về ngoại pháp. Như vậy là có phân biệt nội pháp với ngoại pháp rồi. Sao lại nói nội pháp cũng như ngoại pháp đều là KHÔNG cả?*

Đáp: Ở nơi thân ta thì mỗi phần đều riêng khác. Ví như đầu chẳng phải là bụng, tay chẳng phải là chân... Nếu xét riêng rẽ từng phần thì chẳng có phần nào gọi là thân của ta, gọi là cái TA cả. Bởi vậy nên ngã và ngã sở đều là KHÔNG, là bất khả đắc cả.

Nói pháp đã là KHÔNG, thì ngoại pháp cũng là như vậy.

Hỏi: *Đã do duyên hợp sanh thì tuy khác mà vẫn là một, tuy một mà vẫn là khác. Ví như cái nhà do nhiều phần hòa hợp mà có. Có cái nhà sao lại gọi là KHÔNG?*

Đáp: Nhiều chẳng phải là một, và một chẳng phải là nhiều. Rui, kèo, cột... chẳng phải là cái nhà, và cái nhà cũng chẳng phải là rui, kèo, cột... Bởi vậy nên nói nội, ngoại pháp đều là KHÔNG.

Hỏi: Trong kinh Phật cũng có nói đến 6 căn, 6 trần... Sao nay lại nói hết thấy đều là KHÔNG?

Đáp: Nội pháp cũng như ngoại pháp đều do duyên hòa hợp mà giả danh là có vậy thôi. Ví như nói thân là nội pháp, nhà là ngoại pháp, thì đó cũng chỉ là giả danh, chẳng thật có.

Trong kinh có nói về Chúng sanh Không, và về Pháp Không. Vì người độn căn thì Phật chỉ nói về Chúng sanh Không. Vì người lợi trí thì Phật mới nói về Pháp Không.

Hàng Thanh Văn tu hành phá các kiết sử phiền não, nhằm thoát ly ra khỏi sanh tử, nên tu Ngã Không. Bồ tát đoạn kiết sử phiền não, biết rõ Pháp Không nên thông đạt vô ngại hết thấy các pháp, biến thế gian đầy đầy phiền não thành Niết bàn an lạc, được Vô Thượng Bồ Đề, độ thoát chúng sanh ra khỏi ngục tù 3 cõi, 6 loài.

4. Không Không

Biết hết thấy các pháp đều là KHÔNG, người tu hành lại còn phải tu xả luôn cả cái chấp về tướng KHÔNG ấy. Vì sao? Vì KHÔNG cũng là KHÔNG. Như vậy gọi là tu quán Không Không.

Hỏi: Vì sao Đại Thừa lại phá hoại các pháp?

Đáp: Chẳng có thể nói như vậy được. Đại Thừa dạy chúng sanh biết rõ về thật tướng các pháp. Hết thấy các pháp ở nơi thật tướng đều là KHÔNG.

Hết thấy các pháp đều do duyên hòa hợp sanh, như sóng sanh ra sức gió tác động vào mặt nước, chẳng phải thật có, chẳng có kiên cố. Do nhân duyên nghiệp lực mà thành có sắc, nên pháp sắc là vô thường, là sanh diệt, là chẳng thật có. Thế nhưng sanh là KHÔNG, nên pháp cũng là KHÔNG. Sanh

là KHÔNG, nên diệt cũng là KHÔNG. Sinh và diệt đều là bất khả đắc. Vậy nên bắt sanh bắt diệt mới là chân thật pháp.

Phàm phu điên đảo chấp có sanh, có diệt. Người tu hành trái lại, phải biết rõ các pháp vốn chẳng có sanh, chẳng có diệt, vốn là KHÔNG. Biết như vậy rồi lại còn phải xả luôn cái chấp KHÔNG ấy mới vào được Không Không.

Lại nữa, người tu hành vào KHÔNG tam muội, quán 5 ấm là KHÔNG, được 8 Thánh đạo, đoạn các phiền não, chứng Niết bàn an lạc, rồi lại xả luôn cả 8 Thánh đạo, được Không Không tam muội.

Hỏi: *Không và Không Không khác nhau như thế nào?*

Đáp: Nói không nhằm phá chấp 5 ấm. Nói Không Không nhằm phá chấp về tướng KHÔNG.

Hỏi: *Nếu KHÔNG chính là pháp Không, thì như vậy là đã phá hết thấy các pháp rồi. Còn nếu nói KHÔNG chẳng phải là pháp Không thì còn có gì để phá nữa đâu?*

Đáp: Nếu nói KHÔNG chính là pháp Không, nhằm phá hết thấy các pháp tướng, thì sau khi phá các pháp tướng rồi vẫn còn lưu lại cái pháp KHÔNG đó. Như vậy là còn chấp tướng KHÔNG. Bởi vậy nên phải xả bỏ luôn cả pháp KHÔNG đó mới gọi là Không Không.

Ngoài ra quán Không Không cũng chính là duyên KHÔNG, tức là vô duyên vậy. Ví như thuốc dùng để chữa bệnh, khi bệnh đã lành thì thuốc cũng phải xả bỏ luôn. Vì sao? Vì nếu chẳng xả bỏ thuốc thì lại sanh bệnh khác vậy.

Người tu quán KHÔNG để phá trừ phiền não. Nhưng nếu vẫn thủ chấp lấy cái KHÔNG ấy thì sẽ thành bệnh. Phải xả bỏ luôn chấp KHÔNG mới được Không Không.

5. Đại Không

Đây là pháp tu quán của Đại Thừa, chẳng phải là pháp tu quán của hàng Thanh Văn

Trong kinh *Tạp A Hàm* chỉ nói: “Do có sanh mà duyên khởi có già, có chết. Nhưng nếu chấp có sanh, có già, có chết thì cũng là tà kiến. Vì sao? Vì sanh, già, chết đều là giả danh có, chẳng phải thật có”. Do vậy mà hàng Thanh Văn chỉ tu về Chủng Sanh Không và Pháp Không.

Trong kinh *Đại Thừa Ma Ha Diễn* nói đến “10 phương tướng KHÔNG”. Đây chính là pháp tu quán về Đại Không.

Hỏi: *Vì sao gọi “10 phương tướng KHÔNG” là Đại Không?*

Đáp: Phương Đông vô biên vô tận nên là Đại (rộng lớn). Cũng như vậy, phương Tây, phương Nam, phương Bắc, phương Trên, phương Dưới, 4 phương chéo vô biên, vô tận nên là Đại.

Lại nữa, các sự việc tỏa rộng cùng khắp, khai phá cùng khắp như làm lợi ích khắp 10 phương thế giới, biến hiện thân khắp 10 phương thế giới, làm cho chúng sanh khắp 10 phương thế giới thoát khỏi mê muội v.v... đều là Đại cả.

Như vậy quán không gian vô tận khắp 10 phương, quán các sự việc tỏa rộng khắp 10 phương đều là KHÔNG là quán về Đại Không vậy.

Hỏi: *Phật pháp thường thuyết vô phương, tức là chẳng có phương tướng. Ví như khi nói về 3 vô vi (hư không, trạch diệt và phi trạch diệt) là nói về trí duyên tận và phi trí duyên tận, đều chẳng có chỗ duyên nhiếp cả. Như vậy là vô vi pháp chẳng có duyên sanh. Sao lại nói có phương?*

Đáp: Vì hàng Thanh Văn nên nói có phương, lại vì y theo thể tục mà nói như vậy. Đối với Đại Thừa thì phương tướng là bất khả đắc.

Ví như do 5 âm hòa hợp mà giả danh có chúng sanh. Cũng vậy, do 4 đại hòa hợp mà giả danh có phương. Chúng sanh chấp phía mặt trời mọc là phương Đông, phía mặt trời lặn là phương Tây v.v... Đây là y theo thể tục mà quy ước đặt ra có các phương khác nhau. Thật ra, phương cũng như phương tướng đều là bất khả đắc.

Hỏi: *Vì sao phải phá phương tướng?*

Đáp: Nếu y theo thể tục, thì nói có phương. Nếu y theo Đệ Nhất Nghĩa thì phá phương tướng. Vì sao? Vì ở nơi thể tục, mà nói có phương thì chẳng có rơi về chấp đoạn. Ở nơi Đệ Nhất Nghĩa để mà phá các phương tướng thì chẳng rơi về chấp thường.

6. ĐỆ NHẤT NGHĨA KHÔNG

Đây là lý KHÔNG vào bậc nhất, tột cùng của Phật và chư Đại Bồ tát, khác với lý KHÔNG còn hạn hẹp của hàng Thanh Văn. Vào Đệ Nhất Nghĩa Không chẳng thấy Không, cũng chẳng thấy chẳng Không.

Hỏi: *Theo Đệ Nhất Nghĩa Không, thì hết thấy các pháp đều là vô duyên. Như vậy vì sao chẳng gọi Đệ Nhất Nghĩa Không là Đại Không?*

Đáp: Trước đã nói về Đại Không rồi, nay nói về Đệ Nhất Nghĩa Không. Tuy khác tên gọi, nhưng thật nghĩa cũng tương đồng.

Thế gian dùng phương, nên chấp ý niệm về Đại (rộng lớn). Còn xuất thế gian, y theo Đệ Nhất Nghĩa, nên nói là Đệ Nhất Nghĩa Không.

Dò phá tà kiến, phá ý niệm về Đại (rộng lớn), nên phải quán Đại Không. Ví như người dùng tâm từ duyên khắp phương Đông, duyên từ quốc độ một, cho đến cùng tận các quốc độ. Nếu duyên chưa cùng tận thì kiến chấp có biên (hữu biên kiến). Nếu duyên mãi chẳng hết (vô cùng tận), thì kiến chấp chẳng có biên (vô biên kiến). Nay nếu lấy phương KHÔNG để phá chấp tướng phương Đông, thì sẽ diệt được cả 2 kiến chấp về hữu biên và vô biên, khiến duyên từ sẽ được trải rộng cùng khắp. Trái lại, nếu chẳng lấy phương KHÔNG để phá chấp tướng phương Đông, thì tâm sẽ tùy phương Đông, mà thôi dứt duyên từ. Người tu hành cũng như vậy. Do tâm chẳng thôi chuyển mà chẳng mất duyên từ. Như vậy là phá được tà kiến, mà cũng được đầy đủ Đại Không.

Đệ Nhất Nghĩa Không là Thật Tướng của hết thảy các pháp, chẳng thể phá, chẳng thể hoại. Vì sao? Vì hết thảy các pháp ở nơi Thật Tướng, đều là KHÔNG, chẳng có thể thọ, chẳng có thể chấp vậy. Nếu có thọ, có chấp là hư dối, là chẳng phải thật.

Lại nữa, Đệ Nhất Nghĩa Không là nghĩa Niết bàn Giải Thoát.

Trong A Tỳ Đàm nói: “Trí duyên tận tức là Niết bàn. Ở trong Niết bàn cũng chẳng có tướng Niết bàn. Niết bàn KHÔNG tức là Đệ Nhất Nghĩa Không”.

Hỏi: Nếu nói Niết bàn là vô tướng, là KHÔNG, thì vì sao các bậc Thánh Hiền lại nương theo 3 thừa đạo để vào Niết bàn? Vì sao nói tất cả các pháp môn đều dẫn đến Niết bàn, như tất cả các dòng sông đều chảy dồn về biển?

Đáp: Niết bàn là vô thượng pháp, nhưng chia làm 2 thứ, là:

- Hữu Dư Niết bàn.

- Vô Dư Niết bàn.

Người tu hành, khi đã đoạn trừ được các phiền não, được tâm bình đẳng, là vào được Hữu Dư Niết bàn.

Vào Hữu Dư Niết bàn chỉ còn thọ thân 5 ấm trong hiện đời mà thôi. Khi mạng chung, sẽ chẳng còn thọ thân 5 ấm nữa, sẽ vào Vô Dư Niết bàn.

Trái lại, chúng sanh nghe nói đến Niết bàn liền thủ chấp Niết bàn, rồi khởi hý luận về Hữu và Vô. Do vậy mà rơi ngay về các tà kiến chấp: Chấp Hữu là chấp thế gian; chấp Vô là chấp Niết bàn.

Trên đây nói Niết bàn là Không, chỉ nhằm phá chấp của phàm phu về tướng Niết bàn, chẳng phải là Đệ Nhất Nghĩa Niết bàn của các bậc Thánh Hiền. Vì sao? Vì các bậc Thánh Hiền, ở nơi các pháp chẳng còn chấp tướng. Khi đã đoạn được các phiền não là tức thì được vào Niết bàn, được giải thoát. Ví như người đang bị trói, ngay khi được cởi dây trói là tức thì được giải thoát. Chúng sanh cũng như vậy, do bị 5 ấm trói buộc mà phải bị giam cầm trong ngục tù 3 cõi. Khi đã thoát khỏi sự ràng buộc của 5 ấm, thì liền được giải thoát.

Hết thấy các pháp chẳng lìa Đệ Nhất Nghĩa. Đệ Nhất Nghĩa cũng chẳng lìa các pháp. Thật Tướng các pháp là KHÔNG, là vô tướng, cũng chính là Đệ Nhất Nghĩa Không vậy.

7. Hữu vi Không

Pháp hữu vi là pháp có tạo tác, có nhân duyên tạo tác, có chủ ý tạo tác.

Hữu vi Không là pháp quán các hữu vi, do duyên hòa hợp sanh, đều là hư dối, chẳng thật có, đều là KHÔNG.

8. Vô vi Không

Pháp vô vi là pháp chẳng có tạo tác, chẳng có nhân duyên tạo tác, chẳng có chủ ý tạo tác.

Vô vi Không là pháp quán các pháp vô vi, chẳng có nhân duyên (vô nhân duyên) sanh, nên cũng là hư dối, chẳng thật có. Do đối đãi với pháp hữu vi mà nói có pháp vô vi vậy thôi.

-o0o-

Như trên đây đã nói tắt cả các pháp hữu vi, như 5 ấm, 12 nhập, 18 giới v.v... đều do duyên hòa hợp sanh, nên đều là KHÔNG.

Do vậy, ngã và ngã sở cũng là KHÔNG, là bất khả đắc.

Hỏi: Nói ngã và ngã sở là KHÔNG, là bất khả đắc thì còn hợp lý. Nhưng vì sao lại nói “hữu vi pháp tướng” là KHÔNG?

Đáp: Danh tướng của các pháp do nơi tâm chúng sanh tạo lập. Nếu chẳng có pháp chúng sanh, thì chẳng có chỗ sở y.

Lại nữa, các pháp hữu vi đều là vô thường, là sanh diệt, nên đều là bất khả đắc, là KHÔNG vậy.

Hỏi: Pháp hữu vi có thường tướng. Vì sao nói pháp hữu vi là KHÔNG, là bất khả đắc?

Đáp: Phạm phu điên đảo chấp ngã là thường, chúng sanh là thường, tâm thức là thường, pháp là thường. Do vậy mà phải lần quần mãi trong sanh tử, luân hồi, bỏ thân này lại thọ thân khác, chẳng ngừng dứt.

Thật ra ngã chẳng thật có. Chúng sanh do 4 đại tạo thành

cũng chỉ là giả danh, chẳng thật có, là sanh diệt vô thường. Thức tâm liền sanh, liền diệt, cũng là vô thường. Dẫn đến pháp cũng luôn thay đổi, sanh diệt, nên cũng là vô thường. Tất cả đều là KHÔNG, đều là bất khả đắc cả.

Người tu hành quán các pháp hữu vi, do duyên hòa hợp sanh, đều là hư dối, chẳng thật có. Chỉ do tướng phân biệt mà chấp là CÓ, chấp là KHÔNG vậy thôi. Thật ra, các pháp hữu vi đều là vô sở hữu, chẳng có ở trong, chẳng có ở ngoài, chẳng có ở chặng giữa. Quán như vậy, nên vào được Pháp Không.

Các bậc Thánh Hiền chẳng chấp CÓ, vì biết rõ các pháp đều là KHÔNG, mà thành Đạo quả. Lại cũng chẳng chấp KHÔNG, nên được giải thoát.

Hỏi: *Vì sao nói pháp hữu vi lẫn pháp vô vi đều là KHÔNG?*

Đáp: Thật Tướng của pháp hữu vi là vô vi, mà tướng của vô vi là KHÔNG, nên hết thấy pháp hữu vi lẫn vô vi đều là KHÔNG cả.

Phàm phu điên đảo chấp có tướng hữu vi là sanh diệt, tướng vô vi là bất sanh diệt, mà chẳng biết rằng, ở nơi Thật Tướng, thì hữu vi và vô vi đều là KHÔNG cả.

Người tu 4 Thánh Đế rõ biết được tướng của vô vi là KHÔNG. Ví như trú nơi Khổ, rồi tiến tu đoạn Tập, chứng Diệt, là được vô vi. Từ đó mới tu Đạo, được giải thoát, vào Niết bàn.

9. Tất Cảnh Không (cũng gọi là rốt ráo không)

Đây là pháp quán về hết thấy pháp đều rốt ráo là KHÔNG.

Do tương quan đối đãi giữa THẬT và GIẢ, giữa CÓ và KHÔNG, mà khởi sanh các chấp về pháp hữu vi và pháp vô vi. Nếu phá được sự đối đãi, thì sẽ biết rõ hữu vi và vô vi đều rốt ráo KHÔNG cả.

Hỏi: *Nếu các nhân duyên sanh pháp chưa pháp rốt ráo KHÔNG, thì làm sao nói các pháp là rốt ráo KHÔNG được? Ví như trường hợp cái nhà bị hư hoại, chẳng còn là nhà nữa, nhưng nếu rui, kèo, cột v.v... vẫn còn sót lại, thì làm sao nói là rốt ráo KHÔNG được?*

Đáp: Các nhân duyên sanh pháp cũng rốt ráo không, vì chẳng có định tướng. Ví như người con gọi các bậc sanh thành ra mình là cha, là mẹ. Nhưng xét cho cùng, thì các nhân duyên này, các cách xưng hô này cũng chẳng có chỗ y cứ, chỉ là do tâm tạo ra, nên cũng là KHÔNG. Lại nữa, ví như muôn vật trên quả đất này đều nương vào đất, nước, gió, lửa, hư không mà sanh tồn, nhưng thật ra quả đất cũng chẳng có chỗ y cứ.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói các pháp là Rốt Ráo Không, là Tất Cánh Không vậy.

Hỏi: *Ví như dùng thần thông có thể biến hóa ra các vật. Hóa vật là giả, nhưng người có thần thông biến hóa ra các vật đó là thật. Như vậy làm sao có thể nói tác giả của sự biến hóa ấy là giả được?*

Đáp: Phạm phu thấy các hóa vật hiện ra trước mắt tưởng là thật, nên chấp có vị hóa chủ, tức là có vị tác giả của sự biến hóa. Còn các bậc Thánh Hiền rõ vị hóa chủ cũng chẳng phải thật có. Vì sao? Vì rõ biết tất cả do tâm tạo, do các duyên nghiệp hòa hợp sanh ra cả.

Kinh nói có 3 thứ biến hóa, đó là:

- Phiền não biến hóa.
- Nghiệp biến hóa.
- Pháp biến hóa.

Tất cả các sự vật đều ở trong phạm trù của 3 trường hợp biến hóa nêu trên đây, nên đều là hư huyền, như hóa, đều chẳng thật có, đều là KHÔNG vậy. Cho nên, trong thí dụ trên đây, ta thấy rõ hóa vật lẫn vị hóa chủ đều là KHÔNG cả.

Hỏi: *Các vật không bền, không kiên cố mới có thể tán nhỏ, tự thành không. Còn các vật bền chắc, kiên cố, thì làm sao có thể như vậy được?*

Đáp: Kiên cố cũng như không kiên cố đều là những tướng bất định. Vì sao? Vì lệ thuộc vào quan điểm riêng của mỗi người, của mỗi loài. Ví như loài người cho kim cương là kiên cố; nhưng hàng chur Thiên có cách phá được kim cương, nên chẳng cho kim cương là kiên cố. Cũng như người cho biển là sâu thẳm; nhưng A-tu-la vương, đứng ngay giữa biển, cho biển là cạn. Cũng ví người có đời sống ngắn ngủi thấy quả đất là kiên cố. Nhưng trái lại, các loài sống lâu, có thời thấy quả đất tán hoại, nên chẳng cho quả đất là kiên cố.

Trong kinh *Thất Nhật Du* (Dụ về 7 mặt trời), Phật bảo các Tỷ-kheo rằng: “Này các Tỷ-kheo! Hết thấy các pháp hữu vi đều là vô thường là hủy hoại. Khi đến gần kiếp tận, mặt trời thiêu đốt khiến hết thấy cây cối, kể cả các loại cây cỏ thuốc, đều chết khô. Khi thấy mặt trời thứ 2 mọc, thì nước ở hết thấy các sông, lạch đều khô cạn. Khi mặt trời thứ 3 mọc thì các sông lớn cũng đều khô cạn. Khi mặt trời thứ 4 mọc, thì nước ở nơi các nguồn, các suối cũng đều khô cạn. Khi mặt trời thứ 5 mọc, thì các biển lớn, nhỏ cũng đều khô cạn. Khi mặt trời thứ 6 mọc, thì các núi Tu Di bốc cháy. Khi mặt trời thứ 7 mọc, thì các núi Tu Di chỉ còn khói, và lửa dấy khắp cả cõi trời Phạm Thiên. Lúc bấy giờ, những người mới sanh ở cõi trời Quang Âm, thấy lửa bùng cháy mạnh mẽ, nên rất sợ hãi. Những biển cổ lớn như vậy, rất khó tin. Chỉ khi nào được thấy tận mắt, mới có thể tin được vậy”.

Phật lại dạy tiếp: “Lúc bấy giờ, có một người tu hạnh ly dục, được đầy đủ 4 phạm hạnh, tên là Tu Niết Ba La. Ông Tu Niết Ba La có vô số đệ tử cũng được ly dục. Do tu Từ Tâm tam muội, mà ông Tu Niết Ba La được sanh lên cõi trời Quang Âm, nên được chứng kiến tận mắt cảnh tán hoại này, và biết rõ chẳng có gì là kiên cố cả.

Này các Tỷ-kheo! Ông Tu Niết Ba La là tiền thân của ta đó. Lúc bấy giờ, chính ta đã thấy tận mắt cảnh tán hoại nêu trên đây”.

Hỏi: *Nói vô thường là nói trước không, nay có, có rồi lại trở thành không. Như vậy, nếu đã nói Rốt Ráo Không, thì vì sao nói vô thường nữa?*

Đáp: Vô thường là bước đầu dẫn vào cửa KHÔNG. Do rõ được các pháp là vô thường, mà người tu hành tu 4 hạnh quán, gồm: Vô thường, khổ, không và vô ngã. Vì sao? Quán như vậy sẽ biết rõ các pháp đều là như huyễn, đều là không; lại cũng biết rõ các pháp chẳng do ai làm ra (vô tác giả), nên là vô ngã, là rốt ráo không vậy.

Rốt Ráo Không là Chân Không. Tuy nhiên, phải tùy đối tượng chúng sanh mà nói pháp:

- Đối với hạng người nhiều ái kiến, chấp vô thường, thì phải vì họ nói vô thường là tán hoại. Nếu chấp vô thường, thì sẽ sanh ưu khổ.

- Đối với hạng người chấp danh tướng, thì phải vì họ nói vô tác.

- Đối với hạng người có nhiều tà kiến, phân biệt các pháp, thì phải vì họ nói về Chúng Sanh Không, về Pháp Không, về Tất Cánh Không (Rốt Ráo Không).

Các bậc Thánh Hiền dùng Rốt Ráo Không để diệt trừ 3 độc, phá các chấp điên đảo, khiến chúng sanh xa lìa được các khổ, sanh, già, bệnh, chết, được Niết bàn an lạc.

Bởi nhân duyên vậy, nên Phật dạy: “Pháp thiện cũng xả, huống nữa là pháp bất thiện”.

Khi đã ly được pháp hữu vi rồi, thì cũng chẳng chấp pháp vô vi nữa, vì biết rõ pháp vô vi cũng là Rốt Ráo Không.

10. Vô Thi Không

Đây là pháp quán thời gian chẳng có đầu mối; quán đầu mối thời gian từ vô thi là KHÔNG.

Chúng sanh từ vô thi đến nay, chuyển thân này sang thân khác. Thân đời này do nghiệp lực đời trước dẫn sanh, rồi nghiệp duyên tạo ở đời này lại trở thành nghiệp lực dẫn sanh ở đời sau. Cứ như vậy lần lượt kế truyền mãi mãi. Thế nhưng, chẳng có pháp ban đầu cũng chẳng có pháp rốt sau. Vì sao? Vì trước sanh sau chết, rồi trước chết sau sanh, chẳng có nhân, chẳng có duyên, chẳng có gì sanh, chẳng có gì diệt cả. Như vậy là Vô Thi Không.

Trong kinh Phật dạy các Tỷ-kheo rằng: “Này các Tỷ-kheo! Chúng sanh chẳng có đầu mối. Do vô minh che tâm, do ái chấp sâu dày mà phải chịu qua lại mãi miết trong các nẻo đường sanh tử, nên đầu mối là bất khả đắc. Chúng sanh là vô thi, các pháp cũng vô thi, mà vô thi là bất khả đắc, nên nói là Vô Thi Không”.

Hỏi: *Nếu vô thi là thật pháp, thì vì sao lại phá vô thi?*

Đáp: Nếu nói chúng sanh có đầu mối (Hữu thi) thì rơi về biên kiến, nên nói chúng sanh cùng các pháp là vô thi. Thế nhưng, nếu chấp vô thi, thì cũng lại rơi về hữu thi, hữu biên. Vì sao?

Vì như vậy là còn chấp có một pháp gọi là vô thi, có cái tướng Vô Thi vậy. Nếu dùng Vô Thi Không để phá chấp về Vô Thi thì mới chẳng còn rơi về Hữu Thi, mới nhập được vào Trung Đạo vậy.

Hỏi: *Vì sao lại phải phá Vô Thi?*

Đáp: Nếu đã được Nhất Thiết Trí rồi, thì chẳng có rơi về chấp Vô Thi. Vì sao? Vì đã rõ biết Vô Thi là bất khả đắc.

Trái lại, nếu còn chấp tướng Vô Thi, thì chưa phải là Nhất Thiết Trí. Do vậy mà phải phá chấp Vô Thi, để khỏi rơi về hai chấp Hữu và Vô. Phải phá chấp Vô Thi mới vào được Vô Thi Không.

Hỏi: *Vì sao Phật nói “Chúng sanh, từ vô thi đến nay qua lại trong các nẻo đường sanh tử”?*

Đáp: Phật muốn nhắc nhở chúng sanh biết rằng, từ vô thi đến nay, mãi miết qua lại trong các nẻo đường sanh tử, khiến họ sanh nhầm chán sanh tử, mà tinh tấn tu hành nhằm thoát ly ra khỏi 3 cõi.

Phật lại dạy: “Trải qua vô lượng kiếp sanh tử, xương của mỗi chúng sanh có thể chất thành núi cao, nước mắt của mỗi chúng sanh có thể nhiều bằng nước ở biển cả. Như vậy, từ vô lượng kiếp đến nay, chúng sanh đã phải thọ vô lượng khổ đau. Thế nhưng, tìm đầu mối, thì đầu mối là bất khả đắc, chẳng sao tìm được vậy.

Phật thuyết về Vô Thường nhằm độ các chúng sanh chấp Thường. Phật lại thuyết Vô Thi nhằm độ chúng sanh chấp Hữu Thi. Nhưng cũng chẳng nên chấp Vô Thi, vì vô thi cũng chẳng thật có, nên Phật lại thuyết về Vô Thi Không.

Hỏi: *Nếu Vô Thi chẳng thật có thì làm sao có thể dùng Vô Thi để độ các chúng sanh chấp Hữu Thi?*

Đáp: Phật dùng đủ các pháp môn phương tiện, tùy duyên hóa độ chúng sanh, khiến họ xả trừ tâm chấp.

Ví như Phật thuyết về Vô Thường để phá chấp Thường của chúng sanh; thuyết về khổ Đế để dạy chúng sanh xa lìa các dục lạc thế gian. Nếu thấy chúng sanh chấp Vô Thường, chấp Khổ... thì Phật dạy cho họ biết rõ là Vô Thường, Khổ... cũng đều là KHÔNG. Nói về Vô Thi cũng như vậy. Phật thuyết Vô Thi nhằm phá chấp Hữu Thi của chúng sanh. Nhưng nếu chúng sanh lại chấp Vô Thi, thì Phật lại thuyết về Vô Thi Không.

Phật dùng Túc Mạng Trí thấy chúng sanh tương tục sanh diệt vô cùng tận, Phật lại dùng Huệ Nhãn thấy chúng sanh cũng như các pháp, từ vô thi đến nay chẳng có đầu mỗi đầu là rốt ráo không, nên thuyết về Vô Thi Không.

Hỏi: *Chấp Hữu Thi là tà kiến, phải nên phá. Còn nói Vô Thi, thì chẳng phải là tà kiến, sao cũng phá nữa?*

Đáp: Nói Hữu Thi là lầm lạc là tà kiến. Vì sao? Vì nếu là Hữu Thi thì chẳng có nhân duyên tội phước. Nếu chấp có thân ban đầu, thì thân ban đầu ấy chẳng thể sanh ở chỗ thiện, cũng chẳng thể sanh ở chỗ ác được.

Lại nữa, nếu y theo nhân duyên tội phước mà có sanh thân, thì chẳng thể gọi là thân ban đầu được. Vì sao? Vì thân trước có tạo tội phước, thì các nghiệp duyên tội phước đó mới dẫn thọ thân sau. Cho nên Phật thuyết Vô Thi để phá chấp về Hữu Thi của chúng sanh.

Sau khi xả bỏ chấp về Hữu Thi, nếu chúng sanh lại chấp Vô Thi, thì phải nên vì họ dạy pháp quán Vô Thi không. Vì sao? Vì còn chấp Hữu Thi hay Vô Thi cũng đều là tà kiến cả.

Hỏi: *Vì sao dùng Vô Thi để phá Hữu Thi mà chẳng dùng Hữu Thi để phá Vô Thi? Lại nữa, vì sao chỉ dùng Vô Thi Không để phá Vô Thi mà chẳng dùng Hữu Thi Không để phá Hữu Thi?*

Đáp: Chấp Hữu Thi, chấp Vô Thi đều là tà kiến cả, nhưng có trọng, có khinh khác nhau.

Nhân duyên chấp Hữu Thi dẫn sanh các tướng phiền não. Trái lại, nếu niệm các pháp duyên khởi từ Vô Thi thì khởi sanh từ bi và chánh kiến. Vì sao? Vì niệm chúng sanh từ vô thi đến nay, thọ vô lượng khổ đau nên phát sinh bi tâm, thương xót chúng sanh. Vì rõ biết quả báo tội phước tương tục nối tiếp từ Vô Thi đến nay, nên phát sanh chánh kiến.

Lại nữa, Vô Thi rốt ráo phá được Hữu Thi. Hữu Thi tuy cũng có thể phá được Vô Thi, nhưng chẳng được rốt ráo. Vì sao? Vô Thi ví như thiện pháp, Hữu Thi ví như bất thiện pháp. Thiện pháp phá được bất thiện pháp, còn bất thiện pháp khó có thể phá được thiện pháp một cách triệt để được. Tuy hai bên có tương phá lẫn nhau. Nhưng thiện thì rốt ráo phá được ác, còn ác thì chẳng thể như vậy được. Ví như người vào được thánh trí đạo rồi, thì chẳng còn làm các việc ác nữa. Lại ví như người trước đã phạm tội bội phản, đã đoạn thiện căn, mà sau đó có phát tâm tu hành, thì dù phải đọa địa ngục cũng chỉ thọ tội trong một kiếp, rồi cũng sẽ thoát khỏi chốn địa ngục, sẽ được sanh lên các cõi người, cõi Trời.

Như vậy là dùng Vô Thi để phá chấp về Hữu Thi, mà chẳng thể dùng Hữu Thi để phá chấp Vô Thi được.

Thế nhưng, sau khi dùng Vô Thi để phá Hữu Thi mà lại chấp tướng Vô Thi, thì cũng là tà kiến, nên phải quán Vô Thi không để phá chấp về Vô Thi. Dùng Vô Thi Không phá triệt để cả hai chấp về Hữu Thi và Vô Thi nên chẳng cần đến pháp

quán Hữu Thi Không làm gì nữa. Khi đã rốt ráo phá được cả hai chấp Hữu và Vô là vào được Trung Đạo, thông hiểu được Thánh Đạo.

11. Tán Không

Đây là pháp quán các pháp, khi duyên ly tán, đều trở thành KHÔNG. Hết thấy các pháp đều do duyên hòa hợp mà giả danh có. Khi các duyên ly tán, thì danh và pháp đều chẳng còn nữa.

Như vậy là Tán Không.

Pháp, khi hòa hợp cũng như khi ly tán, chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, nên pháp và danh đều là KHÔNG, là bất khả đắc cả.

Ví như cái xe do các bộ phận rời ráp lại mà thành, khi tách rời các bộ phận ra, thì xe cũng như tên xe đều chẳng có nữa. Cũng như vậy, người do 5 ấm hòa hợp mà giả danh có pháp gọi là người. Khi 5 ấm ly tán, thì chẳng còn người nữa.

Hỏi: *Nói như trên đây, thì chi phá được giả danh, chẳng có thể phá được sắc.*

Đáp: Sắc và danh đều bị phá. Vì sao? Vì sắc pháp do các vi trần hòa hợp mà giả danh có. Nhưng vi trần là bất khả đắc, nên sắc pháp cũng là bất khả đắc.

Hỏi: *Khi một vật tan rã, hình tướng của vật có thể chẳng còn nữa, nhưng sắc pháp vẫn còn. Như vậy vì sao nói sắc pháp là chẳng thật có?*

Đáp: Sắc pháp do 4 Đại hòa hợp mà thành. Nếu chẳng có 4 Đại hòa hợp, thì chẳng có được sắc pháp. Dùng trí huệ phân biệt mà tách 4 Đại riêng rẽ, thì sắc pháp là bất khả đắc vậy.

Hỏi: Nói sắc tán hoại, thì còn hợp lý. Còn thọ, tướng, hành và thức cũng tán hoại hay sao?

Đáp: 4 âm thọ, tướng, hành và thức có sanh có trú có diệt, nên cũng là vô thường là tán hoại, là KHÔNG vậy. Vì sao? Hãy xem một người từ khi sanh đến khi già thay đổi rất nhiều, nên cả 5 âm thân của người ấy cũng sanh diệt tương tục, cũng tán hoại tương tục. Lại nữa, thức tâm tùy duyên sanh cũng tùy duyên diệt. Ví như tướng lửa được hiển lộ nhờ các vật cháy; nếu lia các vật cháy ra thì lửa là bất khả đắc. Cũng như vậy, do 6 căn duyên 6 trần mà sanh ra có 6 thức; nếu lia các chỗ duyên ra, thì thức tâm là bất khả đắc.

Trong kinh Phật dạy: “Sắc là tán hoại, là vô sở hữu. Thọ, tướng, hành, thức cũng là tán hoại, là vô sở hữu”. Như vậy là Tán Không.

Phàm phu, vì chưa ly dục nên ở nơi các pháp sanh tâm ái trước. Người tu hành đã được ly dục rồi thấy các pháp đều tán hoại. Khi có đủ duyên hòa hợp mới giả danh có pháp này, pháp nọ. Khi các duyên ly tán, thì chẳng còn có danh, chẳng còn có sắc nữa.

Trong kinh Phật dạy ngài Ma Ha Ca Chiên Diên: “Quán 4 Đế đều ly tán, là vào được Tán Không”.

12. Tánh Không

Đây là pháp quán về tự tánh của hết thảy các pháp đều là KHÔNG.

Vì các pháp tương tục duyên khởi, nên mới có hiện ra các tướng. Ví như nước có tướng lỏng; đun sôi trở thành hơi nước; đông lạnh trở thành nước đá. Xem như vậy thì các pháp chẳng có định tướng. Do chẳng có định tướng nên tánh của các pháp vốn là KHÔNG.

Như vậy là Tánh Không.

Hỏi: Trong kinh đã có nói nhiều về vô ngã và vô ngã sở. Như vậy là đã diễn bày đầy đủ về Chúng Sanh Không và Pháp Không rồi. Sao nay còn nói đến Tánh Không làm gì nữa?

Đáp: Tánh Không ở nơi đây chẳng phải chỉ nói riêng về Chúng Sanh Không và Pháp Không.

Về Tánh Không, Luận Thanh Văn phân biệt nói lên các nghĩa như sau:

- 12 nhập là vô ngã và vô ngã sở.
- 12 nhập là tự tướng Không, là vô ngã, vô ngã sở.

Các kinh *Đại Thừa Ma Ha Diễn* phân biệt nói lên các nghĩa như sau:

- 12 nhập, ngã và ngã sở đều Không.
- Tự tánh của 12 nhập là Không.

Tánh của ngã và của ngã sở rất ráo là KHÔNG, nhưng vì người đời phân biệt có ngã và ngã sở, nên Phật phương tiện nói vô ngã và vô ngã sở.

Như vậy là hết thảy các pháp đều là KHÔNG. Vô Ngã và Vô Ngã Sở còn chẳng có chấp, huống nữa là chấp Chúng Sanh Không và Pháp Không. Lại nữa, TÁNH tự có, chẳng phải đợi nhân duyên mới có. Vì sao? Vì nếu đợi nhân duyên sanh, thì đó là tác pháp, chẳng có thể là tánh được vậy. Hết thảy các pháp hữu vi đều do nhân duyên sanh, nên đều là tác pháp. Nhưng nếu đã do nhân duyên hòa hợp mới có, thì là vô pháp. Như vậy là tánh của hết thảy các pháp là bất khả đắc, nên pháp cũng là vô pháp vậy. Bởi vậy, nên gọi là Tánh Không.

Hỏi: *Tất Cánh Không là vô sở hữu, là đã bao hàm nghĩa về Tánh Không rồi. Sao nay còn nói về Tánh Không làm gì nữa?*

Đáp: Tất Cánh Không là vô sở hữu, có nghĩa là chẳng còn có chỗ để trừ bỏ. Còn Tánh Không là bản lai thường KHÔNG như vậy. Ví như tánh nước là lạnh; nhờ có lửa đun sôi mà trở thành nóng; khi hết tác dụng của lửa rồi, lại trở lại lạnh như trước.

Tất Cánh Không là thường như hư không, ở cả ba đời thường bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh... Còn Tánh Không là bất khả đắc. Tất Cánh Không là nói về chỗ sở hành của Phật. Còn Tánh Không là nói về chỗ sở hành của Bồ tát.

Tất cánh Không là nói về ba đời thanh tịnh, bình đẳng, vô sai biệt.

Còn Tánh Không là nói về nhân duyên hòa hợp, chẳng có thật tánh. Lại nữa, pháp tánh phân biệt có:

- Tổng tánh.

- Biệt tánh.

* *Tổng Tánh:*

Nói về Tổng Tánh các pháp là nói về vô thường, về khô, về không, về vô ngã, về bất sanh, về bất diệt v.v...

-o0o-

Như nói về Vô Thường, Phật dạy: “Các pháp thế gian đều là vô thường, đều là KHÔNG”. Như vậy là nói về Tánh Không.

Nhưng Tánh Không là bất khả đắc, nên tánh vô Thường cũng là bất khả đắc. Vì sao? Vì nếu Vô Thường là thật thì các nghiệp báo nhân duyên phải mất. Sanh diệt quá khứ chẳng

trú, 6 tình chẳng thọ, thì chẳng có chứa nhóm các nghiệp báo nhân duyên. Nếu chẳng có chứa nhóm các nghiệp báo nhân duyên, thì chúng sanh sẽ mặc tình đắm chìm trong tội lỗi, chẳng cần nghĩ đến việc trì tụng kinh pháp, tọa thiền, làm các việc thiện nữa.

Bởi vậy nên, Tánh Vô Thường là bất khả đắc. Tánh Vô Thường đã là bất khả đắc, thì Tánh thường cũng là bất khả đắc.

-o0o-

Tánh Khổ cũng là KHÔNG, là bất khả đắc. Vì sao? Vì nếu khổ là thật, thì chẳng ai dám sanh tâm nhiễm trước. Nếu là toàn khổ, thì ở thế gian chẳng có gì là vui để mà ưa thích nữa.

Phật chẳng thọ khổ, chẳng thọ lạc, chẳng thọ bất khổ bất lạc. Vì sao? Vì thọ khổ sẽ sanh sân, thọ lạc sẽ sanh ái, thọ bất khổ bất lạc sẽ sanh si.

Thật ra ở nơi Nhất Tướng, Vô Tướng thì khổ và lạc chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Bởi vậy nên tánh của khổ là bất khả đắc. Tánh khổ đã là bất khả đắc thì tánh lạc cũng là bất khả đắc.

-o0o-

Như trên đây đã nói, tánh Không là bất khả đắc. Vì sao? Vì nếu Không là thật, thì chẳng có tội, chẳng có phước, chẳng có đời này, chẳng có đời sau.

Lại nữa, các pháp do đối đãi mà có. Vì sao? Vì chấp có Hữu nên mới có Vô. Nếu Hữu là thật thì Vô cũng phải là thật v.v... Như vậy là rơi về tà kiến.

Bởi vậy nên tánh KHÔNG là bất khả đắc. Tánh KHÔNG đã là bất khả đắc thì tánh CÓ cũng là bất khả đắc.

-o0o-

Tánh Vô Ngã cũng là KHÔNG, là bất khả đắc. Vì sao? Vì nếu Vô Ngã là thật thì chẳng có sự trói buộc (vô phước), chẳng có sự cởi mở (vô giải), chẳng có đời này, chẳng có đời sau, chẳng có thọ tội, chẳng có thọ phước, dẫn đến chẳng có các nhân duyên quả báo.

Bởi vậy nên tánh Vô Ngã là bất khả đắc. Tánh Vô Ngã đã là bất khả đắc thì tánh Ngã cũng là bất khả đắc.

-o0o-

Tánh Bất Sanh, Tánh Bất Diệt cũng là KHÔNG là bất khả đắc. Vì sao? Vì nếu bất sanh, bất diệt là thật, thì đọa về thường kiến. Nếu hết thầy pháp là thường thì chẳng có tội, chẳng có phước. Nếu nói Sanh là thường hay nói Bất sanh là thường thì cũng đều là tà kiến cả.

Bởi vậy nên tánh Bất Sanh Diệt là bất khả đắc. Tánh Bất Sanh Diệt đã là bất khả đắc thì tánh Sanh Diệt cũng là bất khả đắc.

-o0o-

Nói rộng, thì tất cả các tông tánh khác như Bất Cầu, Bất Tịnh, Bất Tăng, Bất Giảm, Vô Khứ, Vô Lai, Vô Xuất, Vô Nhập v.v... cũng đều là KHÔNG, là bất khả đắc cả. Tất cả đều là tánh Bình Đẳng.

Trên đây tóm lược nói về Tổng Tánh của các pháp.

* *Biệt Tánh*:

Nói về Biệt Tánh là nói về tánh đặc thù riêng biệt của mỗi pháp. Như nói lửa có tánh nóng, có tánh thiêu đốt các vật v.v... Thế nhưng do các duyên hòa hợp mà giả danh có lửa, mà hiện ra có tánh nóng, có tánh thiêu đốt các vật, như đã nói trên đây. Lửa chẳng có thật tánh. Vì sao? Vì người dùng thần thông có thể vào lửa mà chẳng bị thiêu cháy. Tánh nóng của lửa cũng như tánh thiêu đốt của lửa phải hội đầy đủ các nhân duyên mới đầy sanh, nên tổng tánh cũng như biệt tánh của lửa đều là KHÔNG.

-o0o-

Tánh Kiên Cố, tánh Tương Tục của các pháp cũng là như vậy.

Trong kinh Phật dạy: “Núi Tu Di tuy kiên cố, tồn tại lâu dài, nhưng cũng là tánh Không. Dùng trí huệ quán chiếu, thì rõ biết hết thấy các sự vật đều là Tánh KHÔNG cả. Nói rộng, hết thấy các pháp hữu vi và vô vi đều là bất khả đắc, dẫn đến các nhân duyên sanh pháp cũng đều là bất khả đắc cả. Tất cả đều là tánh Không.

13/- Tự Tướng Không

Đây là pháp quán về Tự Tướng tức là về Tổng Tướng và Biệt Tướng của các pháp đều là KHÔNG.

Hỏi: *Tổng Tướng và Biệt Tướng sai khác nhau như thế nào?*

Đáp: Nói về tướng chung của các pháp như nói về các tướng Vô Thường, tướng Khổ, tướng Không, tướng Vô Ngã... là nói về Tổng Tướng.

Nói riêng về tướng của từng pháp riêng rẽ như nói lửa có tướng nóng... là nói về Biệt Tướng.

Hỏi: Trước đã nói về tánh Không, nay nói về Tự Tướng Không. Như vậy có gì sai khác nhau không?

Đáp: Có thuyết nói Tánh và Tự Tướng cũng đồng mà cũng khác. Vì sao? Vì trong tướng có tánh, và trong tánh có tướng vậy. Như nói lửa có tánh nóng. Tánh nóng được thể hiện nơi tướng nóng, làm tăng nhiệt độ của môi trường bao quanh.

Lại có thuyết nói tánh là thể tánh, tướng là tướng trạng. Ví như nói đến người xuất gia trì giới cấm, là nói về tánh, còn nói vị ấy cạo đầu, đắp y, đi khất thực... là nói về tướng. Cũng như nói lửa nóng là nói về tánh, còn nói lửa bốc khói, lửa nung nóng các vật... là nói về tướng của lửa. Nhờ các tướng trạng ấy mà có thể nhận biết được sự hiện hữu của lửa vậy.

-oOo-

Tánh tiềm ẩn bên trong. Tướng bộc lộ, thể hiện ra bên ngoài. Tánh và tướng tuy đồng mà có sai khác.

Ví như biết rõ các pháp hữu vi tùy duyên sanh và theo duyên diệt, là biết rõ Tánh Vô Thường. Lại ví như biết rõ các pháp hữu vi đều trước không, nay có, có rồi trở lại thành không, là biết rõ về tướng Vô Thường.

Phàm phu chấp có các pháp hữu vi. Khi thấy các pháp ấy bị tán hoại, như thấy những vật mình ưa thích hư nát, thấy cảnh người thân mình bị tai nạn, chết chóc v.v.... sẽ sanh phiền não khổ đau. Như vậy là Khổ Đế.

Các bậc Thánh chẳng còn bị các pháp hữu vi trói buộc nên chẳng còn sanh phiền não, lại cũng đã ly được ngã và

ngã sở, nên chẳng còn bị ràng buộc bởi các duyên sanh. Vì sao? Vì đã biết rõ các pháp, trước sau đều rớt ráo là bất khả đắc. Như vậy là quán về Tự Tướng Không.

Lại nữa, các bậc Thánh ở nơi các pháp chẳng còn sanh tâm chấp, nên quán các pháp đều là không, là Vô Tướng, là Vô Tác, vào được 3 Giải Thoát Môn, đoạn được ngôn ngữ, tận diệt được các tâm hành. Như vậy là quán về Tự Tướng Không.

Lại nữa, các bậc Thánh cũng biết rõ các pháp do duyên hợp sanh, nên đều là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã, cũng biết rõ các pháp đều chẳng có ai làm ra (Vô chủ tác). Do vậy mà đoạn trừ được tâm chấp ngã, được vô ngại giải thoát. Lúc bấy giờ 6 căn y 6 thức, mà khởi tánh hay biết (giác tri), hiện tướng trí huệ. Ví như xả là tướng bố thí, chẳng sanh phiền não là tướng trì giới, tâm bất động là tướng nhẫn nhục, thân tâm siêng năng làm các việc thiện là tướng tinh tấn, nhiếp tâm tại một chỗ là tướng thiền định, tâm không chấp đắm là tướng trí huệ, hay thành tựu các pháp là tướng phương tiện, chấp đắm sanh diệt là tướng thế gian. Vô sanh là tướng Niết bàn v.v... Quán mỗi pháp đều có biệt tướng, nhưng biết rõ các biệt tướng ấy đều là KHÔNG. Như vậy là quán về tự Tướng Không.

Hỏi: *Vì sao chẳng nói Tướng Không mà lại nói Tự Tướng Không?*

Đáp: Nếu nói Tướng Không thì chưa diễn đạt được rõ nghĩa về pháp thể là KHÔNG. Nay nói Tự Tướng Không là nói pháp thể là KHÔNG vậy.

Lại nữa, do các duyên hòa hợp mà sanh ra có các pháp, các pháp đã theo duyên sanh, thì đều là bình đẳng, đều là Tự Tướng Không vậy.

Hỏi: *Nói các pháp đều là KHÔNG là đủ rồi như vậy cần gì phải nói Tự Tướng Không nữa?*

Đáp: Các pháp chỉ là một tướng (nhất tướng) là chẳng có tướng (vô tướng) mà chúng sanh điên đảo chấp có tướng chung (tổng tướng) và tướng riêng (biệt tướng). Nên phải vì họ nói về Tự Tướng Không để phá các chấp điên đảo ấy.

14/- Chư Pháp Không

Đây là pháp quán về hết thấy các pháp đều là KHÔNG.

Nói về Chư Pháp Không là nói về hết thấy các pháp gồm 5 âm, 12 nhập, 18 giới... đều là KHÔNG.

Người thế gian thấy mỗi pháp đều có tướng riêng biệt nên chấp các pháp đều có tướng khác nhau. Từ nơi tâm chấp pháp tướng đó mà phân biệt vô lượng tướng khác nhau, như: Thức tướng, duyên tướng, tăng thượng tướng, nhân tướng, quả tướng, tổng tướng, biệt tướng v.v...

Hỏi: *Vì sao nói hết thấy các pháp đều có tướng (hữu tướng)?*

Đáp: Vì mỗi pháp hiển lộ một hoặc nhiều tướng riêng khác. Các pháp có xấu có tốt, có trong có ngoài, có xa có gần... mỗi mỗi riêng khác.

Hỏi: *Do đâu mà có pháp tướng?*

Đáp: Tất cả các pháp tướng đều do tâm tạo, đều từ nơi tâm chấp mà sanh ra cả.

Hỏi: *Vô pháp cũng có tướng chẳng?*

Đáp: Vô pháp chẳng có thể được gọi là pháp. Vì sao? Vì do đối đãi với hữu pháp mà nói có vô pháp. Nếu vô pháp là

thật có thì vô pháp ấy cũng trở thành hữu pháp rồi vậy. Bởi vậy nên nói hết thấy các pháp đều có tướng (hữu tướng).

Ví như dùng trí để phân biệt các tướng như:

-Dùng Khổ Pháp Trí, Khổ Tỷ Trí để biết được Khổ Đế.

-Dùng Tập Pháp Trí, Tập Tỷ Trí để biết được Tập Đế.

-Dùng Diệt Pháp Trí, Diệt Tỷ Trí để biết được Diệt Đế.

-Dùng Đạo Pháp Trí, Đạo Tỷ Trí để biết được Đạo Đế.

Lại nữa, dùng thức để phân biệt các trần, ví như dùng nhãn thức để phân biệt sắc, dùng nhĩ thức để phân biệt thanh, dùng tỷ thức để phân biệt hương, dùng thiệt thức để phân biệt vị, dùng thân thức để phân biệt sự xúc chạm, dùng ý thức để phân biệt pháp, thì gọi là thức tướng.

Lại nữa, dùng các thức tương ứng pháp để như thật biết các trần, ví như dùng nhãn thức và nhãn thức tương ứng pháp để duyên sắc... dẫn đến dùng ý thức và ý thức tương ứng pháp để duyên pháp, thì gọi là thức tướng duyên tướng.

Lại nữa, các pháp hữu vi tương duyên với nhau, làm tăng thượng duyên cho nhau. Các pháp vô vi cũng có các pháp hữu vi làm tăng thượng duyên. Như vậy gọi là tăng thượng tướng.

Lại nữa, hết thấy các pháp đều có nhân và có quả. Như vậy gọi là nhân quả tướng.

Lại nữa, hết thấy các pháp đều có tướng chung và tướng riêng. Ví như nói về con ngựa, thì xét chung cả con ngựa là nói về tướng chung (tổng tướng), còn xét riêng từng phần như mình dài, chân cao, lông trắng... là nói về tướng riêng (biệt tướng). Như vậy mỗi pháp đều có tổng tướng và biệt tướng.

Lại nữa, y nơi các tướng ấy mà biết được cộng tướng y

chỉ. Ví như cây, cỏ, núi, sông... đều y chỉ nơi đất. Ví như gió y chỉ nơi hư không... như vậy gọi là y chỉ tướng.

-o0o-

Cũng nên biết:

- Hoặc có một pháp tướng dung nhiếp hết thảy các pháp tướng. Như nói Nhất Thiết Pháp là dung nhiếp hết thảy pháp; nói Chư Pháp cũng dung nhiếp hết thảy pháp.

- Hoặc có nhóm hai pháp tướng dung nhiếp hết thảy các pháp tướng. Như nhóm sắc và vô sắc, nhóm hữu đối và vô đối, nhóm hữu lậu và vô lậu, nhóm hữu vi và vô vi...

- Hoặc có nhóm 3 pháp tướng, 4 pháp tướng, 5 pháp tướng... dung nhiếp hết thảy các pháp tướng.

-o0o-

Thế nhưng, tuy có những tướng sai khác nhau như đã trình bày trên đây, hết thảy các pháp đều như như, bình đẳng, đều là nhất tướng, đều là vô tướng cả.

Bởi nhân duyên vậy, nên gọi là Chư Pháp Không.

Hỏi: Hết thảy các pháp tướng đều là KHÔNG. Như vậy vì sao còn đặt cho mỗi pháp một tên gọi riêng?

Đáp: Phạm phu chẳng biết được rằng các pháp đều là KHÔNG, nên điên đảo chấp mỗi pháp có tướng riêng khác, rồi khởi sanh ái trước, phiền não. Do phiền não mà khởi sanh ra các khổ lạc. Ví như tầm nhà tơ tụt trời buộc (triền phược) lấy mình.

Các bậc Thánh Hiền do có trí huệ thanh tịnh, nên biết rõ hết thấy các pháp vốn là KHÔNG. Thế nhưng, vì muốn độ chúng sanh thoát khỏi các khổ mà các ngài phương tiện phân biệt nói có 5 âm, có 12 nhập, có 18 giới v.v... để giải bày cho chúng sanh thấy rằng hết thấy các pháp đều là giả lập, chỉ có danh mà chẳng thật có, đều là KHÔNG cả.

Hỏi: *Nước có tướng ướt, gió có tướng lay động, lửa có tướng nóng, đất có tướng cứng... Như vậy mỗi pháp đều có tự tướng.*

Sao lại nói các pháp đều là KHÔNG?

Đáp: Các tướng đều là bất định. Chẳng có tướng nào là định tướng cả. Ví như nước có tướng lỏng; khi được đun sôi lại biến thành hơi; khi gặp lạnh lại đông đặc thành nước đá, thành băng, thành tuyết. Ví như các vật bị lửa thiêu đốt biến thành tro...

Như vậy là mỗi pháp tự xả tướng của nó khi gặp các duyên khác, nên nói các pháp chẳng có định tướng.

Lại nữa các pháp hữu vi có 3 tướng là sanh, trú, và diệt; cũng như các pháp vô vi có 3 tướng là bất sanh, bất trú và bất diệt.

Như vậy, nếu các pháp có định tướng thì chẳng có biến đổi như vậy được. Bởi vậy nên nói các pháp tướng đều là KHÔNG.

Hỏi: *Nếu nói các pháp đều là KHÔNG, thì làm sao phân biệt phạm phu với Thánh Hiền?*

Đáp: Chẳng có pháp gọi là Thánh, cũng chẳng có pháp gọi là phạm. Chỉ cần phá màn vô minh, chuyển vô trí thành trí là phạm phu liền trở thành Thánh vậy.

Ví như có bệnh mới dùng thuốc; ngay khi hết bệnh, thì chẳng còn cần đến thuốc nữa.

Trong kinh, Phật dạy: “Lìa phàm chẳng có Thánh, lìa Thánh chẳng có phàm”.

Chẳng nên chấp có hai pháp Phàm và Thánh riêng rẽ. Vì sao? Vì các bậc Thánh cũng dùng pháp của người phàm. Chỉ khác ở chỗ bậc Thánh chẳng có chấp tướng, mà người phàm thì chấp tướng. Nếu phàm phủ xả được tâm chấp tướng, thì liền được nhập vào dòng Thánh.

15/- Bất Khả Đắc Không

Đây là pháp quán về các pháp là bất khả đắc “chẳng thể được” là KHÔNG, quán Bất Khả Đắc cũng là KHÔNG. Như vậy gọi là Bất Khả Đắc Không.

Hỏi: *Nói các pháp đều là KHÔNG cũng đủ rồi. Vì sao nói các pháp là Bất Khả Đắc Không?*

Đáp: Khi phá hết thấy các pháp tướng rồi, thì nói các pháp là KHÔNG. Các pháp đều KHÔNG, nên đều là bất khả đắc, tức là chẳng có thể được. Nhưng lại phải xả luôn chấp về bất khả đắc, mới vào được Bất Khả Đắc Không.

Hỏi: *Nếu hết thấy các pháp đều KHÔNG, thì vì sao trong kinh lại nói đến các pháp là vô thường, là khổ, là không là vô ngã. Lại cũng có nói đến sự thọ nghiệp quả báo?*

Đáp: Như bà mẹ sanh con. Tuy mẹ con có khác nhau, nhưng cũng có duyên nghiệp tương tục. Do duyên nghiệp tương tục mà có nghiệp quả nối tiếp trong nhiều đời vậy.

Bồ tát, tuy cũng ở trong sanh tử, nhưng đã biết rõ thật tướng các pháp. Vì người độn căn, nói các pháp là vô thường, là

khô, là không, là vô ngã. Vì người lợi căn, nói các pháp đều là KHÔNG, nói 5 ấm, 12 nhập, 18 giới... đều chẳng thật có.

Trong kinh *Tạp A Hàm* và kinh *Đại Không* nói: “Có 2 KHÔNG là Chúng Sanh Không và Pháp Không”.

Trong kinh *La Đà* nói: “Sắc ấm là tán hoại”.

Trong kinh *Ba La Diên* và kinh *Lợi Chúng* nói: “Người được đạo rồi chẳng thù cũng chẳng xả. Như vậy là lia các chấp”.

Hỏi: *Vi sao gọi Bất Khả Đắc Không là Thật Không?*

Đáp: Vì thật pháp là bất khả đắc, là Không, nên là Bất Khả Đắc Không.

Hỏi: *Trước nói là Tự Tướng Không. Sao nay lại nói Bất Khả Đắc Không?*

Đáp: Nói nhân duyên Bất Khả Đắc Không để đoạn nghi, để người nghe pháp khỏi sợ hãi. Như lời Phật dạy: “Từ khi ta phát tâm đến khi ta thành Đạo, tâm cầu các pháp đều là Bất Khả Đắc”.

Hỏi: *Người vào được Bất Khả Đắc Không có những công đức gì?*

Đáp: Người tu hành vào được Bất Khả Đắc Không sẽ tiêu sạch ba độc và các kiết sử, được đầy đủ giới, định, huệ và đầy đủ các pháp thiện.

Hỏi: *Nghĩa của Chư Pháp Không và Bất Khả Đắc Không có gì khác nhau không?*

Đáp: Bất Khả Đắc Không cũng đồng nghĩa với Chư Pháp Không. Nói Bất Khả Đắc Không để khai thị chúng sanh thấy rõ rằng Vô Vi, Đệ Nhất Nghĩa Đế cũng đều là

bất khả đắc vậy. Đây là nghĩa của Vô Dư Niết bàn.

16/- Vô Pháp Không

Đây là pháp quán về chỗ không có pháp là KHÔNG.

17/- Hữu Pháp Không

Đây là pháp quán chỗ có pháp là KHÔNG.

18/- Vô Pháp Hữu Pháp Không

Đây là pháp quán về chỗ không pháp và chỗ có pháp đều là KHÔNG.

Vì sanh là bất khả đắc, diệt cũng là bất khả đắc, nên KHÔNG (hữu) và CÓ (vô) đều bất khả đắc. Bởi vậy nên nói “Chỗ không có pháp”, “Chỗ có pháp”, “Chỗ không pháp và có pháp” đều là bất khả đắc, đều là KHÔNG cả.

18 KHÔNG, nêu trên đây, phá hết thấy Sanh, Trú, Diệt, cũng phá hết thấy 3 đời.

Có thuyết nói: “Nếu vào được Vô Pháp Không thì sẽ biết được ở hiện tại các pháp hữu vi và các pháp vô vi đều là KHÔNG cả”. Lại có thuyết nói: “Nếu rõ biết được Vô Sanh, Vô diệt thì sẽ phá được cả Hữu Vi lẫn Vô Vi, biết rõ Hữu Vi và Vô Vi đều là KHÔNG cả”.

-o0o-

Bởi nhân duyên vậy, nên nói “Bồ tát Ma-ha-tát muốn trú Nội Không... dẫn đến Vô Pháp Hữu Pháp Không phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

(Hết quyển 31)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 32



Phẩm Thứ Nhất (TIẾP THEO)



Tứ Duyên (Bốn Duyên)

KINH:

Muốn biết nhân duyên, thứ đệ duyên, sở duyên duyên và tăng thượng duyên phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Hết thảy các pháp hữu vi đều do 4 duyên sanh. Đó là:

1. Nhân Duyên.
2. Thứ Đệ Duyên.
3. Sở Duyên Duyên.
4. Tăng Thượng Duyên.

1) *Nhân duyên:*

Nhân Duyên là nhân chánh

Hết thảy các pháp hữu vi đều do Nhân Duyên sanh. Trong Nhân Duyên lại phân biệt có 5 nhân. Đó là:

- Tương Ứng nhân.
- Cộng Sanh nhân.
- Tự Chùng nhân.
- Biến nhân.

- Báo nhân.

2) *Thứ Đệ Duyên:*

Thứ Đệ Duyên còn được gọi là Đẳng Vô Giác Duyên. Đây là chuỗi các duyên tương tục nối tiếp nhau, thứ lớp khởi lên, chẳng hề ngưng nghỉ. Các duyên này đầy khởi do tâm thức xúc tiếp với pháp trần.

Ví như, chư vị A-la-hán duyên các tâm sở pháp trong cả 3 đời.

3) *Sở Duyên Duyên:*

Sở Duyên Duyên là các duyên nương theo nhau mà sanh khởi.

4) *Tăng Thượng Duyên:*

Tăng Thượng Duyên là duyên có công năng làm cho các pháp cũng như các duyên khác càng thêm tăng trưởng, càng thêm mạnh mẽ hơn lên.

-o0o-

Muốn biết rõ các duyên sanh pháp, muốn biết rõ cộng tướng và biệt tướng của các pháp, thì phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì tất cả 4 duyên đều là bất khả đắc cả.

Chúng sanh thấy quả mà khởi chấp có nhân mới sanh ra quả; lại nghĩ rằng nếu chẳng có nhân, thì chẳng có quả.

Thế nhưng, nhân chẳng có được tự tại. Vì sao? Vì nhân này do nơi nhiều nhân khác sanh ra, rồi lại duyên khởi sanh ra nhiều nhân khác nữa. Ta hãy lấy hạt lúa làm nhân để tạo thành cây lúa. Ta thấy hạt lúa gieo xuống đất rồi, còn phải nhờ nước, gió, ánh sáng mặt trời, phân bón, sức lao động của

người nông dân... mới tạo thành cây lúa được. Cây lúa lớn lên sẽ đơm bông, kết hạt. Rồi những hạt lúa mới sẽ trở thành nhân cho các mùa lúa sau.

Như vậy, chẳng nên nói đơn thuần “Nhân sanh ra quả” được. Vì sao? Một nhân phải nhờ đến nhiều nhân, nhiều duyên khác mới sanh quả được.

Lại nữa, nếu nhân chẳng có tự tại, thì nhân chẳng có chỗ y chỉ (vô sở y). Đã chẳng có chỗ y chỉ, thì chẳng có nhân (vô nhân). Đã chẳng có nhân, thì cũng chẳng có quả (vô quả). Nhân và quả là bình đẳng duyên, và đều là bất khả đắc cả.

Bởi vậy nên muốn biết rõ các duyên sanh pháp, thì phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

Hỏi: *Vì sao nói tất cả 4 duyên đều là bất khả đắc?*

Đáp: Phật phương tiện dạy 4 duyên. Phạm phu điên đảo chấp 4 duyên là thật có, mà chẳng biết rằng do các nhân duyên hòa hợp mới có thức tâm sanh ra. Đây chỉ là cảnh trong mộng, chẳng có định tánh. Vì các nhân, các duyên cộng sanh, cộng khởi, mà có các tâm và tâm sở pháp sanh ra vậy.

Ví như, thọ, tưởng, hành, thức đồng duyên, làm nhân dẫn sanh ra các tâm pháp. Đây là Tương Ứng Nhân.

Các pháp hữu vi đều tương trợ lẫn nhau, mà cộng sanh cộng khởi. Đây là “Cộng sanh nhân”.

Các pháp hữu vi đều có các nhân, tức là cái hạt giống của chính mình. Ví như hạt giống thiện ở quá khứ là nhân của thiện pháp trong đời hiện tại; hạt giống thiện ở hiện tại là nhân của thiện pháp trong đời vị lai. Các pháp bất thiện và vô ký cũng đều là như vậy. Đây là “Tự Chủng Nhân”.

Lại nữa, pháp sau có thể làm nhân biến đổi nhân của pháp

trước. Ví như, do thấy khổ, mà tu khổ đế. Do biết nguyên nhân sanh khổ, mà tu tập đế... dẫn đến tu đạo đế. Đây là “Biến Hóa Nhân”.

Lại nữa, các chủng tử thiện dẫn sanh các quả báo lành hay dữ, tịnh hay cấu. Đây là “Báo Nhân”.

Hỏi: *Bồ tát chẳng còn kiết sử, sao lại còn thọ sanh? Có Biến Hóa nhân và Báo nhân.*

Báo nhân là các chủng tử thiện hay ác, đem lại quả báo lành hay dữ, tịnh hay cấu.

Tất cả các phiền não đều do 5 nhân (thuộc nhóm nhân duyên) sanh ra, trong 5 nhân đó thì Báo nhân hiển lộ ra bên ngoài, còn 4 nhân kia tiềm ẩn ở bên trong. Ví như khi nhiễm sắc, dù tâm chẳng có tương ưng với các hạnh, mà 4 nhân ấy cũng khiến tâm bị cấu nhiễm.

-o0o-

Nếu trừ được cấu tâm thì vào được Vô Lộ.

Lúc ban đầu, tâm và tâm sở pháp vô lộ theo 3 nhân sanh. Đó là Tương Ứng nhân, Cộng Sanh nhân và Vô Chủng nhân. Nhưng khi ở nơi tâm vô lộ, mà sắc và tâm chẳng có tương ưng với hành (bất tương ưng hành), thì chỉ còn có 2 nhân. Đó là Cộng Sanh nhân và Vô Chủng nhân. Như vậy là chẳng có trường hợp 1 nhân sanh pháp.

Bồ tát hành Bát Nhã Ba-la-mật, quán 4 duyên, mà tâm chẳng chấp. Bồ tát phân biệt các pháp, mà vẫn biết rõ các pháp đều như huyễn, như hóa, đều là chẳng thật có. Trái lại, phàm phu điên đảo chấp có 4 duyên, mà chẳng biết rằng 4 duyên ấy cũng đều là bất khả đắc.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật để biết rõ các duyên sanh pháp đều là bất khả đắc.

Hỏi: Muốn biết rõ về 4 duyên, sao chẳng học A Tỳ Đàm mà lại học Bát Nhã Ba-la-mật?

Đáp: A Tỳ Đàm phân biệt 4 duyên cho người sơ học được rõ nghĩa. Bồ tát đã rõ nghĩa rồi, nên phải học Bát Nhã Ba-la-mật để trừ các chấp về pháp tướng.

-o0o-

KINH:

Muốn biết pháp như, pháp tánh và thật tế, phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Các pháp đều có 2 tướng. Đó là:

- Biệt tướng.
- Thật tướng.

* *Biệt Tướng:*

Là tướng riêng, là tự tướng của mỗi pháp. Ví như đất có tướng cứng, nước có tướng ướt, gió có tướng lay động, lửa có tướng nóng v.v... Do 6 căn duyên 6 trần, khởi sanh 6 thức, mà người thế gian nhận biết được biệt tướng của mỗi pháp.

* *Thật Tướng:*

Dùng trí huệ Bát Nhã chia chẻ các pháp đến vi trần, thì mọi pháp đều trở thành KHÔNG. Cho nên nói các pháp, ở nơi Thật Tướng, đều là KHÔNG, là bất khả đắc.

Nếu dùng tâm chấp mà phân biệt, thì thấy mỗi pháp đều có Tự Tướng riêng. Trái lại, nếu biết được vô lượng pháp đều dung hợp với nhau, thì vào được nơi Thật Tướng của các pháp.

Phàm phu chỉ thấy biết được tướng riêng của các pháp.

Hàng Thanh Văn, do trí huệ còn có hạn lượng, nên chưa thấy hết được vô lượng pháp dung hợp với nhau, chưa hoàn toàn vào được nơi Thật Tướng của các pháp. Ví như người vào biển, do sức bơi lặn có hạn lượng, chỉ thấy được một số lượng nhỏ các vật dưới biển vậy.

-o0o-

Khi đã vào được nơi Thật Tướng pháp rồi, thì chẳng còn có sự phân biệt giữa tướng và tánh. Lúc bấy giờ, tướng và tánh chỉ là một, chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Bởi vậy, nên Thật Tướng pháp còn được gọi là :

- Pháp như.

- Pháp tánh.

- Thật tể.

* *Pháp Như:*

Là tánh như như, bất biến của các pháp. Tánh ấy vốn thường KHÔNG.

* *Pháp Tánh:*

Là bản tánh, là thật thể của các pháp. Tánh ấy vốn thường KHÔNG.

* *Thật Tể:*

Là lý chân thật, vẹn toàn của các pháp. Thật Tể vốn thường KHÔNG.

Hỏi: *Pháp Như, Pháp Tánh và Thật Tế có 3 nghĩa riêng khác, hay chỉ có một nghĩa thôi?*

Đáp: Pháp Như, Pháp Tánh và Thật Tế đều là Thật Tướng Pháp cả, đều diễn đạt lý KHÔNG của các pháp. Chỉ là một nghĩa mà có 3 tên gọi khác nhau, để tùy trường hợp rộng giải về lý KHÔNG.

Đây chỉ là phương tiện. Thật ra Pháp Như, Pháp Tánh Thật Tế đều là bất khả đắc cả.

Cũng như vậy, nhằm dẫn vào pháp KHÔNG, có thời Phật thuyết cho hàng Thanh Văn về 3 Pháp ấn là:

- Các pháp hữu vi là vô thường.
- Các pháp hữu vi là vô ngã.
- Niết bàn là tịch tịnh.

Hỏi: *Phật thuyết Bát Nhã Ba-la-mật, Phật lại thuyết về 3 Pháp ấn. Như vậy Bát Nhã Ba-la-mật có phá hoại các Pháp ấn không?*

Đáp: Tất cả đều do Phật thuyết, nhưng tùy trường hợp, tùy đối tượng, lời Phật nói ra có sai khác.

Với hàng Bồ tát, Phật thuyết về Thật Tướng Bát Nhã. Với hàng Thanh Văn, Phật thuyết về 3 Pháp ấn.

Trong kinh *Bát Nhã Ba-la-mật*, Phật dạy ngài Tu Bồ Đề: “Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát quán sắc là thường là chẳng phải hành Bát Nhã Ba-la-mật; quán sắc là vô thường là chẳng phải hành Bát Nhã Ba-la-mật. Quán sắc là khổ, là lạc, quán sắc là ngã, là vô ngã, quán sắc là tịch tịnh, là phi tịch tịnh... cũng đều là chẳng phải hành Bát Nhã Ba-la-mật.

Bát Nhã Ba-la-mật chẳng phá hoại các Pháp ấn cũng

chẳng chấp các Pháp ấn. Khi đã vào được Thật Tướng Pháp rồi, thì sẽ diệt hết các quán, sẽ chẳng còn các Pháp ấn nữa.

Hỏi: *Như thế nào là nói về Pháp Như?*

Đáp: Như trong kinh *Tạp A Hàm* có nêu mẫu chuyện sau đây:

Có vị Tỷ-kheo hỏi Phật: “Bạch Thế Tôn! 12 nhân duyên do Phật đặt ra hay do ai đặt ra?”

Phật dạy: “Chẳng phải ta lập ra 12 nhân duyên, cũng chẳng có ai khác lập ra 12 nhân duyên cả. Pháp Như, Pháp Tướng, Pháp Vị vẫn thường như vậy. Ví như Vô Minh duyên Hành, Hành duyên Thức... dẫn đến Sanh duyên Lão Tử, vẫn thường như vậy. Tất cả đều do nhân duyên nên có, nhưng tất cả đều là KHÔNG. Ưu, Bi, Khổ, Não... đều vốn là KHÔNG cả. Vì là KHÔNG, nên khi các nhân duyên diệt, thì Ưu, Bi, Khổ, não... liền diệt. Các pháp tương tục sanh diệt như vậy. Dù có Phật hay dù không có Phật vẫn thường như vậy”.

Như vậy là nói về Pháp Như.

Hỏi: *Như thế nào là nói về Pháp Tánh?*

Đáp: Như trong kinh *Tạp A Hàm* cũng như kinh *Sư Tử* có nêu các mẫu chuyện sau đây:

* Phật hỏi ngài Xá Lợi Phất ba phen về nghĩa của một câu mà ngài chẳng sao trả lời được. Đến khi Phật khai thị về Thật Thể của các pháp, thì ngài mới được rõ. Phật khai thị cho ngài Xá Lợi Phất xong rồi, lui về tịnh xá. Lúc bấy giờ, ngài Xá Lợi Phất nhóm các Tỷ-kheo và nói rằng: “Khi Phật chưa khai thị, ta chưa được rõ. Nhưng nay Phật đã khai thị rồi, thì ta có thể nói được nghĩa ấy suốt trong 7 ngày 7 đêm”.

* Lại nữa, sau khi Phật vừa ra khỏi tịnh thất, có một vị

Tỷ-kheo đến bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Ngài Xá Lợi Phất tán thán Phật thông đạt Pháp Tánh, nên dù ở nơi pháp Thanh Văn mà vẫn quán các pháp sanh diệt là như.

Do quán các pháp sanh diệt là thường như, nên diệt hết thấy các quán, vào được nơi Thật Tướng pháp”.

Như vậy là nói về Pháp Tánh.

Hỏi: *Như thế nào là nói về Thật Tế?*

Đáp: Có hai pháp đối đãi mới có duyên khởi. Còn Thật Tế chẳng có chỗ sở y, chẳng có đối đãi nên chẳng có duyên khởi.

Phật thuyết trong các kinh: “Thật Tế là Niết bàn”. Vì Thật Tế là diệt, là ly, là diệu. Do vậy mà Niết bàn chẳng có nhân duyên, chẳng có duyên khởi. Niết bàn là Thật Tế, là Như. Đã là Như, thì cả 3 đời đều bình đẳng, đều là Như cả vậy.

Hỏi: *Vì sao gọi 3 đời bình đẳng là Như?*

Đáp: Ở nơi Thật Tướng, thì 3 đời đều bình đẳng, chẳng có sai khác, nên gọi là Như.

Kinh *Bát Nhã Ba-la-mật* nói: “Ba đời Nhất Như bình đẳng là ba đời đã nhập vào trong vô lượng pháp tánh, là bản tánh, là Niết bàn. Hết thấy các pháp thế gian đều có tánh Niết bàn.”

Chư Phật, chư Bồ tát, chư Thánh Hiền dùng phương tiện giáo hóa chúng sanh, dạy họ tu học, dẫn họ vào Niết bàn là vào nơi Thật Tánh của các pháp vậy.

Ví như người thợ vàng, thợ bạc phải dùng phương tiện nấu các quặng vàng, quặng bạc, loại bỏ các chất bản quặng mới lấy được vàng ròng, bạc ròng để làm đồ trang sức. Lại ví như kim cương ở sâu dưới mỏ, người thợ mỏ phải đào sâu, loại bỏ các lớp đất đá mới tìm được chất kim cương. Pháp

Tánh cũng như vậy, người tu hành phải dùng trí huệ, phải tu tập, phải tầm cầu mới vào được chỗ tự tánh thanh tịnh, mới diệt được các hý luận. Như vậy là vào được Pháp Tánh thâm sâu, tức Pháp Tánh Thật Tế vậy.

Hỏi: *Vì sao nói Thật Tế là thường trú bất động?*

Đáp: Chúng sanh, do vô minh phiền não che tâm, khiến ở nơi Thật Tướng mà vẫn sanh tà tư duy. Chư Thánh đã phá vô minh, nên dạy chúng sanh tu tập để vào được nơi Thật Tướng của các pháp.

Khi Vô Minh đã dung hợp với Minh, thì sẽ thấy được Chân Tánh, tức là Pháp Tánh Thật Tế vậy. Khi đã vào được nơi Pháp Tánh Thật Tế, thì sẽ biết rõ ở nơi thân ta có vô lượng vô biên vi diệu pháp.

Hỏi: *Chư vị A-la-hán có vào được Thật Tế không?*

Đáp: Các bậc A-la-hán, Bích Chi Phật vào được Thật Tế, nhưng trú ở nơi đây, chẳng tiến lên nữa.

Bồ tát vào Thật Tế rồi, phát tâm từ bi, trở lại trong sanh tử để giáo hóa chúng sanh, và tu đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, mãi đến khi viên thành Phật đạo.

Hỏi: *Thế nào gọi là Bồ tát tu Thật Tướng Trí Huệ?*

Đáp: Bồ tát biết rõ ở nơi Thật Tướng chẳng có tướng thường, chẳng có tướng lạc, chẳng có tướng ngã, chẳng có tướng tịnh. Do tu như vậy mà Bồ tát xả được các pháp quán, vào được Niết bàn vô sanh diệt. Như vậy là Bồ tát tu để trở về nguồn gốc vô sanh, trở về pháp tánh như như thường trú.

Bồ tát thấy rõ ở nơi Sắc tức là không ở trong các pháp đều có tánh Niết bàn, tức là Pháp Tánh vậy.

Do chúng ngộ được Thật Tướng pháp, nên Bồ tát có được vô lượng vô biên phương tiện trí huệ để giáo hóa chúng sanh.

Thật Tánh pháp là Chân Thật Tế có diệu dụng lợi sanh vô cùng tận.

-o0o-

KINH:

Này Xá Lợi Phát! Bồ tát Ma-ha-tát muốn biết số vi trần trong khắp ba ngàn đại thiên thế giới, muốn trong một mây lông có thể chứa đủ cả ba ngàn đại thiên thế giới, muốn diệt được ngọn lửa thiêu cháy khắp ba ngàn đại thiên thế giới ở thời kiếp tận, muốn ngăn dừng cho gió hủy hoại ba ngàn đại thiên thế giới, phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Hỏi: *Vì sao không tán thán công đức Bồ tát tu tập 6 pháp Ba-la-mật mà lại tán thán đại thần lực của Bồ tát.*

Đáp: Nên phân biệt có hai hạng chúng sanh:

- Có chúng sanh ưa thích các thiện pháp.
- Có chúng sanh ưa thích các thiện quả báo.

Đối với hạng người ưa thích các thiện pháp, thì nên vì họ tán thán các công đức tu tập 6 pháp Ba-la-mật của Bồ tát. Còn đối với hạng người ưa thích các thiện quả báo, thì nên vì họ tán thán đại thần lực của Bồ tát.

Người thế gian cho sơn hà, đại địa... là bền vững, kiên cố. Trái lại Phật dạy: “Vô lượng thế giới đều là vô thường, đều là hủy hoại, mỗi chúng sanh đều có đóng góp phần nhỏ của mình vào sự hình thành của một vi trần, dẫn đến sự hình

thành của cả vũ trụ. Bởi vậy Bồ tát muốn biết rõ sự tương quan mật thiết giữa vạn vật với vũ trụ, thì phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Trong kinh có chép mẩu chuyện sau đây :

Phật bảo một vị Tỷ-kheo rằng: “Người có biết sự tương quan giữa thế giới và vi trần như thế nào không?”.

Vị Tỷ-kheo đáp: “Bạch Thế Tôn! Con chẳng được rõ”.

Phật dạy: “Từ khi Phật Đại Thông Huệ Như Lai ra đời đến nay, trải qua vô lượng kiếp bằng số hằng sa vi trần trong hằng sa thế giới. Như vậy mà Phật và Bồ tát đều biết rõ cả. Ví như vua A-tu-la biết rõ được biển sâu đến 8 vạn do tuần vậy”.

Hỏi: *Vì sao tu tập Bát Nhã Ba-la-mật mà biết rõ được như vậy?*

Đáp: Phật và Bồ tát được đầy đủ Vô Ngại Giải, lại có trí huệ rộng lớn vô lượng vô biên, chẳng ai có thể suy lường được. Người thế gian cho rằng quả đất là bền vững, kiên cố. Nhưng Phật lại dạy rằng: “Quả đất rồi đây cũng sẽ tán hoại. Chỉ có tâm lực là kiên cố. Tu Bát Nhã Ba-la-mật mới thông suốt được vạn pháp”. Phạm phu do bị các duyên nghiệp ngăn che tâm, nên chẳng biết được Thật tướng của các pháp. Hàng Nhị Thừa do còn chấp tướng Tịnh, nên cũng chưa rốt ráo thông suốt thật tướng các pháp. Trái lại tâm Bồ tát thường được trí huệ Bát Nhã Ba-la-mật soi sáng, nên rốt ráo thông suốt thật tướng các pháp.

-o0o-

Có thuyết nói trong 4 Đại, thì nước là mạnh hơn hết, vì khắp trong hư không, khắp nơi trong đất... đều có nước. Hơn nữa, nhờ nước mà vạn vật được nuôi dưỡng và sanh tồn.

Lại có thuyết nói lửa là mạnh nhất, vì lửa có thể thiêu hủy được tất cả các vật. Hơn nữa, nhờ lửa sưởi ấm mà vạn vật được nuôi dưỡng và sinh tồn.

Lại có thuyết nói gió là mạnh nhất, vì gió làm rung động cả hư không, phá hoại cả 3.000 đại thiên thể giới .v.v...

Phật dạy: “Tâm lực mới thật là mạnh nhất, vì tâm tạo ra 4 Đại”. Bởi vậy nên học Bát Nhã Ba-la-mật là học về tâm lực. Khi đã làm chủ được tâm lực rồi, là có thể dùng thần thông làm chuyển đổi cả thế giới vậy.

KINH:

Muốn một phen tọa thiền mà được thân đầy khắp cả ba ngàn đại thiên thể giới, phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Hỏi: *Do nhân duyên gì mà Bồ tát tọa thiền được như vậy?*

Đáp: Các vị Trời Phạm Thiên khi thấy Bồ tát tọa thiền, biến thân đầy khắp cả 3.000 đại thiên thể giới, sẽ chẳng còn sanh tâm kiêu mạn nữa. Lại nữa, vì muốn độ chúng sanh, nên Bồ tát tự biến nhỏ thành lớn, khiến chúng sanh được an ổn.

Lại nữa, do nguyên nhân anh em Long Vương muốn phá thành Xá Bà Đề, nên ngài Mục Kiền Liên mới biến thân trùm khắp hư không, khiến anh em Long Vương sợ hãi mà tự rút lui. Nhờ vậy mà thành được an ổn.

Bởi nhân duyên vậy, nên Phật dạy: “Bồ tát muốn được thân biến đầy khắp cả 3.000 đại thiên thể giới, phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật”.

KINH:

Muốn lấy một mảy lông nâng được cả ba ngàn đại thiên thế giới, mà chẳng làm kinh động chúng sanh, phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

Muốn đem một suất ăn, một bộ y, một cành hoa, một cây đèn, một tràng phan, một bảo cái, mà có thể cúng dường được đầy đủ chư Phật, chư Tăng ở khắp mười phương thế giới, phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Hỏi: Vì sao Bồ tát lại hiện các thần lực như vậy?

Đáp: Vì Bồ tát muốn độ hết thảy chúng sanh trong khắp 3.000 đại thiên thế giới.

Như trong kinh *Pháp Hoa* có nói: “Phật muốn tập hội các Hóa Phật ở khắp 10 phương thế giới về cõi Ta Bà này, nên trước tiên Phật dọn dẹp sạch sẽ cõi này bằng cách dời các hàng Trời, người đi nơi khác”. Đây là Phật muốn cho chúng hội Pháp Hoa sanh được tín tâm thanh tịnh, mà dùng các thần lực biến hóa như vậy.

Lại nữa, có thời đức Phật cùng các Bồ tát ở cõi Hương Tích đem cúng dường Phật Thích Ca Muru Ni và chúng hội ở cõi Ta Bà này một bát cơm. Phật Thích Ca Muru Ni dùng thần lực biến bát cơm ấy thành vị Cam Lô, khiến cả đại chúng đều thọ dụng đầy đủ.

Tất cả sự biến hóa nêu trên đây đều do tâm lực tạo ra cả. Cũng như vậy, Bồ tát có thể nâng cả 3.000 đại thiên thế giới ra khỏi chỗ khổ nạn, mà chúng sanh chẳng hay biết gì cả.

Hỏi: Cúng dường là tại tâm, chẳng phải tại vật, nên Bồ tát mới lấy một bát cơm mà có thể cúng dường chư Phật và

chư Bồ tát ở khắp 10 phương. Chỉ có chư Phật và chư Đại Bồ tát đã được tự tại vô ngại mới có thể thọ dụng được.

Còn chư Tăng ở trong chúng hội chưa được tự tại vô ngại thì làm sao có thể thọ dụng được?

Đáp: Đây là nương theo thân lực của Bồ tát mà thọ dụng vậy. Ví như Bồ tát Văn Thù Sư Lợi, do nguyện lực đã có thời dùng một bát hoan hỷ hoàn, mà có thể cúng dường cả 4 vạn 8 ngàn vị Tăng thọ dụng no đủ.

Lại nữa, chư Tăng do lực thân chú cũng có thể dùng một ít cơm mà bố thí cho vô lượng quỷ thần được no đủ.

Bồ tát tu tập Bát Nhã Ba-la-mật được vô lượng thân lực, trí huệ lực, nên được vô ngại cúng dường khắp cả 10 phương.

-o0o-

KINH:

Này Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma-ha-tát muốn khiến chúng sanh ở khắp mười phương được đầy đủ giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, được đầy đủ bốn quả Thanh Văn, dẫn đến vào được Vô Dư Niết bàn, phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Bồ tát do tu tập Bát Nhã Ba-la-mật, được trí huệ minh lợi, phân biệt được tướng và tánh của hết thảy các pháp, biết rõ hết thảy các pháp đều là KHÔNG, là bất khả đắc, vào được nơi Thật Tướng các pháp mà chẳng thủ chấp. Được như vậy rồi, Bồ tát lại dạy chúng sanh tu tập Bát Nhã Ba-la-mật, khiến họ được đầy đủ giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, được 4 quả Thanh Văn, dẫn đến được Vô Dư Niết bàn.

KINH:

Muốn được quả báo lớn, khi thật hành bố thí, như được sanh vào nhà quyền quý, như được sanh lên cõi Trời Tứ Thiên Vương, Đạo Lợi, Dạ Ma, Đâu Suất, Hóa Lạc, Tha Hóa, như được vào Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên, Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, Phi Hữu Tướng Phi Vô Tướng Xứ, như được tám Thánh Đạo, bốn quả Thanh Văn..., dẫn đến như Phật quả, phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Trong kinh có chép mẫu chuyện như sau:

Ngài Xá Lợi Phất đem bát cơm cúng dường Phật, Phật liền đem cho chó ăn và hỏi: “Này Xá Lợi Phất! Ông đem bát cơm cúng dường ta, rồi ta liền cho chó ăn. Như vậy ai có phước hơn ai?”

Ngài Xá Lợi Phất đáp: “Phật bố thí cho chó ăn có phước hơn con cúng dường Phật”.

Phật dạy: “Ai cũng cho Phật là ruộng phước (phước điền) vào bậc nhất, lại thường cho con chó là ruộng ác (ác điền), nên ta mới đem bát cơm ấy cho chó ăn để người đời biết rõ là tâm sanh phước, chẳng phải là ruộng (điền) sanh phước”.

Hỏi: Như vậy thì cúng dường Phật chẳng có sanh phước hay sao?

Đáp: Tâm là chủ, ruộng (điền) là khách. Điền ở bên ngoài trợ giúp cho tâm sanh phước mà thôi. Nếu chẳng do tâm chủ động thì chẳng sao có thể sanh được phước đức lớn.

Phước đức lớn do tâm sanh, nếu tâm được Bát nhã dẫn đạo thì phước đức sẽ vô lượng, vô biên. Vì sao? Vì hợp với

Thật Tướng pháp.

Nên biết tâm thí phân biệt có 3 trường hợp. Đó là :

- Bi thí là độ chúng sanh.

- Phước đức thí là cúng dường chư Phật và chư Thánh Hiền.

-Thật tướng thí là bố thí với tâm Bát Nhã. Thật tướng thí mới có được vô lượng phước đức.

-oOo-

KINH:

Này Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma-ha-tát muốn dùng lực phương tiện của trí huệ, khi thực hành bố thí, để được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Vì sao dùng lực phương tiện trí huệ khi thực hành bố thí mà được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật?”

Phật dạy: “Này Xá Lợi Phất! Khi thực hành bố thí, nếu xem tất cả người thí, kẻ thọ và vật thí đều bất khả đắc, thì được đầy đủ Đàn Ba-la-mật, nếu xem tội cùng không tội đều bất khả đắc, thì được đầy đủ Thi Ba-la-mật, nếu tâm chẳng động thì được đầy đủ Săn Đề Ba-la-mật, nếu thân và tâm đều tinh tấn thì được đầy đủ Tỳ Lê Gia Ba-la-mật, nếu tâm chẳng loạn chẳng chấp, thì được đầy đủ Thiên Na Ba-la-mật, nếu biết rõ hết thấy pháp đều bất khả đắc, thì được đầy đủ Bát Nhã Ba-la-mật”.

LUẬN:

Hỏi: *Lực phương tiện trí huệ thành tựu được các pháp, mà lại chẳng có phá hoại các pháp. Nay nói cả 3 pháp là*

người thí, kẻ thọ và vật thí đều bất khả đắc. Như vậy làm sao còn có thể gọi là lục phương tiện trí huệ được nữa?

Đáp: Nên phân biệt có 2 trường hợp bất khả đắc. Đó là:

- Được bất khả đắc.

- Được bất khả đắc KHÔNG.

Được bất khả đắc là được đoạn diệt tướng.

Được bất khả đắc KHÔNG là được phương tiện huệ.

Bồ thí cả 3 pháp đều KHÔNG (tam luân không tịch), mà được đầy đủ phương tiện trí huệ. Chẳng có đọa về CÓ (hữu), chẳng đọa về KHÔNG (vô), chỉ vì hết thảy chúng sanh mà khởi tâm đại bi, hành bồ thí là được đầy đủ phương tiện huệ.

Lại nữa, cúng dường chư Phật trong 3 đời và khắp 10 phương, tùy hỷ công đức hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề cũng là được đầy đủ phương tiện trí huệ.

Phương tiện trí huệ dẫn đến phương tiện Bát Nhã Ba-la-mật.

-o0o-

KINH:

Này Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma-ha-tát muốn được công đức như chư Phật trong 3 đời, phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Hỏi: Công đức của chư Phật 3 đời là bất khả đắc. Như vậy vì sao nói muốn được công đức như chư Phật 3 đời, thì phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật?

Đáp: Chính vì công đức của chư Phật 3 đời là bất khả đắc nên muốn được như vậy, phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

Hỏi: Vì sao nói đức Phật A Di Đà có thọ mạng vô lượng, quang minh vô lượng, và độ vô lượng chúng sanh?

Đáp: Các thế giới Phật có tịnh, có bất tịnh.

Như trong kinh *Tam Thập Tam Thiên* có ghi mẫu chuyện sau đây:

Phật an cư ở trên cõi trời Tam Thập Tam Thiên. Đến ngày Tự Tứ, cả 4 chúng ở trần gian chẳng thấy Phật đâu. Buồn rầu, bèn nhờ cây ngài Mục Kiền Liên đến bạch Phật về sự việc ấy.

Ngài Mục Kiền Liên bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Vì sao Phật bỏ chúng sanh ở cõi trần mà lên cõi trời an cư?”

Phật dạy: “Này Mục Kiền Liên! Ông hãy vào định mà quán sát thế giới”.

Ngài Mục Kiền Liên liền nhập định. Nhờ có đại thần lực của Phật, nên ngài thấy được chư Phật cùng với đại chúng ở khắp thế giới.

Sau đó Ngài xuất định và bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Cúi xin Thế Tôn đừng xả bỏ chúng sanh ở trần gian. Cúi xin Thế Tôn vì họ mà hóa độ”.

Phật dạy: “Khi ông vào định ông có thấy đất ở nước Phật phương Đông toàn bằng vàng ròng chẳng?”

Ngài Mục Kiền Liên đáp: “Bạch Thế Tôn! Ở nơi đây các đệ tử của Phật đều là những bậc A-la-hán, có đầy đủ 6 thần thông, đều tự tại, vô ngại, đất toàn bằng vàng ròng. Lại có nước, các đệ tử Phật đều là những bậc Bích Chi Phật, đất toàn bằng bạc. Lại có nước các đệ tử của Phật đều là những

bạc Bồ tát, thường phóng quang minh, và đất toàn bằng bảy báu trang nghiêm”.

Phật dạy: “Các vị ấy đều là hóa thân của ta, làm Phật sự ở trong khắp mười phương”.

-o0o-

Bởi vậy nên phân biệt có thể giới tịnh, như thế giới của đức Phật A Di Đà, cũng có thể giới bất tịnh như thế giới Ta Bà này vậy.

Vì lòng đại bi, thương xót chúng sanh ở cõi Ta Bà này mà đức Phật Thích Ca Mưu Ni đã thị hiện sanh về cõi này để giáo hóa họ.

Phật thương xót chúng sanh như mẹ thương con. Tình thương của mẹ bao la rộng lớn, nên dù con sống trong cảnh bần cùng, dù con ở chốn đơ bẩn, xú uế, mẹ cũng chẳng bao giờ rời bỏ con.

Y theo nghĩa này mà nói, thế giới Phật cũng có tịnh, và bất tịnh vậy.

(Hết quyển 32)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 33



Phẩm Thứ Nhất (TIẾP THEO)



Đảo Bỉ Ngạn (Qua Bờ Bên Kia)

KINH:

Muốn qua bờ bên kia của các pháp hữu vi và vô vi, phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Qua bờ bên kia là qua bờ giải thoát, giác ngộ. Qua bờ bên kia là biết rõ tổng tướng và biệt tướng của hết thảy các pháp hữu vi và vô vi, là vào nơi thật tướng các pháp.

Từ khi sơ phát tâm đến khi được quả vị Phật, Bồ tát thường tu tập Bát Nhã Ba-la-mật nên qua được bờ bên kia của các pháp hữu vi và vô vi.

-o0o-

KINH:

Muốn biết rõ pháp như, pháp tướng và thật tế vô sanh của các pháp trong 3 đời, phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Hỏi: *Thế nào gọi là như? Thế nào gọi là 3 đời đều như?*

Đáp: Nói Vô Sanh là nói Thật Tế. Nói 3 đời đều Như là nói hết thảy pháp tướng đều như, chẳng có sai khác.

Như có 2 nghĩa. Đó là:

- Thế gian như.
- Xuất thế gian như.

Các pháp trong ba đời đều chỉ là một tướng (nhất tướng). Do các nhân duyên quả báo, nên phân biệt có các tướng sai khác: Có biệt tướng, có tổng tướng. Do sự phân biệt các tướng như vậy mà hình thành pháp tướng thế gian.

Nếu lấy trí huệ Bát nhã quán chiếu, thì sẽ thấy rõ các pháp tướng trong cả ba đời đều là như, là vô sanh, là thật tế vô sanh vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói các pháp thế gian và xuất thế gian ở cả 3 đời đều như.

Hỏi: Như pháp tướng cũng là vô sanh tướng, phá hết thấy các tướng, chẳng còn có phân biệt nữa. Như vậy vì sao còn nói đến thật tế vô sanh của các pháp trong ba đời?

Đáp: Nhằm phá tướng sanh của các pháp, phá chấp có ba đời mà nói các pháp trong ba đời chỉ là một tướng (nhất tướng), là chẳng có tướng (vô tướng). Các pháp chẳng có sanh nên là vô sanh. Tướng vô sanh là tướng Niết bàn, là bất sanh bất diệt vậy.

Tướng của hết thấy các pháp cũng là tướng Niết bàn, nên Phật thường dạy: “Hết thấy các pháp đều là thật tế vô sanh”.

-o0o-

KINH:

Này Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma-ha-tát muốn cúng dường chư Phật, muốn làm quyến thuộc của chư Phật, muốn có

chư Bồ tát trong hàng quyền thuộc của mình, muốn được tịnh báo đại thí hơn cả các hàng Thanh Văn, Duyên giác, phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Hỏi: *Bồ tát chưa được lậu tận làm sao có thể bằng được các vị Thánh đã được lậu tận?*

Đáp: Bồ tát sơ phát tâm đã hơn các người chưa phát tâm, huống nữa là đã nhiều đời tu tập đạo Bồ Đề, thường làm lợi ích cho chúng sanh. Bởi vậy nên Bồ tát hơn các hàng Thanh Văn, Duyên Giác.

Bồ tát dù thị hiện làm thân người, làm thân súc sanh... đều được chúng sanh tôn kính.

Ví như tiền thân của đức Phật Thích Ca Mưu Ni có thời thị hiện làm nai chúa, đã tinh tấn hộ trì Phật pháp hơn cả loài người, hoặc có thời thị hiện làm người xuất gia, đem pháp mầu hóa độ chúng sanh, hoặc có thời thị hiện làm thân người ngoại đạo, vào thời không có Phật, mà tu tập 4 vô lượng tâm, hoặc có thời thị hiện làm thân Bích Chi Phật v.v...

Trong kinh *Lăng Nghiêm* có nói: “Bồ tát Văn Thù Sư Lợi trong 72 kiếp đã thị hiện làm thân Bích Chi Phật, vì các chúng sanh tu đạo Bích Chi Phật để vì họ nói pháp.

Hỏi: *Vì sao lại muốn được làm quyền thuộc của chư Phật, cũng như muốn có chư Bồ tát trong hàng quyền thuộc của mình?*

Đáp: Những chúng sanh có thiện duyên với Phật và Bồ tát, muốn được làm quyền thuộc, để được thân cận hầu hạ, cúng dường hoặc được nghe pháp, được dẫn dắt vào Đạo.

Ví như Xa Nặc, trong nhiều kiếp thường ở bên Phật, ví

như có nhiều thế nữ, và nhất là bà Da Du Đà La, trong nhiều kiếp đã là nội thân thuộc của Phật.

Khi Phật vừa xuất gia, tu khổ hạnh, có 5 đạo sĩ nhóm ngài Kiền Trần Như cùng tu tập với Phật. Các vị này về sau trở thành những vị đệ tử đầu tiên của Phật, xuất gia theo Phật và đều được Phật độ.

Sau khi thành đạo rồi, Phật lại có rất nhiều vị đại quyền thuộc như các ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Chiên Diên, Tu Bồ Đề, Ma Ha Ca Diếp, Phú Lô Na, A Nậu Lô Đậu v.v...

Lại nữa, các vị đại Bồ tát như các ngài Di Lặc, Văn Thù Sư Lợi ... cùng vô số các vị Nhất Sanh Bồ Xứ Bồ tát khác đều là đại quyền thuộc của Phật.

Kinh *Bát Khả Tư Nghi Giải Thoát* nói: “Ngay khi Phật giáng trần thì đồng thời cũng có vô số các vị Bồ tát giáng trần làm quyền thuộc của Phật.

Kinh *Pháp Hoa* có nói đến vô số Bồ tát từ đất hiện lên, tất cả đều là đại chúng quyền thuộc của Phật trong nhiều đời.

-o0o-

Phải nên biết rằng Phật có hai thân là Pháp thân và Sanh thân. Bởi vậy nên quyền thuộc của Phật cũng có hai hạng. Đó là:

- Quyền thuộc của Sanh thân.
- Quyền thuộc của Pháp thân.

Hỏi: *Thế nào là tịnh báo đại thí?*

Đáp: Có thuyết nói Bồ tát có nhiều phước đức mà chưa trừ

hết phiền não, lại thọ sự cúng dường của chúng sanh mà chưa tịnh báo các ân đức. Nếu Bồ tát tu tập đầy đủ Ba-la-mật, vào được thật tướng pháp, thì sẽ đền đáp được tất cả ân đức đó. Vì sao? Vì lấy việc lợi sanh làm đầu nên Bồ tát được tịnh báo vậy.

Lại có thuyết nói Bồ tát trú ở thế gian chỉ vì lợi ích chúng sanh, cũng như cha mẹ thương con mà muốn sống lâu ở đời, nên dù Bồ tát có thọ sự cúng dường của chúng sanh, thì đó cũng chỉ vì lợi ích chúng sanh, chẳng phải là lợi riêng của chính mình. Như vậy là đã tịnh báo đại thí rồi vậy.

Vì bi nguyện độ sanh mà Bồ tát lưu kiếp sử, thị hiện thọ sanh thân. Do công đức như vậy mà được tịnh báo thân.

-o0o-

KINH:

Này Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma-ha-tát muốn tận trừ các tâm tham, sân, si, mạn, nghi, giải đãi, phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Tất cả 6 ác tâm đó làm ngăn ngại công việc tu tập 6 pháp Ba-la-mật. Phải tận trừ 6 ác tâm đó mới được tự tại tiến tu 6 pháp Ba-la-mật. Để đạt đến mục tiêu đó thì phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

-o0o-

KINH:

Này Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma-ha-tát muốn khiến chúng sanh tu bố thí, tu trì giới, tu nhẫn nhục, tu tinh tấn, tu

thiền định, tu trí huệ để được đầy đủ phước đức, phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Hỏi: *Thế nào gọi là được phước đức?*

Đáp: A Tỳ Đàm nói: “Phước đức là hữu lậu thiện, nên ở nơi cả ba nghiệp thân, khẩu và ý có đầy đủ nhân duyên quả báo phước đức”.

Hỏi: *Thế nào gọi là bố thí được phước đức?*

Đáp: Do xả tâm xan tham, làm lợi ích cho người khác mà được phước đức hữu lậu hay vô lậu, lại được quả báo trí huệ, xả được tâm tương ưng pháp, lại được tâm tư duy đạo, dẫn đến được viên thành đạo nghiệp.

Nên biết bố thí phân biệt có hai thứ. Đó là:

- Tịnh thí.
- Bất tịnh thí.

Nếu do tâm từ bi, hoặc do muốn đối trị xan tham mà sanh tâm thanh tịnh, hành bố thí, thì đó là tịnh thí. Tịnh thí được vô lượng phước báo, đời đời chẳng bao giờ mất.

Trái lại, nếu hành bố thí với tạp tâm thì đó là bất tịnh thí.

Trong 8 niệm thì niệm Xả nghiệp về bố thí. Như vậy chỉ có Bồ tát mới hành đầy đủ niệm xả, mới thật sự dùng tâm thanh tịnh bố thí.

Trong kinh có chép chuyện Bồ tát Hỷ Ma La suốt 12 năm bố thí sữa trâu, đựng trong bát bảy báu, và bố thí 8 ngàn 4 vạn vật khác nữa.

Lại như Bồ tát Tu Đại Noa bố thí 2 con và luôn cả vợ cho

một vị hóa Bà-la-môn.

Các việc bố thí của Bồ tát vô lượng vô biên chẳng sao kể xiết được.

Hỏi: *Thế nào gọi là tội sát?*

Đáp: Sát sanh là giết người hay giết vật. Nói chung là cắt đứt mạng sống của chúng sanh.

Hỏi: *Nếu chẳng dụng tâm (vô tâm) mà ngộ sát thì có phạm tội sát không?*

Đáp: Tội tùy tâm khởi. Ngộ sát chẳng phải do tâm khởi nên chỉ là tội nhẹ.

Hỏi: *Còn các giới khác trong 5 giới thì sao?*

Đáp: Cũng đều như vậy cả. Phải xét sự phạm tội có do tâm hay không do tâm khởi, để tùy theo đó mà luận tội. Như trong mục nói về Thi La Ba-la-mật (phẩm thứ nhất, quyển 13) đã có nói rõ.

Hỏi: *Tu từ và tu định có gì giống nhau không?*

Đáp: Thiền định hữu lậu hay sanh quả báo từ, đem lại sự an vui cho chúng sanh, và cũng làm duyên khởi sanh quả báo phước đức.

Chân từ tâm có các phương tiện từ lực, nên tùy tâm sanh phước đức. Do chân từ tâm mà khởi sanh chân ái, hay duyên vô lượng chúng sanh để làm lợi ích cho họ. Lại nữa, do chân từ tâm mà tâm ly dục dễ phát sanh, dẫn đến được phạm hạnh, được đầy đủ 4 vô lượng tâm.

Hỏi: *Vì sao Phật chỉ nói đến tu từ tâm là tu phước, mà chẳng nói đến 3 tâm bi, hỷ và xả?*

Đáp: Trong 4 tâm thì tâm sanh là đại phước đức. Còn như xả tâm do hành xả, nên chẳng còn nói đến phước đức nữa.

Từ tâm có 5 lực, đó là:

- Không làm tổn hại chúng sanh.
- Không độc ác với chúng sanh.
- Không bị lừa đốt cháy.
- Không bị nước cuốn trôi.
- Không bị những kẻ độc ác, những kẻ sân nhuế, dẫn đến những kẻ âm mưu ám hại bức bách. Tất cả những kẻ ấy đều bỏ ác, chuyển tâm hoan hỷ.

Hỏi: Trước đây nói bồ thí sanh phước đức. Nay vì sao lại nói từ tâm lực sanh phước đức?

Đáp: Trước đây nói bồ thí sanh phước đức là nói về tổng thí, bao gồm cả tài thí và pháp thí. Nay phân biệt nói tài thí và pháp thí có phước đức khác nhau.

Ví như Phật và các đệ tử của Phật tiếp theo nhau nói pháp là pháp thí. Dẫn đến tọa thiền, an cư, trì kinh, tụng giới... đều nhằm duy trì Phật pháp, nên đều gọi là pháp thí cả.

Bởi nhân duyên vậy, nên kinh nói Bồ tát muốn khiến chúng sanh tu 6 độ, tu bồ thí... dẫn đến tu trí huệ, phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

-o0o-

KINH:

Này Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma-ha-tát muốn có đầy đủ năm nhãn, gồm nhục nhãn, thiên nhãn, huệ nhãn, pháp nhãn và Phật nhãn, phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Năm nhãn tức là 5 loại mắt, gồm:

- Nhục nhãn.
- Thiên nhãn.
- Huệ nhãn.
- Pháp nhãn.
- Phật nhãn.

Nhục nhãn chỉ thấy được gần. Thiên nhãn do nhân duyên 4 Đại thanh tịnh hòa hợp, nên gần xa đều thấy cả. Huệ nhãn thấy rõ thật tướng của hết thảy pháp đều là KHÔNG, là vô tướng, là vô tác. Pháp nhãn phân biệt các phương tiện lợi sanh. Phật nhãn mới thấy được khắp tất cả. Ở nơi hết thảy pháp, Phật nhãn thường chiếu, vô ngại.

(Ở phẩm sau sẽ nói đầy đủ hơn)

-o0o-

KINH:

Muốn dùng thiên nhãn thấy chư Phật ở hằng sa thế giới khắp 10 phương, dùng thiên nhãn nghe chư Phật ở 10 phương thuyết pháp, phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Thiên nhãn tuy thấy xa, nhưng chỉ thấy trong giới hạn 3.000 thế giới. Nếu tu tập đầy đủ Bát Nhã Ba-la-mật thì sẽ thấy được các thế giới Phật trong khắp cả 10 phương. Vì sao? Vì Bát Nhã Ba-la-mật là vô quái ngại.

Hỏi: *Người tu Ban Châu Tam muội, tuy chưa có thiên nhãn vẫn thấy được 10 phương thế giới. Như vậy có gì khác với Bồ tát đầu?*

Đáp: Người tu Ban Châu Tam muội là người đã ly dục. Do thường tu luyện để thấy khắp 10 phương, nên rất dễ được thiên nhãn.

Hỏi: *Người độn căn ở chốn hạ địa chẳng có thể thấy được tâm của người lợi căn ở thượng địa. Như vậy làm sao Bồ tát có thể biết được tâm của chư Phật ở trong khắp 10 phương?*

Đáp: Bồ tát nương theo thân lực của Phật mà thấy được như vậy. Trong kinh có nói: “Nương theo thân lực của Phật thì có thể thấy rõ được khắp các thế giới Phật trong 10 phương”.

Ngoài ra Bát Nhã Ba-la-mật là nhất như. Tâm Phật và tâm Bồ tát cũng ở thể nhất như, nên Bồ tát biết rõ được tâm của chư Phật trong khắp cả 10 phương.

-o0o-

KINH:

Muốn dùng thiên nhĩ nghe chư Phật ở hằng sa thế giới khắp 10 phương, mãi cho đến khi được Vô Thượng Bồ Đề mà chẳng hề quên lãng, phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Hỏi: *Nghe một vị Phật thuyết pháp mà còn chưa nhớ hết được. Làm sao có thể nghe vô lượng chư Phật thuyết pháp mà nhớ mãi được?*

Đáp: Do tu tập Bát Nhã Ba-la-mật mà Bồ tát được Văn Trì Đà La Ni. Nhờ lực Đà La Ni mà Bồ tát ghi nhớ được các lời thuyết pháp chẳng hề quên lãng.

Ví như biển lớn mênh mông có sức dung chứa được tất cả các nguồn nước từ khắp nơi chảy đến. Các nguồn nước ấy khi đã hòa vào biển rồi, đều có cùng một vị mặn của nước biển. Bát Nhã Ba-la-mật mênh mông, dung chứa được vô lượng Phật pháp. Vì sao? Vì chư Phật ở khắp 10 phương thế giới thuyết pháp cùng một vị Bát Nhã Ba-la-mật.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát tu tập Bát Nhã Ba-la-mật mà rõ được nghĩa thuyết của chư Phật ở khắp 10 phương thế giới.

-oOo-

KINH:

Muốn thấy chư Phật ở cả ba đời, trong khắp 10 phương thế giới, phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Hỏi: Trước nói đến thế giới Phật khắp 10 phương, sao nay lại nói đến chư Phật trong các thế giới ở khắp 10 phương?

Đáp: Trước đây nói Bồ tát thấy các thế giới Phật khắp trong 10 phương, nhưng chưa thấy được các đức Phật. Nay nói phải vào thâm thiên định mới thấy được các đức Phật ở các thế giới khắp 10 phương.

Hỏi: Nói thấy các đức Phật khắp 10 phương còn hiểu được. Nhưng làm sao có thể thấy được các đức Phật ở cả ba đời?

Đáp: Bồ tát vào Tam Thế tam muội nên thấy rõ suốt cả ba đời như thấy cảnh trong mộng.

Lại nữa, khi vào Vô Diệt Tam muội thì Bồ tát thấy các đức Phật chẳng có diệt độ.

Hỏi: *Nếu chẳng dùng mắt thì vào 2 Tam muội ấy làm sao mà thấy được?*

Đáp: Đây là dùng huệ nhãn mà thấy, chẳng phải dùng nhục nhãn vậy. Ví dụ Phật có Nhãn Trí Minh Giác, nên đã chuyển 4 Đé Pháp Luân. Bồ tát thấy được các đức Phật khắp 10 phương thế giới, và cũng thấy được các đức Phật ở cả ba đời. Vì sao? Vì ba đời chẳng khác nhau, đều là như như pháp tánh vậy.

-o0o-

KINH:

Muốn nghe chư Phật thuyết 12 bộ kinh, đọc tụng và thọ trì trọn vẹn cả 12 bộ kinh, phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Pháp từ kim khẩu của Phật thuyết được kết tập trong 12 bộ kinh, tức là 12 cách thể thuyết pháp của Phật.

Trước khi thuyết, Phật mỉm cười, và từ kim khẩu của Phật hiện ra các hào quang chiếu sáng. Các hàng Trời, người, nếu có thiện duyên, gặp được quang minh của Phật đều được hết khổ.

Có kinh dài, có kinh ngắn, chẳng có phân định số câu nhiều hay ít. Có kinh do ngài A Nan cùng các đệ tử đương thời của Phật thưa thỉnh. Có kinh Phật tự thuyết, chẳng do người khác thưa thỉnh. Có kinh nêu lại tiền thân của Phật v.v...

12 bộ kinh nêu trên đây gồm có:

- Tu Đa La (*Sùtra*) dịch là Khế kinh, Pháp bản, tức là kinh Trường hàng.
- Kỳ Dạ (*Geya*) dịch là Trùng tụng, Ứng tụng.
- Hòa Ca La Na (*Vyakarana*) dịch là Thọ ký.
- Già Đà (*Gàthà*) dịch là Phúng tụng, Khởi tụng.
- Ưu Đà Na (*Udana*) dịch là Tụ thuyết.
- Ni Đà Na (*Nidàna*) dịch là Nhân duyên.
- A Ba Đà Na (*Avadàna*) dịch là Thí dụ.
- Y Đê Mục Đa Già (*Itivrtaka*) dịch là Bản sự.
- Xà Đà Già (*Jàtaka*) dịch là Bản sanh.
- Tỳ Phật Lược (*Vaipulya*) dịch là Phương quảng.
- A Phù Đà Đạt Ma (*Adbhutahdarma*) dịch là Vị Tăng hữu.
- Ưu Bà Đề Xá (*Upadêsa*) dịch là Luận nghị.

-o0o-

Tu Đa La, tức là Khế Kinh, gồm có 4 bộ A Hàm (*Agama*).
Đó là:

- Trường A Hàm (*Dirghagama*).
- Trung A Hàm (*Madhyamagama*).
- Tạp A Hàm (*Ekottaragama*).
- Tăng Nhất A Hàm (*Samyuktagama*).

-o0o-

Kỳ Dạ còn được gọi là Tu Đa La Kê, tức là kinh *Trùng Tung*, hay *Ứng Tung*. Đây là một thể thuyết pháp của Phật viết theo lối văn vần, dưới hình thức bài kệ.

Sau khi giảng kinh theo lối văn xuôi, Phật thấy có nhiều người không thể nhớ nổi, nên Phật bèn lặp lại theo lối văn vần, dưới hình thức kệ, để người nghe dễ hiểu hơn.

-o0o-

Hòa Ca La Na, tức là kinh Thọ Ký. Trong khi thuyết pháp, có rất nhiều lần Phật thọ ký cho một số vị trong 3 thừa đạo, ở đời vị lai sẽ thành Phật.

-o0o-

Già Đà, tức là kinh *Phúng Tung*, hay *Khởi Tung*. Già Đà là một bài kệ gồm 4 câu (tứ cú kệ) mà Phật thường đọc khi thuyết pháp để biểu dương thâm nghĩa của bài pháp.

Như bài kệ sau đây:

*Chớ làm việc ác
Nên làm việc lành
Tự tịnh ý mình
Đó lời Phật dạy.*

-o0o-

Ưu Đà Na tức là kinh *Tự Thuyết*. Phật tự thuyết mà chẳng có người thưa thỉnh.

Ví như khi Phật vào thành Xá Bà Đề (thành Xá Vệ), tại nhà bà lão Tỳ Xá Khư, vào một buổi tối, trong lúc đi kinh hành cùng với chúng Tỳ-kheo, Phật dạy: “Này các Tỳ-kheo!

Phàm phu do chẳng được đạo vô lậu, nên khi nghe nói đến vô ngã và vô ngã sở liền sanh tâm sợ hãi. Còn đệ tử của Phật, khi nghe như vậy rất vui mừng”.

Sau khi Phật nhập Niết bàn, các đệ tử của Phật sưu tập các bài thuyết của Phật về Vô Thường... về Bà-la-môn v.v... lập thành các phẩm kinh *Vô Thường*... phẩm kinh *Bà-la-môn* v.v... cũng thuộc về bộ Ưu Đà Na.

-o0o-

Ni Đà Na tức kinh *Nhân Duyên*.

Ví như Phật nói về các nhân duyên Phật thuyết Tu Đa La v.v...

Lại nữa, do nhân duyên có một số tăng ni phạm luật nên Phật chế ra các giới cấm làm thành bộ Tỳ Nại Da Tạng, cũng gọi là bộ Tỳ Ni Tạng, tức là Luật Tạng, thuộc về bộ Ni Đà Na.

-o0o-

A Bà Đà Na, tức là kinh *Thí Dụ*.

Ví như các kinh giải thích rõ các thí dụ về các trường hợp phạm giới, dẫn đến việc thành lập 250 giới cấm.

-o0o-

Có nhiều kinh thuộc về cả hai bộ Ni Đà Na và A Bà Đà Na.

Ví như kinh *Nhất Thiết Phật Ngữ*, kinh *Duyên Khởi sự*.

Lại ví như kinh kể về chuyện Phật thưa với vua cha rằng, trong số các người xuất gia ở thành Xá Bà Đề, có người phá giới, nên Phật đã bảo các ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên giáo hóa họ, khuyên họ tinh tấn tu hành, dẫn đến được đạo quả.

Lại như mẫu chuyện trích trong kinh *Đại Thừa Ma Ha Diễn*, kể về thời gian Phật cùng với đại chúng trở về nước, ở tại khu rừng cách thành Ca Tỳ La Vệ 50 dặm như sau:

Các Tỳ-kheo chuyên tâm tu hành không có ngủ nghỉ nên thấy đêm quá dài. Rồi sáng hôm sau đi vào thành khát thực, cũng lại thấy đường quá dài. Lúc bấy giờ có một con sư tử đứng ngay giữa đường nghênh đón Phật. Phật nhân đó thuyết bài kệ:

Không ngủ thấy đêm dài.

Mệt mỏi thấy đường xa.

Mãi mê trong sanh tử,

Chẳng biết được chánh pháp.

Rồi Phật dạy các Tỳ-kheo rằng: “Này các Tỳ-kheo! Người chưa xuất gia, tâm buông lung, ngủ nghỉ, nên chẳng thấy đêm dài. Nay các người tinh tấn suốt đêm từ đầu đến cuối, chuyên tinh cầu đạo, nên thấy đêm dài. Lại nữa, tại rừng ở thành Ca Tỳ La Vệ này, trước kia các người đến vui chơi thỏa thích nên chẳng thấy đường dài. Nay các người đắp y, trì bát đi khát thực mà cất bước mệt mỏi, nên thấy đường dài.

Con sư tử thấy Phật liền đến chỗ Phật để được nghe thuyết pháp. Có một số Bà-la-môn cũng tìm đến nghe. Tất cả đều im lặng nghe Phật thuyết pháp, nên chẳng có ai tiếp chuyện các Bà-la-môn.

Lúc bấy giờ có một Bà-la-môn sanh ác tâm quát rằng: “Các người đầu trọc kia cùng với súc sanh này chẳng có gì khác nhau cả, các người chẳng biết tiếp chuyện hay sao?”

Phật không trả lời trực tiếp, mà dạy rằng: “Này các Tỳ-kheo! Trước đây vào thời Phật Tỳ Bà Thi, con sư tử này cũng

là một vị Bà-la-môn. Do phạm tội mắng nhiếc các Tỷ-kheo mà trong suốt 91 kiếp thường phải đọa làm súc sanh. Nay sư tử đã ăn năn hối cải, biết mình trước kia do ngu si mà phạm tội bất kính chúng Tăng, khiến phải bị chìm đắm trong đêm dài vô minh, nên nay đã tự tìm đến Phật, nghe pháp. Nhờ vậy mà được tín tâm thanh tịnh, sẽ được giải thoát”.

-o0o-

Y ĐẾ Mục Đa Già, tức là kinh *Bốn Sự*, nói lên những việc làm, những kiến văn của Phật trong các đời trước, do chính Phật thuật lại.

-o0o-

Xà Đà Già tức là kinh *Bốn Sanh*, ghi chép lại những mẫu chuyện về tiền thân của Phật, do chính Phật thuật lại. Như các mẫu chuyện sau đây:

- Vào một đời trong quá khứ, Bồ tát làm thân sư tử ở trong rừng và kết bạn tâm giao với một con khi. Con khi đi vắng, gởi 2 con nhờ sư tử trông nom. Thừa lúc sư tử ngủ mê, có một con chim thú đang đói bụng, từ trên cao sà xuống cắp một con khi con mang lên cây. Sư tử tỉnh giấc, thấy chim thú bắt khi con liền cất tiếng nói với chim thú rằng: “Khi mẹ đi vắng, gởi 2 con cho ta trông nom hộ, vì ta bất cần nên người mới bắt khi con. Người hãy mang trả lại cho ta đi. Ta chẳng có thể phụ lòng khi mẹ được. Ta là chúa sơn lâm. Người là chủ tể trong loài chim quý. Người hãy tin ta, ta sẽ tìm mồi khác đền lại cho người”.

Chim thú nói: “Ta đang đói bụng, chẳng thể chờ đợi lâu được”.

Sư tử biết chẳng thể dùng lời thuyết phục được chim thú, bèn tự lấy móng chân nhọn móc thịt mình đưa cho chim thú để đổi mạng khi con.

- Có thời Bồ tát làm thân con cá đò. Gặp trong lúc dân chúng bị một thứ bệnh mà chỉ có thịt cá đò mới chữa được. Bồ tát bèn tự lấy thịt mình bố thí cho các người bệnh làm thuốc trị bệnh.

- Có thời Bồ tát làm thân con gà trống sống trong rừng. Thấy có một người bị chìm sâu dưới nước để làm vật tế thần, gà động lòng thương, bèn bay đến tận núi Hương Sơn để tìm một thứ cỏ thuốc đem về buộc vào thân người ấy. Nhờ vậy mà người ấy được sống lại và được giải thoát.

-o0o-

Tỳ Phật Lược tức là kinh *Phương Quảng*. Đây là các kinh *Đại Thừa Ma Ha Diễn*. Các kinh này chứa đựng nghĩa lý thâm sâu, rộng lớn, bao quát như hư không.

Ví như các kinh *Hoa Thủ*, kinh *Pháp Hoa*, kinh *Pháp Vân*, kinh *Đại Vân*, kinh *Hoa Nghiêm*, kinh *Ma Ha Bát Nhã Ba-la-mật*... cùng nhiều kinh Đại Thừa khác.

-o0o-

A Phù Đà Đạt Ma, tức là kinh *Vị Tăng Hữu*, nêu những trường hợp Phật hiện thân lực, làm những việc chưa từng thấy ở thế gian.

Ví như khi vừa mới sanh, Phật phóng đại quang minh chiếu khắp 3.000 đại thiên thế giới, lại chiếu suốt đến vô lượng cõi Phật trong cả 10 phương. Phật mẫu đến hồ Thanh

Tịnh Bảo Trì tắm cho Phật. Lại có Phạm Thiên Vương cảm lộng che, có Đế Thích rửa chân Phật bằng 2 vò nước do 2 con rồng phun ra.

Rồi Phật thị hiện đi 7 bước trên 7 đóa hoa sen và thuyết kệ. Sau đó trở lại thân hài nhi bình thường. Lúc bấy giờ từ trên trời mưa hoa rơi xuống, các cây trong vườn phát ra tiếng nhạc huyền diệu, đại địa chấn động.

-o0o-

Ưu Bà Đề Xá tức là kinh *Luận Nghị*, ghi lại những lời giải đáp của Phật để trả lời trực tiếp cho những người đến thưa hỏi, nhằm giải rộng thêm nghĩa kinh.

Ví như Phật dạy: “Biết khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo là 4 Thánh Đế”. Phần luận nghị có giải rộng thêm, như nói về Khổ Đế, thì có phân biệt giải rộng về 8 thứ khổ v.v...

Lại ví như trong kinh *Đại Thừa Ma Ha Diễn*, khi dạy về 6 Ba-la-mật, Phật nói: “Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Bát Nhã Ba-la-mật đều phân biệt có:

- Đầy đủ (cụ túc).
- Chưa đầy đủ (chưa cụ túc).

Hỏi: Thế nào gọi là đầy đủ Ba-la-mật?

Đáp: Khi Ba-la-mật đã cùng với Bát Nhã Ba-la-mật hòa hợp thì gọi là đầy đủ Ba-la-mật.

Hỏi: Thế nào gọi là chưa đầy đủ Ba-la-mật?

Đáp: Bồ tát hành Ba-la-mật, khi mới phát tâm, chưa vào được Vô Sanh Pháp Nhãn, chưa cùng Bát Nhã Ba-la-mật hòa hợp thì gọi là chưa được đầy đủ Ba-la-mật.

Hỏi: *Vì sao nói: “Ba-la-mật cùng với Bát Nhã Ba-la-mật hòa hợp mới được đầy đủ?”.*

Đáp: Vì Bát Nhã Ba-la-mật là đại phương tiện lực, nên người chưa có được trí huệ Bát Nhã Ba-la-mật thì chưa có được các phương tiện lực.

-o0o-

Cũng nên biết Khế Kinh (Tu Đa La) do Phật thuyết ra, về sau được Ngài Ma Ha Ca Chiên Diên rộng giải nghĩa trong các bộ Luận Nghị, cũng được gọi là kinh *Luận Nghị* (Ưu Bà Đề Xá).

Lại nữa, vào thời Tượng Pháp, các luận nghị của các vị pháp sư, y theo Phật pháp mà thuyết giảng, cũng gọi là kinh *Luận Nghị* (Ưu Bà Đề Xá).

-o0o-

Có khi Phật thuyết pháp riêng cho hàng Bồ tát nghe, thì hàng Thanh Văn chẳng thể nghe được.

Có khi Phật dùng thần lực biến vô số thân, ở khắp 10 phương để thuyết pháp.

Có khi Phật lên các cõi Trời để thuyết pháp, mà các đệ tử của Phật chẳng thể nghe được.

Hỏi: *Các bậc Thánh đã có đầy đủ 6 thân thông, có thể dùng thiên nhãn để thấy Phật ở cõi xa, dùng thiên nhĩ để nghe Phật ở các cõi ấy thuyết pháp, cũng như dùng Túc Mạng Thông để thấy biết các việc xảy ra trong quá khứ. Vì sao nay lại nói: “Khi Phật thuyết pháp ở các cõi trời, các đệ tử của Phật chẳng có thể nghe được?”*

Đáp: Hàng Thanh Văn do lực thần thông chưa được đầy đủ, chưa tỏa khắp rộng rãi nên phạm vi nghe và thấy còn có hạn lượng, do vậy mà chẳng có nghe được.

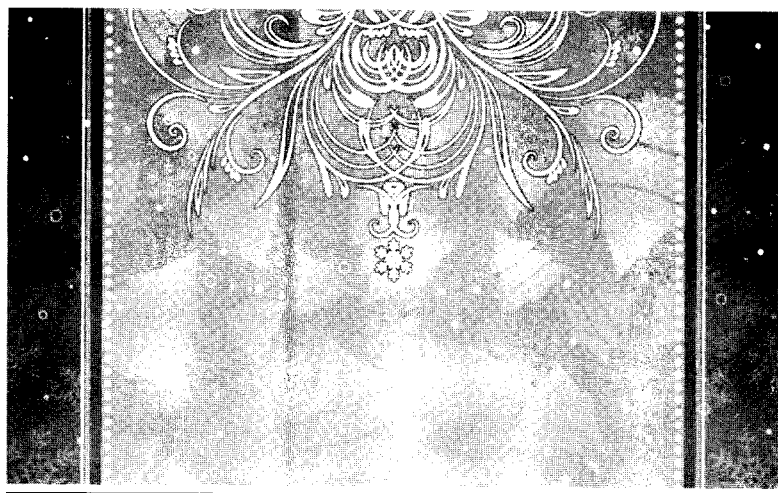
Ví như khi Phật vì các đại Bồ tát, thuyết kinh *Bát Khả Tư Nghi Giải Thoát*, thì các Ngài *Xá Lợi Phất* và *Mục Kiền Liên* cũng không nghe được. Vì sao? Vì hàng Thanh Văn chưa trông giống Đại thừa, nên chưa nghe được pháp Đại thừa.

Lại ví như người tọa thiền, vào định *Nhất Thiết Nhập*, biến nước thành lửa, biến lửa thành nước v.v... mà người bên ngoài chẳng có thể thấy được vậy.

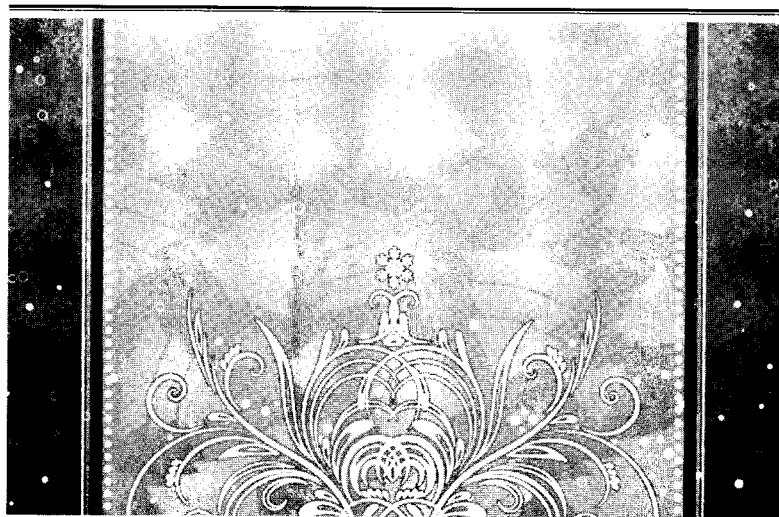
Kinh *Bát Khả Tư Nghi Giải Thoát* nói rộng về các dục, chỉ các Đại Bồ tát mới phụng hành và thọ trì được. Hàng Đại Bồ tát đã đầy đủ trí huệ *Bát Nhã Ba-la-mật*, mới nghe được kinh này.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói “Bồ tát muốn nghe chư Phật thuyết 12 bộ kinh, đọc tụng và thọ trì trọn vẹn 12 bộ kinh, phải tu tập *Bát Nhã Ba-la-mật*”.

(Hết quyển 33)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 34



Phẩm thứ nhất (TIẾP THEO)



Tín Trì (Tin & Giữ)

KINH:

Này Xá Lợi Phất! Chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai trong hằng sa thế giới khắp 10 phương, đã thuyết, đang thuyết và sẽ thuyết chánh pháp. Bồ tát Ma-ha-tát muốn nghe, muốn tín trì, rồi nói lại cho người khác nghe, phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Hỏi: Trước đã nói “Muốn nghe chư Phật 10 phương thuyết pháp và nhớ nghĩ không quên, thì phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật. Vì sao nay lại nói “muốn tín trì pháp Phật trong 3 đời, thì cũng phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật?”

Đáp: Trước đã nói “người nghe chư Phật trong 10 phương thuyết pháp mà muốn nhớ nghĩ không quên, thì phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật”, nhưng chưa nói rõ đó là pháp gì. Nay nói “12 bộ kinh là pháp của chư Phật trong cả 3 đời”, là chỗ mà hàng Thanh Văn chưa hề biết đến. Vì sao? Vì hàng Thanh Văn chỉ biết 12 bộ kinh do đức Phật hiện tại thuyết ra, mà chẳng biết rằng đó là pháp của hằng sa đức Phật trong cả 3 đời thuyết giảng.

Lại nữa, trước nói thọ trì mà chẳng quên lãng. Nay nói thọ trì để được lợi ích cho mình, và nói cho người nghe, làm lợi ích cho họ.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói “Muốn nghe chur Phật trong 3 đời và khắp 10 phương thuyết pháp, tín tri, rồi nói lại cho người khác nghe, thì phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật”.

Hỏi: Nghe chur Phật trong 10 phương thuyết pháp, rồi thọ trì, nhớ nghĩ thì còn có thể chấp nhận được. Còn như các đức Phật quá khứ đã diệt độ rồi, các đức Phật vị lai chưa xuất thế, thì làm sao có thể nghe được các đức Phật này thuyết pháp?

Đáp: Chur Đại Bồ tát có đầy đủ các Tam muội, quán thấy được chur Phật trong cả 3 đời. Vào trong các tam muội này, Bồ tát có thể thấy, có thể nghe được chur Phật ở cả 3 đời.

Các vị tiên nhân ngoại đạo, dùng trí huệ lực còn thấy biết được các việc đã xảy ra trong quá khứ và các việc sẽ xảy ra trong tương lai, lại còn có thể hay biết được những ý nghĩ thâm kín của người khác, huống nữa là chur vị Đại Bồ tát có trí huệ chẳng thể nghĩ bàn (bất khả tư nghì). Vì sao? Vì do đã nghe rõ tiếng tâm của chúng sanh, nên Bồ tát có thể thông đạt được hiện tại cũng như quá khứ và vị lai một cách vô ngại.

Lại nữa, Bồ tát dùng các lực đà la ni quán các sự việc ở đời nay, mà tư duy, trừ lượng để biết rõ các sự việc đã xảy ra trong đời quá khứ, cũng như sẽ xảy ra trong đời vị lai.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói “muốn nghe chur Phật trong 3 đời và khắp 10 phương thuyết pháp, thì phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật”.

-o0o-

KINH:

Ở hằng sa thế giới trong khắp 10 phương đều có những nơi tối tăm, chẳng hề có ánh sáng của mặt trăng và mặt trời chiếu đến. Bồ tát Ma-ha-tát muốn phóng

quang minh chiếu rọi đến tận các nơi ấy, phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Bồ tát, từ cõi trời Đâu Suất thị hiện vào thai mẹ xuống cõi trần. Lúc bấy giờ thân Bồ tát phóng quang minh chiếu sáng đến 10 phương thế giới, đến tận những chỗ tối tăm chưa hề có ánh sáng mặt trời mặt trăng chiếu đến.

Lại nữa, khi thành Đạo, khi sắp chuyển pháp luân, khi sắp thuyết kinh *Bát Nhã Ba La Mật* cũng như khi sắp nhập Niết bàn, Phật đều có hiện đại thần lực, phóng đại quang minh chiếu khắp cả 10 phương thế giới.

Hỏi: *Những sự việc nêu trên đây đều do Phật lực mà có. Vì sao nói Bồ tát cũng làm được như vậy?*

Đáp: Bồ tát muốn được như Phật, phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật. Ví như các đại Bồ tát Phổ Hiền, Quán Thế Âm, Thế Chí v.v... đều có vô lượng quang minh chiếu khắp 10 phương thế giới.

Lại nữa, ở cảnh giới Phật A Di Đà, thân của các Bồ tát đều có quang minh chiếu đi rất xa

Hỏi: *Bồ tát tu các hạnh nghiệp gì mà thân có được quang minh như vậy?*

Đáp: Do giữ thân nghiệp thanh tịnh, trải qua vô lượng kiếp mà Bồ tát được thân quang minh như vậy.

Trong kinh có ghi chép mẫu chuyện sau đây:

Có một con quỳ mang đầu và miệng heo mà thân lại có quang minh sắc vàng. Đây là do đời trước con quỳ này là một vị Tỷ-kheo giữ được thân giới thanh tịnh, nhưng lại phạm lỗi ác

khẩu, thường hay mắng nhiếc các vị Tỷ-kheo khác. Bởi vậy nên được thân có quang minh sắc vàng, mà đầu và miệng tựa như heo, đặc biệt là ở nơi miệng luôn có mùi hôi thối tỏa ra.

-o0o-

Trong kinh có nói:

- Người tu hành tinh tấn, giữ tâm thanh tịnh sẽ được quang minh, hoặc nhiều hoặc ít hiện ra.

- Chư Thiên ở các cõi trời Lục Dục, cõi trời Quang Âm cũng có được thân quang minh.

- Người tu hạnh bố thí, người tu hạnh trì giới, người có tâm từ thương xót chúng sanh cũng có được thân quang minh.

- Người cúng dường đèn đuốc cho chúng sanh, người cúng dường tượng Phật, tượng Bồ tát cũng có được thân quang minh.

- Người niệm Phật tam muội, người tu từ tâm tam muội, niệm hết thấy chúng sanh, người nhập vào Hóa Quang tam muội có được trí huệ quang minh chiếu khắp.

- Người có công đức giáo hóa chúng sanh, đưa chúng sanh ra khỏi chốn tà kiến, tối tăm, cũng có được trí huệ quang minh chiếu khắp.

-o0o-

Như vậy là do giữ tâm thanh tịnh, tinh tấn hành các thiện pháp mà thành tựu được quang minh.

KINH:

Ở hằng sa thế giới trong khắp 10 phương đều có những nơi chưa từng có Phật, Pháp và Tăng. Bồ tát Ma-

ha-tát muốn khiến chúng sanh ở những nơi ấy đều được nghe chánh pháp, được nghe danh hiệu Tam bảo, phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Bồ tát thị hiện sanh ở những nơi mà chúng sanh chưa được nghe chánh pháp, chưa được nghe đến danh hiệu Phật, Pháp, Tăng, nhằm giáo hóa họ nên được vô lượng công đức.

Bởi nhân duyên vậy, nên mau được các thiên định, mau được các thần thông, có đầy đủ các lực phương tiện để giáo hóa chúng sanh trong khắp 10 phương, khiến họ sanh được tín tâm thanh tịnh nơi 3 ngôi Tam bảo, tin các nghiệp báo nhân duyên, tin thế gian là triền phược (trói buộc), tin Niết bàn là giải thoát, tu 8 niệm, tán thán 10 phương Tam bảo.

-oOo-

KINH:

Ở hằng sa thế giới trong khắp 10 phương đều có những chúng sanh mù lòa, điếc lác, cuồng điên, đói khát. Bồ tát Ma-ha-tát muốn do sức tu hành của mình làm cho những kẻ mù lòa được sáng mắt, làm cho những kẻ điếc lác được nghe, làm cho những kẻ cuồng điên được tỉnh, làm cho những kẻ đói khát được ăn uống đầy đủ, phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật được Vô Ngại Giải Thoát, được Pháp Tánh Sanh Thân. Ví như người được Bảo Châu tam muội nguyện gì cũng đều được như ý. Những chúng sanh nào có được phước duyên, thấy được thân của Bồ tát

Văn Thù Sư Lợi, thì nguyện cầu gì cũng được như ý. Bồ tát từ sơ phát tâm đã trị được 96 thứ bệnh về mắt của chúng sanh. Nếu chúng sanh nào lành được các bệnh ấy thì được trí huệ quang minh, phá được các bệnh tà kiến. Bồ tát lại lại khởi tâm đại từ đại bi thương xót chúng sanh, nguyện làm thỏa mãn các điều mong cầu chính đáng của chúng sanh. Bởi vậy nên những chúng sanh nào được phước duyên thấy Bồ tát thì cầu gì cũng đều được như nguyện.

-o0o-

KINH:

Này Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma-ha-tát muốn do năng lực tu hành của mình, khiến chúng sanh ở trong 3 đường ác, của hằng sa thế giới trong khắp 10 phương được thân người, phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Hỏi: Do nghiệp nhân duyên mà được thân người. Vì sao lại nói do năng lực tu hành của Bồ tát mà các chúng sanh ở trong 3 đường ác được thân người?

Đáp: Bồ tát dùng thần lực biến hóa, thị hiện vào tận trong 3 đường ác, thuyết pháp hóa độ chúng sanh ở các nơi đó. Như vậy nhờ ân lực nhân duyên của Bồ tát mà chúng sanh ở trong 3 đường ác chuyển tâm tu hành, được phước báo làm người.

-o0o-

Trong kinh nói có hai nhân duyên phát khởi chánh kiến. Đó là:

- Ngoại nhân duyên, như là được nghe pháp.

- Nội nhân duyên, như là có chánh niệm.

Ví như cây cỏ do hạt giống làm nội chủng tử, nội nhân duyên. Thế nhưng nếu chẳng có đất, nước, phân bón, ánh sáng mặt trời v.v... làm ngoại nhân duyên, thì hạt giống chẳng có thể nảy mầm để trở thành cây, thành cỏ được. Chúng sanh cũng như vậy, dù có sẵn chánh niệm, nhưng nếu chẳng được các Bồ tát dạy dỗ thì cũng rất khó phát khởi đạo tâm.

Hỏi: *Bồ tát làm thế nào để khiến chúng sanh ở trong 3 đường ác được giải thoát?*

Đáp: Bồ tát thường niệm chúng sanh thọ khổ trong 3 đường ác, nên thường phóng đại quang minh, hóa thân vào tận các nơi này để thuyết pháp hóa độ chúng sanh. Nhờ năng lực tu hành của Bồ tát mà lửa ở địa ngục Hỏa Khanh bị dập tắt, và ở nơi đây chúng sanh được tâm thanh tịnh, được sanh làm trời, làm người. Lại cũng nhờ lực tu hành của Bồ tát mà các ngựa quý đói khát được ăn uống đầy đủ, các súc sanh được tùy ý ăn uống, xa lìa các nỗi sợ hãi.

Như vậy là nhờ Bồ tát giáo hóa, dạy dỗ, khai mở thiện tâm mà các chúng sanh ở trong 3 đường ác được giải thoát.

Hỏi: *Trong các kinh đều nói “Gieo nhân phước đức được sanh lên cõi trời”. Nay vì sao Bồ tát muốn khiến chúng sanh ở trong 3 đường ác được thân người, mà không muốn họ thọ các phước lạc ở cõi trời?*

Đáp: Ở các cõi trời có quá nhiều lạc thú, nên rất khó tu giải thoát. Sanh làm thân người, tuy khổ nhiều vui ít, nhưng dễ tu hơn.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát không muốn chúng sanh hưởng phước lạc cõi trời mà muốn họ sanh vào loài người.

-o0o-

KINH:

Muốn do năng lực tu hành của mình, khiến cho chúng sanh thành tựu được giới, định, huệ, giải thoát và giải thoát tri kiến, được các quả Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề, phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Hỏi: Trước đây đã nói về các đạo quả rồi. Vì sao nay còn nói nữa?

Đáp: Trước đây nói về pháp Thanh Văn nên chỉ nói đến 4 quả Thanh Văn là Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán dẫn đến Niết bàn.

Nay rộng nói cả 3 thừa, gồm Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa và Bồ tát thừa cũng đều dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề.

-o0o-

KINH:

Bồ tát Ma-ha-tát muốn có được các oai nghi như Phật, phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Hỏi: Thế nào gọi là được các oai nghi như Phật?

Đáp: Phật có 4 oai nghi. Đó là:

1) Khi đứng, thân tựa như thân voi chúa. Khi đi, chân cách mặt đất 4 phân, dù chân không đạp đất, mà dấu chân vẫn hiện rõ trên mặt đất. Bước đi khoan thai, không mau cũng không chậm. Khi đi, thân chẳng có dao động. Mỗi lần dờ chân hay dờ tay đều đem lại sự an ổn cho chúng sanh.

2) Khi ngồi kiết già, thân thẳng tắp. Khi nằm, thân nghiêng về bên phải, với hai đầu gối chồng lên nhau. Khi trải tọa cụ (tấm trải để ngồi) và ngọa cụ (tấm trải để nằm) đều thận trọng trải ngay ngắn, chẳng có chênh lệch.

3) Khi ăn, không đắm vị ngon, chẳng có phân biệt các thức ăn ngon dở, vì xem ngon và dở đều bình đẳng. Suốt thời gian thọ trai giữ im lặng, không nói năng.

4) Khi nói ra lời, thì tiếng nói trong sáng, nhu hòa, khúc chiết. Nói đúng thời, đúng lúc.

-o0o-

KINH:

Muốn nhìn ngó tựa như voi chúa, phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Trong khi nhìn ngó, hoặc khi xoay chuyển thân hình, Phật lúc nào cũng oai nghiêm như voi chúa, hiển bày tướng của bậc đại nhân; thân tâm đều chuyên nhất.

Phật chỉ chuyển thân khi có đại sự nhân duyên. Thân Phật thường không dao động. Vì sao? Vì từ vô thi kiếp, Phật đã thường nhất tâm. Lại nữa, từ vô thi kiếp, Phật đã dứt trừ tâm kiêu mạn. Bởi vậy, nên đối với hết thảy chúng sanh, Phật đều bình đẳng hóa độ.

Như trong kinh nói:

Tại thành Xá Bà Đề (thành Xá Vệ), Phật gặp một người gánh phân mà vẫn dùng tay xoa đầu người ấy, đem lời dạy dỗ, khiến người ấy sanh tín tâm, xin xuất gia theo Phật, và về sau tu hành được Đạo.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói: “Bồ tát muốn nhìn ngó tợ như voi chúa, phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

KINH:

Bồ tát Ma-ha-tát nguyện rằng: Khi ta đi, chân ta cách mặt đất 4 ngón tay, chẳng đạp lên đất, ta sẽ được vô lượng chư Thiên cõi Dục và cõi Sắc, từ cõi trời Tứ Thiên Vương đến cõi trời Cứu Cánh Thiên, cung kính đi quanh ta để cùng ta đến dưới gốc Bồ Đề.

Bồ tát Ma-ha-tát lại nguyện rằng: Khi ta ngồi dưới gốc Bồ Đề, chư Thiên sẽ trải tòa cho ta.

Muốn được như vậy, phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Hỏi: Phật thường phóng đại quang minh. Như vậy vì sao vẫn còn có chúng sanh không cung kính Phật?

Đáp: Những chúng sanh ấy, do bị vô minh che tâm, nên phạm rất nhiều tội lỗi, lại cho là Phật làm những điều tà hoặc, huyền hóa mà chẳng biết Phật là bậc Sa môn có đại oai đức, bậc tối tôn, tối trọng. Ví như người mắc bệnh nan y thì dù có dùng đủ loại thuốc tốt, đủ mọi thức ăn uống bổ dưỡng, vẫn chẳng có lợi ích gì.

Trái lại, hàng chư Thiên có thiên nhãn thấy Phật ngồi dưới gốc cây Bồ Đề, có đại lực phá sạch các kiết sử ma và các tự tại thiên ma, nên thường ủng hộ, thường cung kính cúng dường Phật. Ví như khi Phật quyết tâm xuất gia tìm Đạo, thì chư Thiên đã dùng thần thông lực, khiến cho các thế nữ trong cung ngủ say. Lại nữa, khi Phật lên yên ngựa, thì chư Thiên nâng 4 chân ngựa đưa Phật vượt ra khỏi thành. Lại cũng chính chư Thiên đến bên hầu hạ Phật khi Phật tọa thiền dưới gốc Bồ Đề.

Hỏi: *Vì sao loài người chẳng biết đến hầu hạ Phật, mà chư thiên lại biết?*

Đáp: Phật tọa thiền trong rừng sâu, xa vắng, nên rất ít người lui tới được. Hơn nữa, người chẳng có được thiên nhãn nên chẳng thấy được Phật, chẳng biết được tâm Phật.

Hàng chư Thiên có thiên nhãn, có Thánh trí nên biết rõ Phật sắp thành đạo, dù lúc bấy giờ còn là một vị Bồ tát. Bồ tát tu nơi chốn vắng lặng mà chư Thiên lại thường lui tới các chốn ấy, nên có rất nhiều sự thuận lợi trong việc hầu hạ Phật.

Trong kinh có nêu trường hợp của 5 vị đạo sĩ nhóm ngài Kiều Trần Như, do thấy Phật rời bỏ lối tu khổ hạnh, mà sanh tâm không tin kính Phật.

Sau khi Phật thành Đạo, chư Thiên hoan hỷ cung kính, cúng dường, thỉnh Phật chuyển Pháp Luân, mà 5 vị này thấy Phật từ xa đi đến vẫn chưa biết đó là bậc Toàn Giác, nên giả vờ làm lơ, chẳng muốn tiếp Phật. Mãi đến khi thấy rõ thân tướng oai nghiêm của Phật, và nghe Phật thuyết pháp mới chuyên tâm, xin theo Phật làm đệ tử.

Hỏi: *Trong các kinh đều nói “Phật trái cỏ để ngồi dưới gốc cây Bồ Đề, mãi cho đến khi thành đạo”. Nay vì sao lại nói chư Thiên trái bảo tòa cho Phật ngồi?*

Đáp: Trong kinh *Thanh văn* nói trái cỏ, mà trong kinh *Đại Thừa Ma Ha Diễn* thì nói chư Thiên dâng thiên y làm bảo tòa. Vì sao? Đây là do huệ đức nhiều hay ít mà chỗ thấy có sai khác nhau. Phạm phu dùng nhục nhãn thấy sắc thân của Phật, nên thấy Phật trái cỏ để ngồi tọa thiên dưới gốc cây Bồ Đề. Còn các bậc Thánh thấy được pháp thân của Phật, nên thấy chư Thiên lấy thiên y trái làm bảo tòa để Phật ngồi.

Hỏi: *Vì sao nói chư thiên trái thiên y làm bảo tòa mà không nói Bồ tát trong khắp 10 phương, trái pháp tòa hầu Phật?*

Đáp: Khi chưa thành Phật, thì Phật cũng chỉ là Bồ tát, cùng với chư Bồ tát bình đẳng. Khi thành Đạo rồi mới gọi là Phật.

Lại nữa, nếu nói có Bồ tát trái pháp tòa hầu Phật, thì hàng chư Thiên cũng chẳng thấy được. Vì sao? Vì hàng chư Thiên chẳng có thể biết được phước đức vô lậu của Bồ tát. Cũng như khi Phật hàng phục các thiên ma, được đạo trang nghiêm, thì chỉ có chư Bồ tát mới thấy được mà thôi.

Hỏi: *Trong kinh có nói đến diệu tòa của Phật. Vì sao cũng chẳng nói đến?*

Đáp: Có 2 cách thuyết Bát nhã Ba-la-mật. Đó là:

- Vì hàng Thanh Văn và hàng chư Thiên mà nói.
- Vì hàng Bồ tát thập trú mà nói.

Trong trường hợp thứ hai mới nói đến Bồ tát trái pháp tòa hầu Phật ngồi. Hàng chư Thiên chẳng thể thấy biết được việc làm của chư đại Bồ tát, nên không nói ra nơi đây.

KINH:

Bồ tát Ma-ha-tát lại nguyện rằng: Khi ta được Vô Thượng Bồ Đề, các chỗ ta đi, đứng, nằm, ngồi đều trở thành kim cang.

Muốn được như vậy, phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Hỏi: *Vì sao các chỗ đi, đứng, nằm, ngồi của đức Phật đều trở thành đất kim cang^(*)?*

Đáp: Khi Bồ tát đến dưới gốc Bồ Đề, trái pháp tòa, vào được đạo Vô Thượng là đã vào được nơi Thật Tướng pháp. Đã vào được thật tướng pháp rồi thì chẳng còn ở nơi đất nghiệp của chúng sanh nữa. Lúc bấy giờ Bồ tát đã được thật trí huệ, nên chỗ ngồi của Bồ tát liền biến thành đất kim cang (kim cang địa). Vì sao? Vì đất kim cang thông với vùng kim cang (kim cang luân). Vùng kim cang lại thông với thực tế kim cang (kim cang tế). Ở nơi đây hiện ra một đóa hoa sen, có đài sen ở nơi đất kim cang, dùng làm pháp tòa cho Phật, là nơi Phật tọa đạo tràng (đạo tràng tọa xứ).

Bởi vậy nên khi đã thành đạo rồi thì các chỗ đi, đứng, nằm, ngồi của Phật đều là kim cang cả.

Hỏi: *Đất kim cang từ nơi đất nghiệp của chúng sanh mà*

*. Kim cang là một loại đá quý, thường được gọi là hạt xoàn, rất cứng, rất kiên cố. Kim cang có thể phá hoại được các chất khác, mà ngược lại chẳng chất nào phá hoại được kim cang.

Dùng kim cang làm dụ bao hàm 4 nghĩa sau đây:

- Kiên cố, chẳng có sức nào phá nổi.
- Quý báu, rất khó kiếm.
- Có sức phá được mọi vật.
- Tinh khiết, trong sáng.

hư nguy tạo thành. Như vậy làm sao đất ấy có thể trở thành tòa kim cang của Phật được?

Đáp: Kim cang ở nơi quả đất do duyên nghiệp của chúng sanh mà hư nguy tạo ra, nhưng loại đá quý này rất cứng, rất kiên cố, khó có thể phá được.

Còn đất kim cang (Kim Cang địa) của Phật được bao bọc bởi vùng nước (thủy luân), thường có các Long Vương giữ gìn làm bảo vật để cúng dường Phật.

Do vậy, mặc dù lấy kim cang làm dụ, chẳng thể đem kim cang của thế gian so sánh với đất kim cang của Phật được.

Tâm Phật trải qua vô lượng kiếp, đã kiên cố, chẳng gì lay chuyển được. Bởi vậy dù Phật thị hiện sanh ở cõi Ta Bà ô trược, mà đối với Phật, cõi này cũng trở thành đất kim cang.

Lại nữa, đối với trí huệ Phật, thì 4 Đại cũng như hư không, đều là thanh tịnh bình đẳng. Bởi vậy nên bất cứ nơi nào trên cõi Ta Bà này cũng đều là đất kim cang cả.

-o0o-

KINH:

Này Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma-ha-tát nguyện: Ngay trong ngày xuất gia liền được đạo Vô Thượng Bồ Đề, ngay trong ngày thành đạo Vô Thượng Bồ Đề liền chuyển pháp luân, ngay khi chuyển pháp luân liền làm cho vô lượng chúng sanh xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh, vô lượng chúng sanh được vô lậu giải thoát, vào được bất thối chuyển địa, được Vô Thượng Bồ Đề. Muốn được như vậy, phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Bồ tát thị hiện làm thân người, vào trong đời ác 5 trước, chung sống với phàm phu để giáo hóa họ, khiến họ xa lìa được các tà kiến mê lầm. Đây là việc rất khó làm. Ví như Phật Thích Ca Mưu Ni khi còn là Bồ tát, đã tu khổ hạnh trong 6 năm dài. Bồ tát thấy lối tu khổ hạnh chẳng có thể đưa đến giải thoát, nên đã nguyện đến dưới gốc cây Bồ Đề để tọa thiền, và chứng thành đạo quả. Đây là việc rất khó làm.

Có Bồ tát xuất gia trong đời thuận thiện, như Bồ tát Đại Thông Huệ, ngồi kiết già trải qua 10 kiếp cầu Phật Đạo mới được thành Phật.

Lại có Bồ tát như Bồ tát Nhiên Đăng, sau khi thành Phật đã trải qua 12 năm phóng quang minh mà chẳng có ai cầu đạo nên chẳng nói pháp.

Lại có Bồ tát như Bồ tát Phiến Đà, thành Phật rồi mà chẳng có chúng sanh thọ hóa, phải lưu lại hóa thân trong một kiếp nữa để độ sanh rồi mới diệt độ.

Lại có Bồ tát như Bồ tát Thích Ca Mưu Ni, khi thành Phật liền có chư Thiên thỉnh chuyển pháp luân. Trong lần chuyển pháp luân đầu tiên có 5 đạo sĩ nhóm ngài Kiều Trần Như được sơ quả và 8 vạn chư Thiên được pháp nhãn thanh tịnh.

-oOo-

Có Bồ tát nguyện khi thành Phật, sẽ độ vô lượng chúng sanh. Lại có Bồ tát nguyện khi thành Phật, sẽ độ số chúng sanh có hạn lượng.

Lại có Bồ tát nguyện khi thành Phật, sẽ khiến vô lượng

chúng sanh chẳng còn thọ các tâm hữu lậu, được giải thoát, được đạo Vô Thượng Bồ Đề.

Hỏi: *Hết thầy các đức Phật đều có đại thần lực, có vô lượng công đức, độ vô lượng chúng sanh. Hết thầy các đức Phật đều bình đẳng. Như vậy vì sao nói “Các Bồ tát phát thệ nguyện khác nhau”?*

Đáp: Mỗi đức Phật có thể biến vô số thân để độ chúng sanh. Thế nhưng căn cơ của chúng sanh ở các thế giới có khác nhau, nên thệ nguyện của các Bồ tát trước khi thành Phật cũng khác nhau.

Ví như đức Phật Thích Ca Muru Ni khi còn là Bồ tát, đã tu 6 năm khổ hạnh mới tự tìm ra con đường giải thoát, mới thành Đạo Vô Thượng. Lại khi chuyển pháp lần đầu chưa có người được quả vị A-la-hán, chưa có người vào được Bồ tát đạo.

Dù các đức Phật đều có đại thần lực, có vô lượng công đức, đều là bình đẳng như nhau, nhưng khi còn là Bồ tát, mỗi vị đều có những nguyện lực riêng khác.

-o0o-

KINH:

Bồ tát Ma-ha-tát lại nguyện rằng: Khi ta thành Phật, trong Tăng số của ta sẽ có vô lượng Thanh Văn Tăng, và tất cả các vị Tăng này sau khi nghe xong một thời pháp liền được quả A-la-hán. Muốn được như vậy, phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Các Bồ tát khi được đạo Vô Thượng Bồ Đề đều có hàng

Thanh Văn trong Tăng số của mình. Thế nhưng Tăng số của mỗi vị Phật mỗi khác. Ví như:

- Đức Phật Thích Ca có 1.250 vị Tỷ-kheo.

- Đức Phật Di Lặc có 3 hội Long Hoa. Ở hội thứ nhất có 99 ức vị Tăng, ở hội thứ hai có 96 ức vị Tăng, ở hội thứ 3 có 93 ức vị Tăng.

Lại ví như đức Phật Thích Ca Muru Ni, khi chuyển pháp luân lần đầu, có 5 vị đệ tử đầu tiên nghe pháp, chứng được sơ quả Tu-đà-hoàn. Về sau các vị này mới chứng được quả A-la-hán. Các đại đệ tử khác của Phật lần đầu tiên nghe pháp cũng chỉ chứng được sơ quả, ví như ngài Xá Lợi Phất, lần đầu tiên nghe pháp liền chứng được sơ quả Tu-đà-hoàn. Rồi 15 ngày sau mới chứng được quả A-la-hán. Lại ví như ngài Ma Ha Ca Diếp, lần đầu tiên nghe pháp, liền chứng được sơ quả Tu-đà-hoàn, rồi 8 ngày sau mới chứng được A-la-hán. Còn như ngài A Nan, lần đầu tiên nghe pháp, liền chứng sơ quả Tu-đà-hoàn. Thế nhưng trải qua 15 năm thân cận hầu hạ bên Phật mà vẫn chẳng chứng được quả A-la-hán. Mãi đến sau khi Phật nhập Niết bàn rồi, ngài A Nan mới chứng được A-la-hán.

Các trường hợp nêu trên đây cho thấy rằng lời nguyện của mỗi vị Bồ tát tùy tâm của chúng sanh mà có sai khác vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên có nhiều vị Bồ tát phát nguyện: khi được thành Phật sẽ có vô lượng Thanh Văn trong Tăng số của mình, và một lần thuyết pháp tất cả vị Tăng này liền được quả A-la-hán.

KINH:

Bồ tát Ma-ha-tát lại nguyện rằng: Khi ta thành Phật, trong Tăng số của ta sẽ có vô lượng Bồ tát Tăng, và tất cả các vị Tăng này, sau khi nghe một thời pháp liền được

bất thối chuyển, được thọ mạng vô lượng, được quang minh vô lượng.

Muốn được như vậy, phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Thọ mạng của các đức Phật có ngắn có dài, không đồng đều nhau. Ví như:

- Đức Phật Tỳ Bà Thi thọ mạng 8 vạn 4 ngàn tuổi.
- Đức Phật Câu Na Hàm Mưu Ni thọ mạng 3 vạn tuổi
- Đức Phật Ca Diếp thọ mạng 2 vạn tuổi.
- Đức Phật Thích Ca Mưu Ni thọ mạng gần 100 tuổi
- Đức Phật Di Lặc thọ mạng 8 vạn 4 ngàn tuổi

v.v...

Thân quang minh của các đức Phật cũng có khác nhau. Ví như:

- Đức Phật Thích Ca Mưu Ni có thân quang minh 1 trượng.
- Đức Phật Di Lặc có thân quang minh 10 dặm.

v.v...

-o0o-

Thọ mạng và quang minh của các đức Phật sai khác nhau. Thế nhưng phải hiểu theo 2 nghĩa:

- Nghĩa ẩn mật.
- Nghĩa hiển bày.

Nghĩa ẩn mật là chân thật nghĩa, còn nghĩa hiển bày là tùy thuận chúng sanh mà được thiết lập ra vậy.

Theo nghĩa ẩn mật thì thọ mạng và quang minh của chư Phật đều là vô lượng. Thế nhưng do chúng sanh do trí huệ có hạn lượng, nên chỉ hiểu theo nghĩa hiển bày, thấy thọ mạng và quang minh của chư Phật đều có hạn lượng.

Ví như trường hợp đức Phật Thích Ca Mưu Ni, chẳng phải chỉ có thọ mạng gần 100 năm mà thôi đâu. Do công đức tu hành của Phật trong vô lượng kiếp, nên thọ mạng của Phật cũng là vô lượng vô biên. Lại ví như Phật Bạc Già Phạm do đời trước cứu sống dân một làng mà liền được vô lượng A-tăng-kỳ thọ mạng.

Lại nữa, thọ mạng của Phạm Thiên Vương còn kéo dài trong nhiều kiếp, khiến vị trời này khởi sanh tà kiến, tự cho mình là thường trụ. Như vậy, làm sao đức Phật Thích Ca Mưu Ni đã có vô lượng kiếp tu hành, đã độ thoát vô lượng chúng sanh mà thọ mạng lại bị hạn chế trong khoảng thời gian 100 năm thôi.

Nên biết chư Phật trong vô lượng kiếp, chẳng hề sát sanh, thường trú trong Thật Tướng pháp, có đầy đủ trí huệ Bát nhã Ba-la-mật, có vô lượng công đức độ sanh, nên đều là vô lượng thọ, vô lượng quang. Trong hết thảy thân, thân Phật là bậc nhất, trong hết thảy tâm, tâm Phật là bậc nhất. Bởi vậy, nên trong hết thảy thọ mạng, thọ mạng của chư Phật cũng là bậc nhất, và trong hết thảy quang minh, quang minh của chư Phật cũng là bậc nhất.

Hỏi: *Phật có nhân duyên trường thọ. Như vậy vì sao Phật lại sanh vào đời ác 5 trước, và thọ mạng ngắn ngủi như vậy?*

Đáp: Ở cõi Diêm Phù Đề này, thọ mạng của chúng sanh ngắn ngủi. Phật đã thị hiện sanh thân ở cõi này thì cũng tùy thuận thọ mạng như người ở cõi này vậy. Ở các cõi thọ mạng

của chúng sanh lâu dài hơn, thì thọ mạng của Phật cũng lâu dài như vậy.

Hỏi: *Nếu Bồ tát ở cõi Diêm Phù Đề xuất gia thành Phật là thật, thì ở các cõi khác, chúng sanh thấy Phật thuyết pháp độ sanh có phải là thật không?*

Đáp: Chúng sanh ở cõi Diêm Phù Đề thấy Bồ tát xuất gia thành Phật là thật, thì ở các cõi khác, Phật và Bồ tát thị hiện thuyết pháp độ sanh cũng là thật. Vì sao? Ví nếu chúng sanh ở các cõi ấy chẳng có thấy Phật là thật, thì sẽ sanh tâm kiêu mạn mà chẳng chịu sự giáo hóa của Phật.

Bởi vậy nên các đức Phật ở các cõi khác đều là thật cả.

-o0o-

Trong kinh *Thủ Lăng Nghiêm* Phật dạy: “Các Hóa Phật kia cũng đều là thân ta. Cho nên, phải biết Phật thọ mạng để độ chúng sanh có ngắn có dài, sai khác nhau là tùy theo Phật sự vậy”.

Ví như khi Phật thấy chỉ cần thọ mạng 100 năm là đủ, thì Phật chỉ thọ mạng trong thời gian 100 năm mà thôi. Dẫn đến thọ mạng trong 1 ngày cũng có thể đủ, miễn sao viên thành được Phật sự vậy.

-o0o-

Trong kinh cũng có chép mẫu chuyện về ngài A Nan khởi tâm nghi, nghĩ rằng: “Phật Nhiên Đăng, Phật Tỳ Bà Thi ra đời vào thời tâm chúng sanh thuần thực, lại thọ mạng lâu dài mới có thể làm đầy đủ các Phật sự, còn Phật Thích Ca Mưu Ni ra đời vào thời ác, lại thọ mạng ngắn ngủi thì làm sao viên

thành được Phật sự?”

Phật thấy chỗ nghi của ngài A Nan, liền nhập tam muội, từ thân biến hóa ra vô lượng Phật và vô lượng quang minh, để ngài A Nan thấy rõ các nhân duyên làm Phật sự. Sau khi xuất định, Phật hỏi ngài A Nan rằng: “Này A Nan! Ngươi có thấy, có nghe gì chăng?”

Ngài A Nan thưa: “Bạch Thế Tôn! Nương theo oai thần của Phật con có thấy, có nghe tất cả”.

Phật dạy: “Nếu Phật có thần lực như vậy thì có thể làm rõ ràng các Phật sự không?”

Ngài A Nan thưa: “Bạch Thế Tôn! Phật chỉ dùng thần lực trong một buổi mà các Phật sự đều đã được rõ ràng cả” (Xem thêm ở quyển 21 – phẩm thứ nhất – mục: 8 niệm)

-oOo-

KINH:

Bồ tát Ma-ha-tát lại nguyện rằng: khi ta thành Phật, trong thế giới của ta chẳng có 3 đường ác, chẳng có danh từ ba độc tham, sân, si và hết thảy chúng sanh đều thành tựu chánh trí huệ, đều được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật.

Muốn được như vậy, phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Hỏi: Nếu Bồ tát nguyện chẳng có 3 đường ác trong thế giới của mình, thì vì sao Phật lại sanh vào đời ác 5 trược?

Đáp: Các cảnh giới đều khác nhau. Có cảnh giới thanh tịnh, có cảnh giới uế trược.

Ví như, có cảnh giới nơi đó chúng sanh đã hoàn toàn ly dục, đã hoàn toàn thanh tịnh, chẳng có 3 độc tham, sân, si. Trái lại có những cảnh giới như cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc, mà chúng sanh còn có ái nhiễm vô minh, còn có ba độc tham sân, si.

Bởi vậy nên Bồ tát nguyện khi ta thành Phật, chúng sanh ở thế giới của ta sẽ được đầy đủ các thiện căn, tận trừ ba độc.

Hỏi: Ở các cảnh giới chẳng còn có ba độc, thì Phật ra đời để làm gì?

Đáp: Có thế giới tuy chẳng còn có ba độc nữa, nhưng chúng sanh ở nơi đó vẫn còn tâm phân biệt, còn thấy có thiện pháp, có bất thiện pháp, còn thấy có giải thoát, có triền phược. Lại cũng có những thế giới, nơi đó chúng sanh xem các pháp đều bình đẳng, chẳng còn khởi các hý luận, thường trú trong tịch diệt tướng.

Bởi vậy, nên Bồ tát nguyện: Khi ta thành Phật, chúng sanh ở thế giới của ta chẳng còn ba độc, vì biết rõ thật tướng của ba độc tức là tướng Niết bàn, là vô tướng.

Hỏi: Chúng sanh ở các cõi này đều đã có trí huệ. Như vậy, còn cầu trí huệ làm gì nữa?

Đáp: Tuy đã có trí huệ, nhưng cũng chỉ là trí huệ hữu lậu, trí huệ thế gian, vì còn chấp có tội, có phước, có ác, có thiện v.v...

Nay nói về trí huệ vô lậu, tức là trí huệ căn bản (căn bản trí), nên Bồ tát mới phát nguyện: Khi ta thành Phật, chúng sanh trong thế giới của ta chẳng còn ba độc tham, sân, si.

Lại nữa, tham dục có sâu dày, có cạn mỏng. Sân nhuế, ngu si cũng đều như vậy cả. Nếu 3 độc quá sâu dày, thì đó là tà tham, tà sân, tà si.

Nếu chúng sanh nào có 3 độc quá sâu dày, thì rất khó hóa độ. Trái lại những chúng sanh có 3 độc cạn mỏng, rất dễ hóa độ.

KINH:

Bồ tát Ma-ha-tát lại nguyện rằng: Khi ta thành Phật và sau khi ta nhập Niết bàn, chánh pháp chẳng có diệt, dẫn đến chẳng có danh từ diệt tận. Muốn được như vậy, phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Hỏi: Phật là vị Pháp Vương mà còn diệt độ. Như vậy làm sao có thể nói “chánh pháp chẳng có thời tận diệt” được?

Đáp: Bồ tát có nguyện lực rất thâm hậu, nguyện pháp Phật vẫn thường trú chẳng bao giờ tận diệt, tiếp nối lưu truyền mãi mãi, chẳng ngừng dứt. Ví như mặt trời lặn rồi lại mọc, tương tục mãi chẳng có dừng nghỉ vậy.

Lại nữa, Bồ tát nguyện dạy chúng sanh thấy rõ thật tướng pháp là bất sanh bất diệt, bất đoạn, bất thường..., là vô sở hữu, cũng tức là tướng Niết bàn vậy.

Hỏi: Tướng pháp đã là như vậy thì tướng của hết thảy Phật pháp cũng đều là như vậy cả hay sao?

Đáp: Hết thảy các pháp đều là như vậy cả. Thật tướng của hết thảy pháp là bất sanh, bất diệt, bất đoạn, bất thường... nếu vì ức tướng phân biệt mà chấp có các pháp thì chẳng sao có thể vào được nơi thật tướng các pháp. Vì sao? Vì như vậy là có đối đãi, là có sanh diệt, có đoạn thường...

Bồ tát tu Bát nhã Ba-la-mật, được vô ngại trí, được đầy đủ các công đức nên bản nguyện của Bồ tát chẳng bao giờ cùng tận vậy.

KINH:

Bồ tát Ma-ha-tát lại nguyện rằng: Khi ta thành Phật, chúng sanh trong hằng sa thế giới khắp cả 10 phương, nếu nghe được danh hiệu của ta, liền được Vô Thượng Bồ Đề.

Muốn được như vậy, phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Này Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma-ha-tát muốn được đầy đủ các công đức trên đây, phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Hỏi: *Khi Phật còn tại thế, còn thuyết pháp mà vẫn có người như Bồ Đề Đạt Đa... bị đọa. Như vậy vì sao nói chúng sanh ở cách xa Bồ tát chỉ nghe danh Bồ tát mà liền được Vô Thượng Bồ Đề?*

Đáp: Như trên đây đã nói, Phật có hai thân. Đó là:

- Pháp tánh thân.
- Hóa thân.

Pháp tánh thân là thường còn. Người lợi căn thượng trí, chỉ nghe danh Phật tức thời được Đạo.

Phật vì muốn hóa độ chúng sanh, mà hóa hiện thân người sống ở cõi Ta Bà này. Tuy sống vào thời có Phật, được thấy Phật, được nghe đến danh Phật, được nghe Phật thuyết pháp, mà có người vì duyên nghiệp quá nặng nề vẫn chẳng được độ, dẫn đến phải đọa vào địa ngục. Trong lúc đó lại có người chỉ được nghe đến danh Phật, chỉ một lần thấy Phật, mà liền được độ.

Pháp tánh thân của Phật trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp đã chứa nhóm vô lượng thiện công đức trí huệ. Phật là Đấng Pháp Vương, nên chư Bồ tát chư Thánh Hiền cũng như chư

Thiên đều muốn được thấy Phật. Ví như người đời muốn được thấy ngọc Như Ý Bảo Châu hòng được thỏa mãn các điều mong cầu. Lại ví như người đang bị bệnh nặng mà thấy được cây thuốc Hỷ Kiến, thì liền được lành bệnh.

Cũng như vậy, những chúng sanh nào chưa đủ thiện duyên thì thấy được thân Phật, nghe được danh hiệu Phật, là liền thành tựu được các nguyện.

Lại nữa, người niệm danh hiệu Phạm Thiên Vương còn được vui niềm sợ hãi, người niệm danh hiệu Bồ tát Quán Thế Âm còn thoát khỏi các ách nạn. Bởi vậy nên người niệm pháp tánh thân Phật, chắc chắn sẽ được Phật độ.

Hỏi: *Vì sao đức Phật Thích Ca Muru Ni đã xuất thế, mà còn vẫn có người phạm 5 tội phản nghịch, vẫn còn có nạn đói khát, trộm cướp?*

Đáp: Đức Phật Thích Ca Muru Ni vốn có thế nguyện thị hiện sanh thân vào đời 5 ác trước, dùng đạo pháp để độ chúng sanh. Tuy nhiên có nhiều chúng sanh do phước đức mỏng, do tội lỗi quá sâu dày nên chẳng nghe được pháp thanh tịnh, chẳng thấy được pháp Niết bàn. Thậm chí có chúng sanh còn sanh tâm phi báng Phật như trường hợp ông Đề Bà Đạt Đa.

Dù chúng sanh có tin hay không tin, Niết bàn vẫn thường trú, vẫn thanh tịnh.

-o0o-

Trong kinh có kể mẩu chuyện sau đây về ông Đề Bà Đạt Đa:
Ông Đề Bà Đạt Đa thấy Phật có tướng Thiên Bức Luân(**)

** . Tướng Thiên Bức Luân là một trong 32 tướng tốt của Phật. Dưới hai

dưới hai lòng bàn chân, nên đã lấy hai tấm thiếc cắt theo hình dạng luân tướng áp sát vào chân, rồi lấy lửa đốt, khiến chân ông bị phỏng nặng. Ông đau nhức vô cùng, rên la thảm thiết. Ngài A Nan thấy vậy cũng khóc theo, rồi đến bạch với Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Anh con bị phỏng nặng, sắp chết rồi. Nguyên xin Phật cứu vớt cho”.

Phật lấy tay sờ lên chân ông Đề bà Đạt Đa và nói rằng:

“Ta xem La Hầu La cùng Đề Bà Đạt Đa bình đẳng, chẳng có phân biệt”.

Ngay lúc ấy vết phỏng trên chân ông Đề Bà Đạt Đa liền lành dứt. Ông Đề Bà Đạt Đa nắm tay Phật xem, biết rõ là chính tay Phật đã chữa lành vết phỏng cho ông. Thế rồi chẳng một lời cảm ơn Phật, ông lặng lẽ đi lấy thuốc bôi lên chân, xem như chẳng phải Phật đã chữa lành chân ông vậy.

Phật bảo ngài A Nan: “Này A Nan! Đề Bà Đạt Đa như vậy, làm sao ta có thể độ được?”.

-o0o-

Mẫu chuyện nêu trên đây cho thấy những người như ông Đề Bà Đạt Đa chẳng có thể độ được.

Trái lại, những người có thiện duyên, chỉ nghe đến danh hiệu của Phật, đã có thể được độ. Như lời Phật dạy: “Có người chỉ nghe danh hiệu của ta mà được độ”.

Lời Phật dạy mang ý nghĩa “sự nghe danh hiệu Phật duyên khởi cho sự tu học, dẫn đến thành tựu đạo quả” vậy.

lòng bàn chân của Phật có hiện ra hai hình bánh xe (xa luân). Nơi mỗi hình bánh xe lại có hiện ra cả ngàn xoáy tròn tựa như cả ngàn cây cắm xe vậy.

Ví như có vị Phạm Chí kết tóc, vì nghe danh hiệu Phật mà sanh tâm vui mừng, tìm đến chỗ Phật để xin được nghe pháp. Do vậy mà về sau ông chứng được quả vị A-la-hán.

Trước đây cũng có nói nhiều trường hợp được độ như:

- Có người nghe danh hiệu Phật mà được độ.
- Có người nghe Phật thuyết pháp mà được độ.
- Có người ngửi được diệu hương của Phật mà được độ.
- Có người ăn thức ăn dư của Phật mà được độ.
- Có người niệm Phật mà được độ.

v.v...

Hỏi: Trong kinh chỉ nói: “Nghe danh hiệu Phật mà được độ”. Như vậy vì sao lại nói “Nghe danh hiệu Phật rồi tu hành mà được độ”?

Đáp: Trong kinh nói: Tu từ tâm là đã tu đầy đủ 7 giác chi, tu từ tâm tam muội là đã có độ chúng sanh rồi”.

Như vậy do nghe danh hiệu Phật mà khởi tu từ tâm và tu từ tâm Tam muội là đã tự độ và độ tha rồi vậy.

Lại nữa, “tức thời” nêu trong kinh phải được hiểu theo 2 nghĩa:

- Ngay khi vừa nghe danh hiệu Phật là liền được độ.
- Ngay khi vừa nghe danh hiệu Phật là liền phát khởi tín tâm thanh tịnh. Từ đó lần lần tu tập mà được độ.

Chỉ những chúng sanh phước đức sâu dày, phiền não cạn mỏng, mới có thể liền nghe là liền nương theo oai lực của Phật mà được độ. Ví như quả đã chín mùi, thì chỉ cần rung nhẹ cây cũng đủ để làm cho quả rụng và rơi xuống đất vậy.

Hỏi: Ở các nơi không có Phật, thì làm sao chúng sanh có thể nghe được danh Phật, nghe được pháp Phật?

Đáp: Phật thuyết diệu pháp để độ chúng sanh. Chư vị Bồ tát phát đại nguyện đến tận những nơi không có Phật, xưng tán danh Phật, hồng dương pháp Phật. Ví như Bồ tát Đà Bà Luân, nghe lời chỉ dẫn của chư Thiên phát ra trong hư không, mà chẳng ngại gian khổ đi tìm Bồ tát Đàm Vô Yết để được học Bát nhã Ba-la-mật.

Lại có Bồ tát hiện ra trong mộng để dẫn dắt chúng sanh đến các chỗ có Phật pháp.

Phải nên biết chư Phật có vô lượng oai đức chẳng thể nghĩ bàn, tự nói pháp hoặc truyền pháp qua trung gian của chư vị Bồ tát để độ thoát hết thảy chúng sanh.

Hỏi: Bồ tát phải tu hết thảy các công đức, phải hòa hợp cả 6 pháp Ba-la-mật mới được Vô Thượng Bồ Đề. Như vậy vì sao chỉ nói đến Bát nhã Ba-la-mật mà thôi?

Đáp: Kinh *Bát Nhã Ba-la-mật* thậm thâm vi diệu, nên ở phẩm nào Phật cũng nói đến Bát nhã Ba-la-mật cả. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là mẹ của chư Phật, từ nơi Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh ra các đức Phật.

Lại nữa, tu Ban Châu Tam Muội tuy nhiếp được loạn tâm, dẫn sanh trí huệ nhưng chẳng thể quán được thật tướng các pháp. Còn Bát nhã Ba-la-mật khắp quán thật tướng các pháp, chẳng có sự việc gì mà chẳng rõ, chẳng có sự việc gì mà chẳng thành tựu được. Bởi vậy nên nói “Bát nhã Ba-la-mật là mẹ của chư Phật”.

Phải tu tập đầy đủ cả 6 Ba-la-mật, phải hòa hợp công đức của 6 Ba-la-mật mới được đầy đủ các nguyện. Nhưng nay Phật dạy phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì có Bát

nhã Ba-la-mật thì 5 độ kia mới thành Ba-la-mật được, thì các nguyện mới viên mãn được vậy.

Phật dạy phải tu tập Bát Nhã Ba-la-mật, mới thành tựu được đầy đủ Phật Đạo, khiến hạt giống Phật được nổi lên, tương tục chẳng cùng tận.

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật khắp quán các pháp đều KHÔNG mà chẳng trụ chấp nơi KHÔNG, nên được vô ngại dùng đại bi làm lực phương tiện để viên thành các công đức.

Do nhân duyên tu tịnh nghiệp nên chẳng có sự việc gì mà Bồ tát chẳng được như nguyện.

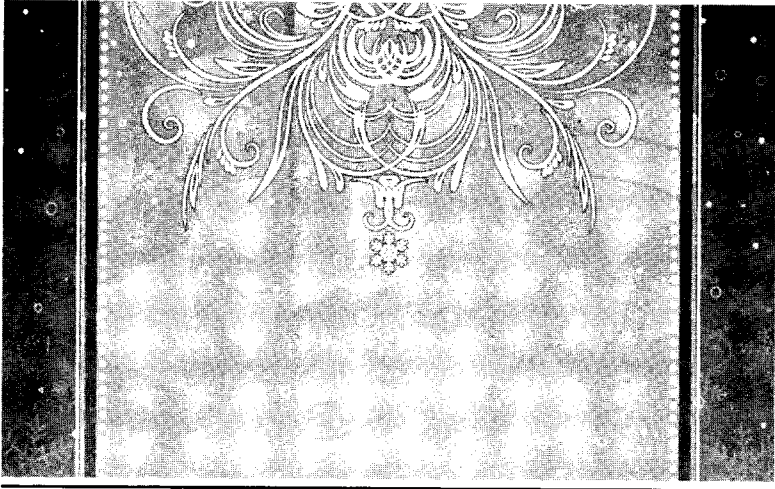
Lại nữa, do tu tập Bát nhã Ba-la-mật mà Bồ tát được Vô ngại trí, nên thành tựu viên mãn hết thảy các nguyện vậy.

-o0o-

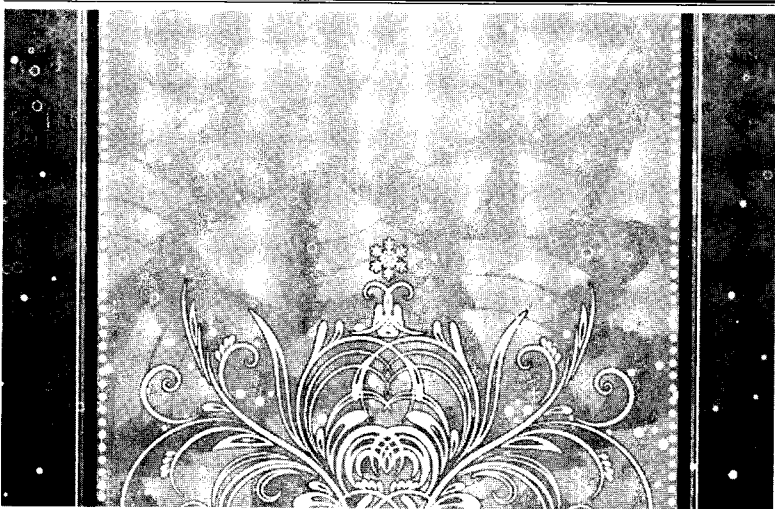
Như trước đây đã nói: Nếu chẳng có Bát nhã Ba-la-mật soi sáng thì 5 độ kia chẳng có thể được gọi là Ba-la-mật. Ví như người có đôi mắt sáng mới biết được đường đi, chim có đôi cánh mới có thể bay xa được. Tất cả 5 Ba-la-mật kia phải được Bát nhã Ba-la-mật dẫn đạo mới có thể thành tựu được đại công đức.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói “Bồ tát muốn được đầy đủ các công đức, phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật”.

(Hết quyển 34)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 35



Phẩm Thứ Hai



Phụng Bát (Dâng Bát)

KINH:

Phật dạy: “Này Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma-ha-tát hành Bát nhã Ba-la-mật, thành tựu các công đức như đã nêu trên đây, thì bốn vị Thiên Vương đều hoan hỷ, và nghĩ rằng chúng ta phải đem bốn cái bát cúng dường Bồ tát, như trước đây chúng ta đã cúng dường Phật.

LUẬN:

Hỏi: *Ở phẩm trước đã nói đầy đủ về Bát nhã Ba-la-mật rồi. Nay còn nói thêm làm gì nữa?*

Đáp: Trước đây chỉ mới tán thán Bát nhã Ba-la-mật, mà chưa nói đầy đủ về sự. Nay nói về hành giả phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật, phải thành tựu đầy đủ các công đức, thì mới được 4 vị Thiên Vương cúng dường bát.

Lại nữa, Phật muốn chư Bồ tát thành tựu đầy đủ các hạnh nguyện, nên mới nói về các quả báo chẳng bao giờ mất.

Các quả báo ấy là:

- Thành Phật, độ chúng sanh.
- Chưa thành Phật cũng hưởng các phước báo ở thế gian, được chúng sanh cung kính, cúng dường, có đầy đủ các phước lạc v.v...

Trong phẩm này Phật muốn nêu các quả báo thế gian nhằm khai thị cho chúng sanh được rõ, nên mới nói về mặt sự của các công đức.

Người thế gian muốn thành tựu sự nghiệp, thường mưu tính suy lường, nên tâm thường bị não loạn. Còn Bồ tát thì chẳng phải như vậy. Vì sao? Vì Bồ tát ở nơi nội tâm cũng như ở nơi ngoại cảnh đều tự tại vô ngại.

Bởi nhân duyên vậy, nên Phật mới nói ra phẩm kinh này.

Hỏi: *Vì sao thấy Bồ tát tăng ích 6 pháp Ba-la-mật, mà hàng chư Thiên lại hoan hỷ vui mừng?*

Đáp: Vì thấy Bồ tát tu tập 10 thiện đạo, 4 thiên, 4 vô lượng tâm..., tu tập 6 pháp Ba-la-mật như vậy, sẽ dẫn sanh các công đức như chư Phật.

Do nhân duyên có Bồ tát ra đời, mà số chư Thiên càng lâu càng thêm tăng trưởng, số A-tu-la càng lâu càng bị giảm sút. Trái lại nếu chẳng có Bồ tát ra đời, thì số chư Thiên càng lâu càng bị giảm sút, số A-tu-la càng lâu càng thêm tăng trưởng, khiến cho giống tạp phước, không thanh tịnh, càng lâu càng thêm lớn mạnh.

Chư Phật và chư đại Bồ tát, vì đại sự nhân duyên mà ra đời nhằm đoạn nghi cho chúng sanh.

-o0o-

Trong kinh có ghi mẫu chuyện sau đây:

Xưa có vị Trời Đế Thích, gần đến thời mạng chung, sanh tâm sợ hãi, muốn cầu được Phật cứu độ mà chẳng biết Phật ở đâu cả.

Vị Đế Thích ấy dùng thiên nhãn thấy có một vị đạo sĩ tu trong rừng vắng, thanh tịnh, bèn tìm đến cúng dường, nhưng chẳng sao đoạn được lưới nghi nơi mình.

Lúc bấy giờ có một vị Trời khác mách rằng: Hiện có vua Thi Tỳ là một vị đại Bồ tát tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiên định, trí huệ đầy đủ, chẳng bao lâu nữa sẽ thành Phật.

Vị Đế Thích nghe như vậy mà vẫn chẳng tin, vì nghĩ rằng: người tu như trứng cá, bông xoài, phát tâm rất nhiều mà thành tựu đạo quả thì chẳng có được bao nhiêu.

Nghĩ như vậy rồi, vị Đế Thích bảo vị Trời kia biến thành chim bồ câu, rồi tự mình biến thành chim ưng nhằm thử lòng vua Thi Tỳ. Chim ưng đuổi bắt chim bồ câu khiến chim bồ câu sợ hãi, run rẩy, bay thẳng vào nách nhà vua để ẩn trốn. Chim ưng giận dữ đòi nhà vua phải trả lại con mồi cho mình, bằng không phải trả lại một số thịt tươi nóng tương đương.

Trước sự đòi hỏi của chim ưng, nhà vua lấy dao tự lóc thịt của mình trao cho chim ưng, để đổi lấy mạng sống của chim bồ câu nhỏ bé.

Vị Đế Thích thấy rõ đại tâm của Bồ tát, hết sức vui mừng, hiện lại nguyên hình, dùng hoa trời cúng dường Bồ tát. Lúc bấy giờ mặt đất dấy lên sáu điệu chấn động.

(Xem đây đủ mẫu chuyện này ở quyển 4 ở bộ luận này).

-o0o-

Hàng phàm phu ít có trí huệ, mãi miết lăn lóc theo cuộc sống hằng ngày mà còn vui mừng khi nghe nói có Bồ tát tăng ích 6 pháp Ba-la-mật, không còn bao lâu nữa sẽ thành Phật, huống nữa là chư Thiên có thiên nhãn mà chẳng có sanh tâm hoan hỷ vui mừng hay sao?

Chư Thiên có trí tuệ, biết rõ thiên định là pháp lạc, 5 dục là vô thường, lại biết rõ Phật và Bồ tát ra đời đem lại thường lạc cho chúng sanh, nên rất hoan hỷ khi thấy Bồ tát tăng ích 6 pháp Ba-la-mật. Ví như thấy cây im mát xanh tươi, mọi người đều sanh tâm hoan hỷ, vì biết rằng các loại cây như vậy có bóng rợp mát, có hoa đẹp, có quả ngon, đem lại nhiều lợi ích cho chúng sanh. Bồ tát cũng như vậy. Bồ tát dạy cho chúng sanh xa lìa các ác pháp, tu tập các thiện pháp, dẫn dắt chúng sanh thoát khỏi 3 đường ác, hưởng phước lạc ở cõi trời, cõi người, đơm hoa Hiền Thánh, kết quả Ba Thừa (tam thừa), khiến được an lạc ở đời này và cả ở đời sau.

Hỏi: *Chư Thiên cúng dường rất nhiều thứ. Vì sao ở đây chỉ nói đến cúng dường bát mà thôi?*

Đáp: Tứ Thiên Vương cúng dường bát, Thích Đề Hoàn Nhon (tức là Đế Thích) cúng dường y, Phạm Thiên Vương cúng dường lọng.

Lại có nhiều hình thức cúng dường khác nữa, như:

- Khi Phật còn là vị Thái tử, chư Thiên ở cõi trời Tịnh Cư Thiên hóa thân làm người già, người bệnh, người chết, làm Sa môn ở 4 cửa thành, để giúp Bồ tát phát tâm xuất gia cầu đạo. Lại có 4 vị Thiên Vương ở bốn bên hộ vệ Bồ tát.

- Khi Bồ tát cắt tóc, Đế Thích lấy tóc của Bồ tát rồi xây tháp thờ ở trên cõi trời.

- Khi Bồ tát ngồi dưới gốc Bồ Đề, Đế Thích dâng cỗ Cát Tường để làm tòa Kim Cang.

- Khi Bồ tát thành Phật dưới gốc cây Bồ Đề, Phạm Thiên Vương thỉnh Phật chuyển pháp luân, còn 4 vị Thiên Vương (Tứ Thiên Vương) thì cúng dường bát.

Hỏi: *Chỉ có một mình Phật, vì sao lại cúng dường đến 4 bát?*

Đáp: 4 vị Thiên Vương cúng dường 4 bát. Phật thọ sự cúng dường của cả 4 vị, chẳng bỏ một ai. Thế nhưng Phật có thần lực biến 4 bát thành một bát mà thôi, khiến cả 4 vị Thiên Vương đều vui mừng.

Hỏi: *4 vị Thiên Vương (Tứ Thiên Vương) thọ mạng đến 500 tuổi trời, mà Phật thọ mạng vô lượng, lại trải qua vô lượng kiếp mới thành Phật. Như vậy 4 vị Thiên Vương cúng dường bát này chẳng phải là những vị trước. Sao lại vui mừng đến như vậy?*

Đáp: Các vị Thiên Vương trước sau truyền thừa, đều cùng một tánh đức, chẳng có sai khác.

Khi thấy Bồ tát tăng ích 6 pháp Ba-la-mật, thì 4 vị Thiên Vương nghĩ rằng: “Lại có một vị Phật sẽ thành, và chúng ta sẽ cúng dường bát”. Mỗi khi có một vị Bồ tát tu hành gần thành Phật, thì 4 vị Trời này đều biết rõ.

-o0o-

Nếu tính theo thời gian thì 500 năm tuổi ở cõi trời Tứ Thiên Vương tương đương với 900 vạn năm tuổi ở cõi Diêm Phù Đề.

Hỏi: *Trong các kinh Đại Thừa Ma Ha Diễn nói Phật thiên duyệt thực, không có ăn uống như người thường. Như vậy 4 vị Thiên Vương cúng dường bát để làm gì?*

Đáp: Vì chúng Tăng dùng bát, nên Phật tùy thuận chúng Tăng cũng dùng bát. Phật cũng đi khát thực, cũng an cư như chúng Tăng.

KINH:

Lúc bấy giờ chư Thiên ở các cõi trời Đao Lợi, Tam Thập Tam Thiên, dẫn đến Tha Hóa Tự Tại Thiên cũng nghĩ rằng: Chúng ta phải hầu hạ, cúng dường Bồ tát, để hàng chư Thiên càng thêm đông và hàng A-tu-la càng giảm bớt.

Chư Thiên ở 3.000 đại thiên thế giới, trong khắp cả 10 phương đều rất vui mừng và nghĩ rằng: Chúng ta phải thỉnh Bồ tát chuyển pháp luân.

LUẬN:

Hàng chư Thiên đem hương hoa, anh lạc... đến lễ bái, cúng dường chư Phật, để cầu tăng ích phước đức. Những ai tu phước đều làm như vậy cả.

Hỏi: *Trước chỉ nói đến 6 cõi Trời. Nay vì sao lại nói chư thiên ở khắp 3.000 đại thiên thế giới đều hoan hỷ?*

Đáp: Việc chư Thiên ở cõi Dục và cõi Sắc thỉnh Phật chuyển pháp luân là việc lớn, nên phải rộng nói như vậy.

Hỏi: *Trong 3 tạng kinh (tam tạng) đều nói: Phạm Thiên thỉnh Phật chuyển pháp luân. Vì sao nay lại rộng nói như vậy?*

Đáp: Cõi trời Phạm Thiên ở cõi Sắc, trong khoảng giữa cõi Dục và cõi Vô Sắc. Như vậy Phạm Thiên Vương ở gần cõi Diêm Phù Đề mà cũng duyên được chư Thiên ở cõi Vô Sắc.

Vì chúng sanh ở cõi Diêm Phù Đề chỉ biết và tôn kính Phạm Thiên Vương, lại nữa, vì Phạm Thiên Vương tự cho mình là tổ phụ của các chúng sanh ở cõi Diêm Phù Đề, nên các kinh thường nói Phạm Thiên Vương thỉnh Phật chuyển pháp luân, để chúng sanh ở cõi Diêm Phù Đề tin thọ hơn vậy.

KINH:

Này Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma-ha-tát do tu tập Bát Nhã Ba-la-mật mà tăng ích sáu pháp Ba-la-mật.

Lúc bấy giờ ở trong loài người, các thiện nam, thiện nữ cũng đều rất vui mừng, và nghĩ rằng: chúng ta nguyện sẽ được làm cha mẹ, vợ con, thân tộc, thiện tri thức của Bồ tát.

LUẬN:

Hỏi: Trước nói do tu Bát nhã Ba-la-mật mà được vô lượng công đức. Nay vì sao lại nói do tu Bát nhã Ba-la-mật mà tăng ích 6 Ba-la-mật?

Đáp: Trước nói về tổng tướng, nay nói về biệt tướng. Trước nói về vô lượng công đức, nay chỉ nói về 6 pháp Ba-la-mật, vì 6 pháp Ba-la-mật tận nhiếp hết thảy các công đức, và cũng rõ biết biệt tướng của từng loại công đức.

Lại nữa, trước vì chư Thiên nên nói về các công đức. Nay vì các thiện nam, thiện nữ ở trong loài người nên khuyên họ tu tập 6 pháp Ba-la-mật.

Hỏi: Vì sao khi nói đến chư Thiên, chẳng dùng danh xưng thiện nam, thiện nữ?

Đáp: Vì hàng chư Thiên có thiên nhãn, thiên nhĩ và tha tâm trí, lại thường cúng dường Phật và Bồ tát, nên chẳng cần dùng đến các danh xưng ấy làm gì. Trái lại ở trong loài người, đa số chỉ dùng đến nhục nhãn (mắt thường), nhục nhĩ (tai thường), chẳng có được tha tâm trí, kém trí tuệ nên chẳng được như chư Thiên. Chỉ những người có thiện căn mới biết cúng dường, mới mong cầu được làm đệ tử của Phật và Bồ tát.

Do có nghe pháp rồi mới được thọ ký là sẽ làm Phật. Bởi vậy nên khi nghe Phật tán thán “thiện nam”, “thiện nữ” thì phải biết rằng các người đó đã có tu thiện, đã theo Phật, theo Bồ tát, và theo chư Thánh Hiền tu học vậy.

Hỏi: *Vì sao chỉ nói với thiện nam, thiện nữ mà thôi?*

Đáp: Đối với người chẳng có nam nữ căn (vô căn) thì chẳng nên nói đến.

Trong luật Tỳ Ni có nói: “Người chẳng có các tướng nam căn, nữ căn (vô căn) chẳng được thọ xuất gia. Vì sao? Vì những người này chẳng có định tâm, dễ sanh sân hận, có nhiều kiết sử, tham đắm các sự việc thế gian, ít ưa nghe đạo pháp. Những người này có trí huệ cạn mỏng, nên dù có nghe pháp cũng chẳng có thể thâm nhập vào pháp tánh được”.

Kinh Đại Thừa mệnh mông như biển lớn, chẳng gì mà chẳng dung chứa được. Thế nhưng vì hạng người này rất ít tu thiện nên chẳng nói đến vậy thôi.

Lại nữa, hạng người nửa nam nửa nữ (bán nam bán nữ), tức có cả hai căn nam nữ không rõ rệt (nhị căn), có thể vào một lúc nào đó trở thành nam hoặc nữ. Những người này tâm tánh phức tạp, tà vạy, có nhiều kiết sử, rất khó hóa độ, chẳng có thể được đạo.

Bởi nhân duyên vậy, nên chỉ nói với các thiện nam và các thiện nữ, là những người có tâm từ bi, có thể nhẫn nhục chịu đựng được những lời mắng nhiếc mà chẳng khởi sân nhuế. Người thiện ví như ngựa tốt, rất dễ điều. Người thiện được Phật và Bồ tát tán thán, cũng như ngựa tốt được chủ quý mến vậy. Người có thiện căn thường nhiếp phục được 3 nghiệp thân, khẩu và ý, nên ít phạm các lỗi lầm, thường thân cận các thiện tri thức, tán thán các việc làm tốt của các vị này. Người

thiện chẳng có khoe khoang, chẳng có tự mãn về các công đức của mình, thường tùy thuận chúng sanh, chẳng nói xấu người khác, chẳng cầu danh lợi, chẳng thăm đấm các thú vui ở đời mà chỉ tìm niềm vui ở trong Đạo.

Lại nữa, người thiện do tu tịnh nghiệp nên chẳng có làm khổ người khác, tôn quý thật pháp, khinh thường các tiện pháp của thế gian, thích nghe những lời nói ngay thẳng, chân chính, chẳng thích nghe theo kẻ dèm pha, siểm nịnh.

Lại nữa, người thiện vì hết thấy chúng sanh, có thể dẹp niềm vui của riêng mình, nhằm giúp đỡ chúng sanh lìa các khổ, có thể đem thân mình thọ khổ thay cho người.

Như vậy người thiện có rất nhiều tánh đức nên được Phật và Bồ tát tán khen.

Hỏi: *Do nhân duyên gì mà các thiện nam, thiện nữ phát nguyện như vậy?*

Đáp: Các thiện nam, thiện nữ tự biết mình phước đức còn cạn mỏng, nên nguyện được thân cận chư Bồ tát. Ví như hòn đá quá nặng, sức người chẳng thể mang nổi nên phải dùng thuyền bè mới chở qua sông được vậy.

Các thiện nam, thiện nữ biết rõ Bồ tát đã hành đạo trải qua nhiều đời nhiều kiếp, đã chứa nhóm nhiều công đức, nên cung kính tôn trọng chư Bồ tát.

Nếu thấy Bồ tát xả thọ mạng, thì các thiện nam, thiện nữ phát nguyện được làm quyến thuộc của Bồ tát, để tăng ích thêm công đức. Ví như càng đốt nhiều hương thơm thì mùi hương thơm càng được thêm tăng trưởng, càng tỏa rộng thêm vậy.

Trong kinh có kể các mẫu chuyện sau đây:

* Phật Thích Ca Muru Ni khi còn là Bồ tát, thị hiện làm Thái tử của một vị Đại Vương ở cõi Diêm Phù Đề. Thái tử thấy dân chúng ở cõi Diêm Phù Đề quá cực khổ đói khát, nên đã xin phép vua cha xuống tận Long cung cầu được Như Ý bảo châu.

Long Vương và Long Hậu biết, ở kiếp trước Thái tử là con của mình, lại cảm kích lòng từ bi rộng lớn của thái tử nên hoan hỷ cho mượn Như Ý bảo châu, đem về cõi Diêm Phù Đề trong thời hạn 3 tháng.

Trong khoảng thời gian ấy, ngọc Như Ý bảo châu đã giúp Thái tử hóa tác ra rất nhiều thức ăn uống, áo quần, mừng mền cùng rất nhiều vật quý giá khác. Nhờ vậy mà dân chúng khắp cõi Diêm Phù Đề đều được no ấm an vui. (Xem đầy đủ mẫu chuyện này ở quyển 12 của bộ luận này)

* Vào một thời xa xăm trong quá khứ, Bồ tát Tư Ma Đề gặp duyên lành thấy được Phật Nhiên Đăng. Bồ tát bèn đi mua hoa cúng dường Phật. Người con gái bán hoa tên là Tu La Bà không chịu bán. Bồ tát đành lấy 500 đồng tiền vàng để mua 5 cành hoa. Tu La Bà chỉ nhận bán hoa với điều kiện Bồ tát phải nhận cưới nàng làm vợ. Vì muốn có được hoa cúng dường Phật, nên Bồ tát đã nhận lời rồi cầm 5 cành hoa đến dâng Phật.

* Lại nữa, vào một thời xa xăm trong quá khứ, có người con gái của một ông Trưởng giả, thấy Bồ tát Diệu Quang có 28 tướng tốt nên đã đem lòng ái kính. Nàng đem chuỗi anh lạc bỏ vào bát của Bồ tát, và nguyện đời đời được làm vợ của ngài.

Người con gái này suốt 250 kiếp tu tập các công đức, rồi

về sau lại sanh vào nhà của dân nữ Hỷ Kiến. Hỷ Kiến đặt tên cho nàng là Đức Nữ và nuôi dưỡng nàng ở vườn Liên Hoa. Nàng tỏ ra thông minh xuất chúng, đến năm 14 tuổi nàng đã thông hiểu các kiến thức thế gian. Từ nữ công gia chánh, đàn ca, y dược, cho đến thơ văn nàng đều trội hẳn hơn hết thầy các thiếu nữ trong vùng.

Lúc bấy giờ có vị Thái tử Đức Chủ, con vua Tài Chủ vào vườn dạo chơi xem hoa ngắm cảnh. Thái tử có lòng đại từ đại bi thương xót chúng sanh, nên các thế nữ ca múa tán thán công đức của Thái tử mãi không ngớt. Đức Nữ thấy Thái tử liền đem lòng ái kính. Nàng nhìn Thái tử không chớp mắt, rồi mạnh dạn bước đến trước Thái tử dùng thơ tán thán Thái tử và thưa rằng: “Hết thấy các kiến thức thế gian tôi đều thông hiểu cả. Nay tôi nguyện đem thân này hầu hạ bên Thái tử”.

Thái tử hỏi: “Người là con của ai?”

Dâm Nữ Hỷ Kiến trả lời thay rằng: “Người con gái này do trời đất sanh ra, cùng một lần với Thái tử. Nàng chẳng phải do cha mẹ sanh ra mà từ trong hoa sen sanh ra. Nàng có 64 tài nghệ, nào nữ công gia chánh, đàn ca, y dược, thơ văn... Tất cả các kiến thức thế gian nàng đều thông đạt cả. Nàng lại có tấm lòng trong trắng, biết tầm quý, chẳng có tật đố vị kỷ. Con gái của tôi đủ đức hạnh dung nghi như vậy. Nếu Thái tử có lòng thương, tôi xin dâng hiến làm vợ Thái tử”.

Thái tử đáp: “Bà hãy nói với con gái của bà là tôi đã phát Bồ Đề tâm, tu hạnh bố thí, đã ly dục, chẳng còn ái nhiễm nữa. Dù là quốc thành, vợ con, của cải..., nếu có ai đến xin tôi đều sẵn sàng bố thí cả. Dẫn đến thân mạng của tôi đây, tôi cũng sẵn sàng bố thí chẳng hề luyến tiếc. Lại nữa, rồi đây tôi sẽ xuất gia theo Phật, vào tu ở chốn núi rừng xa vắng. Như vậy con gái của bà có bằng lòng không?”

Đức Nữ đáp: “Xin Thái tử cứ an tâm. Dù cho lửa địa ngục thiêu đốt thân này, tôi cũng chẳng một lời hối tiếc. Chẳng vì lòng dâm dục, chẳng vì lòng ham thích vui chơi mà tôi nguyện theo ngài đâu. Tôi chỉ vì ái kính thân tướng trang nghiêm của ngài, mà xin phò trợ ngài trên bước đường tu học đạo Vô Thượng Bồ Đề của ngài. Tôi đã thệ nguyện phụng sự người chánh sĩ”.

Rồi Đức Nữ nói tiếp: “Ban đêm tôi nằm mộng, thấy Phật Diệu Nhưt tọa thiền dưới gốc cây Bồ Đề. Xin ngài hãy cùng tôi đến đó cúng dường Phật”.

Thái tử nghe Đức Nữ nói lời đoan chánh, lại nghe tin Phật xuất thế, hết sức vui mừng, bèn mời Đức Nữ lên xe cùng đi đến chỗ Phật, nghe thuyết pháp. Thái tử vừa nghe xong thời pháp vào được đà la ni môn, còn Đức Nữ thì được pháp nhãn thanh tịnh. Thái tử bèn lấy 500 cành hoa quý cúng dường Phật. Về đến cung điện, Thái tử tâu với vua cha rằng: “Chính con đã được thấy tận mắt đức Phật Diệu Nhưt và được nghe Phật thuyết pháp. Nhà vua nghe xong, truyền đem các bảo vật rồi cùng Hoàng Hậu, các quan đại thần và thần dân đến chỗ Phật để nghe Phật thuyết pháp. Nhà vua nghe xong liền được Nhất Thế Pháp Minh Đăng đà la ni. Trở về cung, vua quyết định lập Thái tử lên ngôi rồi xuất gia cầu đạo. Đến ngày rằm, Thái tử đem 6 bảo vật xin cưới Đức Nữ, và lập Hỷ Kiến làm bảo nữ.

Trong kinh *Bát Khả Tư Nghi* có nói về các nhân duyên cho thấy các thiện nam, thiện nữ thệ nguyện đời đời được làm cha mẹ, vợ con, thân bằng quyến thuộc của Bồ tát.

KINH:

Lúc bấy giờ hàng chư Thiên ở khắp trên các tầng trời, từ cõi trời Tứ Thiên Vương dẫn đến cõi trời Sắc Cứu Cánh đều rất vui mừng và nghĩ rằng: “Chúng ta phải dùng các phương tiện khiến Bồ tát ly dục, đồng chơn nhập đạo, từ sơ phát tâm dẫn đến khi chứng Vô Thượng Bồ Đề chẳng hề đắm trước sắc dục. Vì nếu phạm 5 dục thì phải sanh làm Phạm Thiên, chẳng có thể được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Xá Lợi Phất! Bồ tát phải là người xuất gia, đoạn dục mới đáng được Vô Thượng Bồ Đề. Chẳng phải là người không đoạn dục mà được đạo.

LUẬN:

Hỏi: Vì sao chư Thiên lại phát nguyện như vậy?

Đáp: Người thế gian rất khó xả ly 5 dục. Dục lạc thường trói buộc người với gia đình, nhận chìm người trong chôn bùn lầy, khó có hy vọng thoát ra được.

Bởi nhân duyên vậy, nên hàng chư Thiên tìm các phương tiện khiến Bồ tát xa lìa được 5 dục. Vì sao? Vì có ly dục mới có được trí huệ sáng suốt, mới có thể đồng chơn nhập đạo. Nếu bị 5 dục trói buộc thì chỉ có thể sanh làm Phạm Thiên, chẳng sao được đạo Vô Thượng Bồ đề. Như lời Phật dạy ngài Xá Lợi Phất: “Bồ tát phải là người xuất gia, đoạn dục, mới đáng được Vô Thượng Bồ Đề. Chẳng phải người không đoạn dục mà được đạo”.

Bồ tát từ sơ phát tâm, thường đồng chơn nhập đạo. Vì sao? Vì sắc dục trói buộc người, khó có thể thoát ra được. Dâm dục là nhân duyên thọ khổ địa ngục trong vô lượng kiếp.

Người thọ 5 dục thì sanh lên cõi trời cũng rất khó huống nữa là được vào đạo Vô Thượng Bồ Đề.

Người đồng chơn nhập đạo rất dễ tu các phạm hạnh, nên dễ được Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì có được phạm hạnh mới chẳng còn đấm trước các dục lạc ở thế gian, mới mau thành đạo quả.

Dâm dục là chất keo rất khó rời bỏ. Lửa dâm thiêu rụi các công đức. Bởi vậy nên trong các giới cấm của hàng xuất gia thì giới cấm dâm dục được nêu lên trước hết vậy.

-o0o-

Trường hợp chư Thiên dùng các phương tiện giúp Phật ly dục, xuất gia cầu đạo, có ghi rõ trong kinh như sau:

Đức Phật Thích Ca Mưu Ni khi còn là vị Thái tử, sống trong cung điện nguy nga tráng lệ, được phụ vương và mẫu hậu cưng chiều, được bà Da Du Đà La cùng các cung nữ yêu thương, trù mến, lại xa lìa cuộc sống bần cùng đau khổ của thường dân. Trong bối cảnh ấy, Thái tử rất khó ly dục nếu chẳng có sự giúp đỡ của chư Thiên.

- Khi Thái tử dạo chơi ở các cửa thành, chư Thiên ở cõi trời Tịnh Cư Thiên hóa thân làm người già, người bệnh, người chết... khiến Thái tử thấy rõ cảnh vô thường, cảnh khổ đau của thế gian.

- Vào nửa đêm, chư Thiên dẫn Thái tử đi quanh cung điện, quan sát các cung nữ ngủ say, thân duỗi thẳng như những thân chết, nước mũi, nước miếng chảy ra dơ bẩn, phấn son hoen ố trông rất xấu xí, ghê tởm. Những cảnh ấy làm cho Thái tử thấy rõ thân là ô uế, bất tịnh, đáng nhàm chán.

- Chư Thiên lại còn dàn cảnh các cung nữ ghen tuông đố kỵ, mắng nhiếc nhau, làm cho Thái tử thấy rõ tâm người xấu xa, độc ác v.v...

Những cảnh tượng mà chư Thiên hóa hiện ra trên đây nhằm giúp Thái tử nhàm chán thế gian, xa lìa 5 dục, quyết tâm xuất gia cầu đạo.

-o0o-

KINH:

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát phải sống với cha mẹ, vợ con, thân bằng quyến thuộc... thì cũng ly được 5 dục chẳng?”

Phật dạy: “Này Xá Lợi Phất! Hoặc có Bồ tát sống với cha mẹ, vợ con, thân bằng quyến thuộc. Hoặc có Bồ tát từ sơ phát tâm dẫn đến khi được đạo Vô Thượng Bồ Đề, chẳng hề đắm nhiễm sắc dục. Hoặc có Bồ tát phưng tiện thọ hưởng 5 dục, rồi sau đó mới ly dục xuất gia, được đạo Vô Thượng Bồ Đề.

LUẬN:

Có 3 hạng Bồ tát đó là:

- Hạng Bồ tát thọ hưởng đủ 5 dục như người thế gian, rồi sau đó mới xả ly 5 dục, xuất gia, được đạo Vô Thượng Bồ Đề.

- Hạng Bồ tát từ sơ phát tâm đã đoạn trừ dâm dục, có đại công đức, kiên cố cho đến khi thành Phật.

Hai hạng Bồ tát nêu trên đây, có thể tùy trường hợp, hoặc là Pháp thân Bồ tát, hoặc là nhục thân Bồ tát, hoặc chưa xả ly 5 dục, hoặc đã xả ly 5 dục.

- Hạng pháp thân Bồ tát đã được Vô Sanh Pháp Nhãn, trú trong 6 thân thông.

Hạng Bồ tát này vì giáo hóa chúng sanh mà cùng chúng sanh sống chung để nhiếp thủ họ, nhằm đem lại lợi ích cho họ. Các ngài tùy trường hợp, hoặc thị hiện làm Chuyển Luân Thánh Vương, hoặc làm Trưởng giả v.v... dùng các thân khác nhau để nói pháp, dùng mọi phương tiện độ thoát chúng sanh ra khỏi ngục tù ba cõi.

-o0o-

KINH:

Phật dạy: “Này Xá Lợi Phất! Ví như nhà huyền thuật cùng các đệ tử khéo làm ra các huyền pháp, khéo làm ra cảnh 5 dục, rồi đồng vui chơi với nhau trong cảnh dục lạc đó. Ý ông nghĩ sao? Hành động như vậy có phải là chìm đắm trong cảnh dục chăng?”

Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Bạch Thế Tôn chẳng phải như vậy”.

Phật dạy: “Này Xá Lợi Phất! Bồ tát dùng các lực phương tiện hóa tác ra 5 cảnh dục để vui chơi nhằm hóa độ chúng sanh cũng là như vậy. Bồ tát chẳng có đắm chấp 5 dục, nhưng nguyện ở trong cảnh dục lạc để dùng làm các phương tiện nhân duyên che bai 5 dục, như nói: 5 dục là lửa thiêu đốt thân tâm, 5 dục là xấu xa, 5 dục là phá hoại, 5 dục là oan gia v.v...”

Phải biết như vậy là Bồ tát vì chúng sanh mà thọ 5 dục để dùng làm phương tiện tiêu trừ 5 dục.

LUẬN:

Hỏi: Thí dụ nêu trong đoạn kinh trên đây nói về hạng Bồ tát nào?

Đáp: Trong 3 hạng Bồ tát thì:

- Hạng thứ nhất không đoạn thâm dục.

- Hạng thứ hai đoạn thâm dục và tu tịnh hạnh.

- Hạng thứ ba cũng thọ thâm dục, cũng tu tịnh hạnh mà người thế gian chẳng thể biết được.

Phật dùng thí dụ trên đây để nói riêng về hạng Bồ tát thứ ba này.

Hỏi: *Vì sao chẳng dùng cảnh mộng để giáo hóa chúng sanh, mà lại dùng các dụ như trên đây?*

Đáp: Cảnh mộng chẳng có nhiếp về 5 tình, chỉ do nội tâm ức tưởng mà sinh ra. Đối với người mê muội, phải dùng 5 tình để cho họ thấy rõ vô thường, biết rõ lỗi lầm của mình. Có như vậy thì tâm họ mới được giải.

Người thế gian ở trong 5 tình mà chẳng biết 5 tình là khổ. Chỉ có một số ít người biết được như vậy mà thôi.

Phật vì muốn độ những chúng sanh có thể độ được, mới dùng dụ về huyền thuật, huyền pháp, huyền vật... để cho người thế gian dễ nhận thấy rằng các phương tiện độ sanh của Bồ tát thật là hy hữu. Nhờ vậy họ sẽ hoan hỷ tín thọ, tránh cho họ các tội kiêu mạn phi báng v.v... Cũng như nhà huyền thuật hóa tác ra các huyền pháp, Bồ tát dùng lực thần thông, ở trong chúng sanh hóa tác ra 5 dục để cùng vui với họ trong cảnh dục lạc, nhằm hóa độ họ. Vì sao? Vì chúng sanh có 2 hạng:

- Hạng xuất gia.

- Hạng tại gia.

Đối với hạng xuất gia thì phải thị hiện thân Thanh Văn, Bích Chi Phật để hóa độ họ.

Đối với hạng tại gia thì dạy họ tu thiện đạo, sống chung với họ, cùng chia sẻ dục lạc với họ mà phương tiện giáo hóa họ.

Hỏi: *Làm sao Bồ tát ở trong 5 dục mà có thể hóa độ được chúng sanh?*

Đáp: Bồ tát ở trong 5 dục, dùng các nhân duyên phá hủy 5 dục, cho chúng sanh thấy rõ 5 dục là lửa thiêu đốt, là vô thường, là tán hoại, là uế ác, là đầy dẫy 3 độc v.v... Lửa dục thiêu đốt thân tâm, hủy diệt các thiện căn công đức.

Chư Phật, chư Bồ tát, chư vị A-la-hán đều đã ly dục, xem người đắm chấp 5 dục như chó gặm xương, ăn đồ dơ bẩn thật đáng thương xót.

Người đắm chấp 5 dục thả tâm rong ruổi theo các lạc thú ở đời, chẳng bao giờ chịu ngừng nghỉ nên bị chư Thiên ruồng bỏ.

Dục là oan gia, làm mất thiện căn của người, là phường giả nhân giả nghĩa, bên ngoài giả vờ thân thiện mà bên trong rắp tâm hại người. Vì sao? Vì 5 dục đoạn huệ mạng của người, phá hoại các thiện hạnh và các công đức.

Người sa vào lưới dục ví như cá mắc câu, như chim sa lưới, như nai kẹt bẫy, như con phù du bị đèn thiêu cháy.

Nói tóm lại 5 dục là phường oan gia, đẩy chúng sanh vào 3 đường ác, chẳng những chỉ trong một đời mà kéo dài mãi đến vô lượng kiếp về sau, khiến phải thọ vô lượng khổ đau.

KINH:

Ngài Xá Lợi Phát thưa: “Bạch Thế Tôn! Bồ tát Ma-ha-tát phải thực hành Bát nhã Ba-la-mật như thế nào?”

Phật dạy: “Này Xá Lợi Phát! Lúc thật hành Bát Nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng thấy mình là Bồ tát, chẳng thấy có danh tự Bồ tát, chẳng thấy có Bát nhã Ba-la-mật, cũng chẳng thấy mình chẳng tu Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao? Vì Bồ tát, danh tự Bồ tát là tự tánh “Không”. Trong “Không” chẳng có sắc, chẳng có thọ, chẳng có hành, chẳng có thức. Lại nữa, ly sắc cũng chẳng có “không”, dẫn đến ly thọ, tướng, hành, thức cũng chẳng có “không”. Sắc tức là “không” và “không” tức là sắc. Thọ, tướng, hành, thức tức là “không” và “không” tức là thọ, tướng, hành, thức.

Vì sao? Vì Bồ Đề chỉ có ở nơi danh tự, Bồ tát chỉ có ở nơi danh tự nên đều là “không”.

Vì sao? Vì Thật tánh của hết thảy các pháp vốn chẳng có sanh, chẳng có diệt, chẳng có cấu, chẳng có tịnh.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát Ma-ha-tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng thấy sanh cũng chẳng thấy diệt, chẳng thấy cấu cũng chẳng thấy tịnh.

Vì sao? Vì danh tự cũng do duyên hòa hợp mà có. Chỉ do phân biệt, ức tướng mà các pháp giả danh được diễn bày vậy thôi.

Bồ tát Ma-ha-tát khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, chẳng thấy có danh pháp, và vì chẳng thấy có danh pháp nên chẳng có chấp trước.

LUẬN:

Hỏi: *Do nhân duyên gì mà ngài Xá Lợi Phất hỏi Phật như vậy?*

Đáp: Ngài Xá Lợi Phất đã được nghe Phật tán thán công đức của Bát Nhã Ba-la-mật, nên sanh tâm hoan hỷ, nhất tâm tôn kính Bát Nhã Ba-la-mật, nên tự ý hỏi Phật, để được Phật giảng sâu rộng hơn nữa.

Sở dĩ ngài hỏi Phật “Bồ tát phải thật hành Bát Nhã Ba-la-mật như thế nào”, là vì ngài thiết tha muốn được Phật chỉ dạy cách tu tập Bát Nhã Ba-la-mật để noi theo. Cũng như người bệnh muốn thầy thuốc chỉ bày căn kẽ các cách dùng thuốc để về nhà được yên tâm uống thuốc vậy.

Hỏi: *Trước đây ngài Xá Lợi Phất đã hỏi Phật “Vì sao Bồ tát chẳng trú Đàn Ba-la-mật là hành Bát Nhã Ba-la-mật”. Lúc bấy giờ Phật đã trả lời rằng “Khi hành bố thí mà rõ biết người thí, kẻ thọ và vật thí đều bất khả đắc, mới thật là hành Bát Nhã Ba-la-mật”. Nay vì sao ngài còn hỏi nữa?*

Đáp: Trước đây Phật đáp về tổng tướng của các Ba-la-mật. Ngay ngài Xá Lợi Phất nghe Phật nói “Bát Nhã Ba-la-mật dẫn đạo cả 5 pháp Ba-la-mật kia” nên phải hỏi thêm về cách tu hành Bát Nhã Ba-la-mật.

Ngài khát ngưỡng muốn được học Bát Nhã Ba-la-mật. Ngoài ra ngài cũng muốn hỏi Phật về cách thật hành Bát Nhã Ba-la-mật để chúng sanh được rõ thêm.

Nên biết công đức của Bát Nhã Ba-la-mật vô lượng vô biên, trí huệ của Phật cũng vô lượng vô biên. Bởi nhân duyên ngài Xá Lợi Phất nêu lên câu hỏi, mà Phật rộng thuyết về Bát Nhã Ba-la-mật mãi mãi chẳng thôi.

Hỏi: *Bát Nhã Ba-la-mật có công đức vô lượng vô biên, tối tôn tối trọng. Nếu chẳng được nghe Phật tán thán thì chúng sanh làm sao hiểu thấu được. Như vậy vì sao ngài Xá Lợi Phất chẳng để Phật nói rộng thêm nữa, mà lại hỏi về cách thật hành Bát Nhã Ba-la-mật?*

Đáp: Càng tán thán Bát Nhã Ba-la-mật thì càng làm cho người nghe thêm hoan hỷ. Càng tôn trọng Bát Nhã Ba-la-mật thì càng tăng thêm phước đức. Càng nghe nói về, hỏi về cách thật hành Bát Nhã Ba-la-mật, thì càng tăng thêm trí huệ.

Nghe nói về Bát Nhã Ba-la-mật chẳng phải chỉ tạo nhân duyên phước đức thôi, mà còn duyên khởi cho sự khát ngưỡng Bát Nhã Ba-la-mật, khiến muốn nghe mãi chẳng có nhàm chán cho đến khi thành Phật đạo. Người nghe Bát Nhã Ba-la-mật phải có trí huệ mới thành tựu được Phật đạo. Bởi vậy sau khi nghe Bát Nhã Ba-la-mật, người nghe còn phải sanh tâm hoan hỷ, phải có tín tâm thanh tịnh, phải tinh tấn tu hành Bát Nhã Ba-la-mật mới có được đại lợi ích. Ví như người đang đói khát, mà chỉ nghe tán thán các thức ăn ngon, thức uống thơm mát thì chẳng có được lợi ích gì cả. Phải được ăn, uống mới hết đói khát được. Người khát ngưỡng Bát Nhã Ba-la-mật cũng là như vậy. Nghe tán thán Bát Nhã Ba-la-mật chưa đủ, phải thật hành Bát Nhã Ba-la-mật mới thành tựu được Phật đạo.

Bởi nhân duyên vậy, nên ngài Xá Lợi Phất phải hỏi Phật về cách tu tập, thật hành Bát Nhã Ba-la-mật.

Hỏi: *Người đi đường phải dùng đôi mắt để thấy đường, đi đến nơi chốn mong muốn. Bồ tát niệm Phật đạo cũng là như vậy, phải nhờ Bát Nhã Ba-la-mật soi sáng mới thấy được đường đi dẫn đến Phật quả. Như vậy vì sao lại nói “Bồ tát chẳng thấy có Bát Nhã Ba-la-mật”?*

Đáp: Người thật hành Bát Nhã Ba-la-mật phải quán các pháp đều là giả danh, nên chẳng thấy có Bồ tát, chẳng thấy có Bát Nhã Ba-la-mật... Vì sao? Vì ở nơi thật tướng hết thấy các pháp đều là “không”, hết thấy các pháp chỉ có ở nơi danh tự, đều do nhân duyên hòa hợp sanh, đều là tự tánh “không”.

Trước đây đã nói các pháp đều là giả danh, nay nếu lại biết rõ Bát Nhã Ba-la-mật cũng là giả danh thì phá được tất cả hý luận. Vì sao? Vì Bát Nhã Ba-la-mật cũng là tự tánh “không”, nên chẳng thể được (bất khả đắc), chẳng thể thấy (bất khả kiến) vậy. Ví như củi cháy mà giả danh có lửa. Tuy rằng lửa chẳng có thật sự mà có thể đốt nóng, có thể thiêu rụi các vật vậy.

Hỏi: *Nói Bồ Tát nhập vào Bát Nhã Ba-la-mật, rồi lại nói Bồ Tát chẳng thấy có Bát Nhã Ba-la-mật. Nói như vậy làm sao có thể tin được?*

Đáp: Trước đây đã nói Bát Nhã Ba-la-mật là thật pháp, nhưng muốn vượt ra khỏi sự chấp pháp đó, thì phải tin và hành Bát Nhã Ba-la-mật. Tin và hành mới vượt ra khỏi sự chấp về pháp Bát Nhã Ba-la-mật được. Vì sao? Vì có tin, có hành Bát Nhã Ba-la-mật, mới biết rõ Bát Nhã Ba-la-mật cũng là “không”, là bất khả đắc. Nếu vào được Bát Nhã Ba-la-mật rồi, thì sẽ biết rõ 5 âm đều là “không”, trong “không” chẳng có sắc, mà ly sắc cũng chẳng có “không”...

Hỏi: *Trước đây nói có được trí huệ Bát Nhã Ba-la-mật thì biết các pháp là thường “không”. Như vậy vì sao lại nói Bồ Tát trú trong Bát Nhã Ba-la-mật?*

Đáp: Theo pháp thế gian, nên nói tu hành để vào Bát Nhã Ba-la-mật. Nói như vậy là còn quán, còn hý luận. Khi các quán và hý luận đã diệt rồi, thì chẳng còn có ra có vào gì nữa cả.

Thế nhưng các bậc Thánh, nếu chẳng dùng đến văn tự, ngôn ngữ để nói pháp thì chẳng sao giáo hóa được phàm phu. Bởi vậy chỉ nên hiểu ý mà dùng nên chấp lời mới thật là đúng pháp.

Hỏi: Vào được trong Bát Nhã Ba-la-mật là biết rõ hết thấy pháp đều là “không”. Như vậy vì sao trước đây phải nói đến “chúng sanh không” để phá chấp về ngã?

Đáp: Đối với người mới nghe Bát Nhã Ba-la-mật thì chưa có thể vì họ nói về hết thấy pháp đều “không” (nhất thiết pháp không) được. Vì sao? Vì họ còn nặng về chấp ngã, còn dùng 5 tình để cấu pháp, do vậy mà còn ức tướng, phân biệt, từ đó dẫn sanh chấp có tướng ngã. Vì họ chẳng biết 5 tình là “không”, nên duyên nơi ức tướng phân biệt mà khởi chấp 5 tình là thật. Do vậy chẳng có thể phá được chấp ngã. Nếu họ được nghe thuyết về vô ngã, thì họ mới có thể nhận biết được sắc tức là “không” và “không” tức là sắc. Nhưng nếu ngay lúc đầu nói tất cả các pháp đều là “không”, thì họ chẳng sao tin được. Bởi vậy trước phải nói về “chúng sanh không” để phá chấp về ngã và ngã sở. Khi đã phá được ngã và ngã sở rồi thì sẽ biết rõ hết thấy pháp đều là “không” cả. Rồi từ đó mới ly được dục, dẫn đến mới vào được đạo Bồ Đề, mới vào được Niết bàn tịch tịnh.

Lại nữa, Bát Nhã Ba-la-mật là pháp rốt ráo “không”, nên Bồ tát chẳng thấy có mình thật hành Bát Nhã Ba-la-mật nữa.

Hỏi: Nếu chẳng thấy, chẳng hành thì Bồ tát cũng như phàm phu. Như vậy Bồ tát làm thế nào để có thể vào được Bát Nhã Ba-la-mật?

Đáp: Chẳng phải như vậy. Bồ tát đã hành thâm Bát Nhã Ba-la-mật, thâm nhập pháp “không”, nên nói là chẳng thấy chẳng hành vậy.

Đối với một vị quốc vương, nếu chỉ được một vật nhỏ thì chưa có thể gọi là được của. Cũng như vậy, đối với Bồ tát nếu hành Bát Nhã Ba-la-mật mà còn ít trí huệ, còn vướng mắc kiết sử, thì chưa có thể gọi là hành Bát Nhã Ba-la-mật được. Phật là vị pháp vương, dạy cho các Bồ tát hành Bát Nhã Ba-la-mật. Nhưng nếu Bồ tát chỉ hành được một phần nhỏ, thì cũng chưa có thể gọi là hành Bát Nhã Ba-la-mật được.

Lại nữa, người hành Bát Nhã Ba-la-mật chẳng sanh kiêu mạn, chẳng có tự nói là mình có hành Bát Nhã Ba-la-mật. Vì nếu nói có hành Bát Nhã Ba-la-mật thì còn chấp tướng. Người hành Bát Nhã Ba-la-mật cũng chẳng tự nói là mình chẳng hành Bát Nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì nếu nói chẳng có hành Bát Nhã Ba-la-mật thì sanh tâm giải đãi. Như vậy là còn vướng mắc vào 2 chấp CÓ và KHÔNG (hữu và vô).

Người thật sự hành Bát Nhã Ba-la-mật thì phải là người hành Bát Nhã Ba-la-mật mà chẳng thấy là mình có hành Bát Nhã Ba-la-mật, lại cũng chẳng thấy là mình chẳng có hành Bát Nhã Ba-la-mật. Được như vậy là phá được cả hai chấp CÓ và KHÔNG, là được giải thoát.

Lại nữa, chẳng thấy mình có hành Bát Nhã Ba-la-mật là dứt các hý luận, chẳng thấy mình chẳng hành Bát Nhã Ba-la-mật là dứt tâm giải đãi. Ví như người cỡi ngựa mà thấy ngựa chạy quá mau thì phải kèm lại, thấy ngựa chạy quá chậm thì thúc ngựa chạy mau hơn. Như vậy là còn trụ chấp nơi tốc độ của con ngựa. Cũng như vậy, người hành Bát Nhã Ba-la-mật mà còn có phân biệt là mình có hành hay mình chẳng có hành là còn trụ chấp nơi tướng, là chưa được giải thoát.

Lại nữa, Phật dạy các pháp do duyên sanh mà có danh, có nghĩa vậy. Bồ tát biết rõ hết thầy pháp đều là tự tánh “không”, Bồ tát cũng chỉ là danh pháp, Bồ Đề cũng chỉ là

danh pháp, Bát Nhã Ba-la-mật cũng chỉ là danh pháp. Tất cả đều là “không”, đều là bất khả đắc.

KHÔNG nói ra đây, có nghĩa là danh cũng “không”, pháp cũng “không”.

KHÔNG nói ra đây có nghĩa là chẳng có một pháp nào được dựng lập, từ các pháp thô sắc dẫn đến pháp “không” vậy.

Tuy nhiên “không” cũng chẳng có ly sắc. Vì sao? Vì nhằm phá sắc mà nói “không”. Cũng như vậy, “không” cũng chẳng có ly thọ, tưởng, hành, thức. Tất cả 5 ấm đều “không”.

-o0o-

Trước đây nói “chẳng thấy có Bồ tát, chẳng thấy có danh tự Bồ tát, chẳng thấy có Bát Nhã Ba-la-mật...”. Nay nói chẳng thấy luôn các nhân duyên tạo lập ra các danh tự Bồ tát, Bồ Đề, Bát Nhã Ba-la-mật... Bởi vậy nên nói là rốt ráo “không”.

-o0o-

Trong quá trình thật hành Bát Nhã Ba-la-mật, Bồ tát trải qua hai giai đoạn:

- Khi chưa thành tựu, thì rõ biết thật tướng các pháp đều là “không”, là bất khả đắc, là vô sanh.

- Khi đã thành tựu thì rõ biết tánh của các pháp cũng tức là tánh của Bồ Đề, của Niết bàn.

Hỏi: Thế nào gọi là vô sanh? Trước có sanh rồi sau mới có pháp, hay trước có pháp rồi sau mới có sanh, hay sanh và pháp có đồng thời với nhau?

Đáp: Sanh và pháp đều là bất khả đắc cả.

Như trước đây đã nói vô sanh tức là vô diệt. Là như hư không, nên cũng chẳng có cấu, chẳng có tịnh. Ví như mưa chẳng có thể làm ướt hư không, lửa chẳng có thể đốt cháy được hư không vậy. Vì sao? Vì bản tánh của hư không là vô sanh. Bồ tát biết rõ các pháp đều chẳng có sanh, chẳng có diệt, nên chẳng thấy cần phải ly các pháp. Vì sao? Vì có sanh có diệt, mới có cấu có tịnh, mới có hợp, có ly.

Phật dạy hết thầy pháp đều do duyên hòa hợp sanh. Chúng sanh do phân biệt, ức tướng mà đặt cho mỗi pháp một tên riêng. Như vậy là chẳng phải thật nghĩa. Vì sao? Vì thuyết mà chẳng thể thuyết (thuyết, bất khả thuyết) mới là nghĩa có thể thuyết (khả thuyết). Vì sao? Vì pháp chỉ có ở nơi danh tự, mà Bồ tát hành Bát Nhã Ba-la-mật chẳng thấy hết thầy danh tự vậy.

Tóm lại, Bồ tát, Bát nhã, Bồ Đề... đều chỉ có ở nơi danh tự, đều là “không”. Nay nói hết thầy pháp đều chẳng thể thấy (bất khả kiến). Vì sao? Vì chẳng thấy tức là chẳng chấp, mà chẳng chấp tức là chẳng thể có được (bất khả đắc) vậy. Như vậy là Bồ tát được Đệ Nhất Huệ Nhãn. Với Huệ Nhãn này, Bồ tát chẳng thấy có một pháp nào có định tướng cả, nên chẳng chấp các pháp.

Hỏi: *Nếu Bồ tát chẳng chấp hết thầy pháp, thì vì sao lại chẳng vào Niết bàn?*

Đáp: Trước đây đã nói rõ về bản nguyện của Bồ tát. Đó là:

- Trên, niệm ân đức chư Phật trong 10 phương.
- Dưới, khởi tâm đại bi thương xót chúng sanh.

Vì chưa đầy đủ bản nguyện nên Bồ tát tinh tấn tu hành

Bát Nhã Ba-la-mật, dùng lực phương tiện Bát Nhã Ba-la-mật để hòa hợp 2 nguyện trên đây, chẳng còn tâm chấp, được nhân duyên nói pháp bình đẳng. Do chẳng sanh tâm chấp nên chẳng vào Niết bàn, vì biết rõ Niết bàn cũng chỉ là danh tự.

-o0o-

Phẩm Thứ Ba



Tập Tương Ứng (Tu Tập Tương Ứng)

KINH:

Phật dạy: “Này Xá Lợi Phất! Khi thật hành Bát Nhã Ba-la-mật, Bồ tát Ma-ha-tát nghĩ rằng Bồ tát chỉ là danh tự, Bát Nhã Ba-la-mật chỉ là danh tự, sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng chỉ là danh tự.

Này Xá Lợi Phất! Như ta cũng chỉ là danh tự, vì ngã là bất khả đắc. Cũng vậy, chúng sanh, mạng giả, sanh giả đều là bất khả đắc. Lại nữa, dưỡng dục giả, chúng số, nhân, tác giả, sử tác giả, năng khởi giả, sử khởi giả, thọ giả, kiến giả, tri giả... cũng đều là bất khả đắc cả. Lại nữa, bất khả đắc cũng chỉ là danh tự, là không. Bồ tát Ma-ha-tát thật hành Bát Nhã Ba-la-mật như vậy, nên chẳng thấy có ngã, chẳng thấy có chúng sanh, chẳng thấy có tri giả, kiến giả, dẫn đến cũng chẳng thấy các danh tự dùng để tuyên nói ra nữa.

LUẬN:

Trước đây đã nói nhiều về “không”. Nay nói về “tận không”.

Người tu hành quán các pháp đều “tận không”, đều là vô sở hữu. Vì sao? Vì nếu còn tự biết mình (năng tri) là người biết “không”, thì như vậy chưa phải là “tận không”. Người quán “không” cũng phải là “không” mới thật là “tận không”.

Lúc Phật còn tại thế, trong hàng Thanh Văn đều cho rằng đệ tử Phật đều biết các pháp đều là vô ngã. Thế nhưng 500 năm sau khi Phật nhập Niết bàn, các đệ tử của Phật lại chia ra làm hai phái, thuộc hai khuynh hướng khác nhau:

- Phái tin “pháp không”.
- Phái tin “chúng sanh không”.

Phái thứ hai cho rằng 5 âm quyết định là có, chỉ có người thọ 5 âm mới là không. Bởi vậy nên Phật dạy về chúng sanh không để rõ về pháp không.

Lại nữa, ngã không thì rất dễ biết, còn pháp không thì rất khó biết. Vì sao? Vì ở nơi ngã có 5 tình nên rất dễ xét thấy là bất khả đắc. Do sự chấp có thân mà ức tưởng phân biệt có ngã. Còn nói về pháp không thì khó có thể biết được. Vì sao? Vì mắt vẫn thường thấy sắc, tai vẫn thường nghe tiếng v.v... cho nên rất khó biết thế nào gọi là pháp không vậy.

Theo Bát Nhã Ba-la-mật thì tất cả đều không, như ở phẩm “18 KHÔNG” đã nói rõ.

Hỏi: *Ngã, chúng sanh, ... dẫn đến tri giả, kiến giả chỉ là một, hay mỗi mỗi đều sai khác?*

Đáp: Chỉ là một. Tất cả đều do nơi chấp ngã mà có. Thế nhưng do sự thấy biết mà phân biệt có sai khác.

Do tâm chấp 5 âm là “ngã”, từ đó khởi sanh có ngã và có ngã sở.

Lại nữa, do 5 âm hòa hợp mà có pháp gọi là “chúng sanh”, có thành tựu mạng căn gọi là thọ “mạng giả”. Khi đã có thọ mạng thì khởi ra các việc như cha mẹ sanh con... nên gọi là “sanh giả”. Cha mẹ sanh con rồi lại cung cấp thức ăn uống, áo quần, chăn mền... để nuôi con lớn, lại còn dạy dỗ cho con

thành người, nên gọi là “dưỡng dục giả”. Lại nữa, 5 âm, 12 nhập, 18 giới... đều là pháp duyên sanh, có số lượng nên gọi là “chúng số”. Lại nữa, ở trong loài người, hành các pháp của loài người, nên gọi là “nhân”. Có tay chân, có trí óc làm ra các sự việc, nên gọi là “tác giả”. Có năng lực khởi ra các sự việc, đặt cho mỗi sự việc một tên riêng, nên gọi là “sử tác giả”. Hay tạo ra các nghiệp tội phước, dẫn sanh thân đời sau, nên gọi là “năng khởi giả”. Khiến người khác khởi các nghiệp tội phước thì gọi là “sử khởi giả”. Thọ thân, thọ các quả báo tội phước thì gọi là “thọ giả”. Dùng mắt để thấy được sắc thì gọi là “kiến giả”. Dùng 5 thức để hay biết các sự việc thì gọi là “tri giả”. Nếu dùng mắt thường thấy sắc, dùng trí thể gian quán 5 âm, khởi sanh tà kiến thì gọi là “kiến giả thể gian”. Nếu dùng chánh kiến thấy 5 âm vô lậu, thì gọi là “kiến giả chân chánh”.

Như vậy do ngôn ngữ, danh tự mà các pháp được giả lập, nhưng nếu dùng trí để tầm cầu thì đều là bất khả đắc cả. Do ức tướng phân biệt mà giả danh các pháp vậy thôi. Đối với chư Phật, chư Bồ tát, chư Thánh Hiền thì các pháp đều là bất khả đắc cả.

Hỏi: *Thế gian dùng trí lập ra các danh pháp. Như vậy có bao nhiêu thứ danh pháp?*

Đáp: Lược nói thì có 16 thứ danh pháp. Nói rộng thì có vô lượng danh pháp. Đây là do các sự việc mà lập ra danh pháp thích nghi vậy, tùy theo từng đối tượng mà lập ra các danh pháp riêng khác nhau vậy...

Có đủ các nhân duyên hòa hợp sanh ra các danh pháp. Thế nhưng tự tánh các danh pháp ấy vốn là “không” vì tự tánh vốn “không”, nên là rốt ráo không.

KINH:

Này Xá Lợi Phất! Nếu Bồ tát Ma-ha-tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, thì, trừ trí huệ của Phật ra, trí huệ của Bồ tát hơn hết trí huệ của hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật. Vì sao? Vì Bồ tát dùng Bất Khả Đắc Không rõ biết các chỗ chấp về danh tự Bồ tát cùng hết thấy pháp danh tự đều là bất khả đắc cả.

Này Xá Lợi Phất! Do Bồ tát Ma-ha-tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, nên dù cho khắp cõi Diêm Phù Đề có các Tỷ-kheo nhiều trí huệ như Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên..., thì trí huệ của những Tỷ-kheo đó gộp lại, so với trí huệ của Bồ tát, trong trăm phần chẳng có được một, trong ngàn phần chẳng có được một... dẫn đến chẳng có toán số thí dụ nào có thể sánh được. Vì sao? Vì Bồ tát Ma-ha-tát dùng trí huệ độ thoát hết thấy chúng sanh.

LUẬN:

Có 2 nhân duyên khiến trí huệ của Bồ tát thắng hơn trí huệ của hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật. Đó là:

- Bồ tát dùng pháp KHÔNG, rõ biết hết thấy các pháp đều “không”, mà chẳng thấy “không”. Vì rõ biết “không” và “chẳng không” đều là bất khả đắc cả.

- Bồ tát dùng trí huệ độ thoát hết thấy chúng sanh, đưa họ vào Niết bàn.

Hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật chỉ dùng trí huệ quán pháp “không”, mà chẳng quán thể gian cùng Niết bàn bình đẳng.

Thanh Văn ví như người bị giam cầm trong ngục, đục tường, khoét vách để tự thoát thân. Bồ tát ví như người phá xiềng xích ngục tù, để tự giải thoát cho mình và giải thoát hết thấy tù nhân.

Bồ tát có trí huệ thắng hơn Thanh Văn vì Bồ tát thường trú trong hai pháp là:

- Thường trú trong Đại Bi.
- Thường trú trong Bát Nhã Ba-la-mật.

Lại có 2 pháp nữa là:

- Thường trú trong thiền định.
- Thông đạt pháp tánh.

Lại có 2 pháp nữa là:

- Thường thay chúng sanh thọ khổ.
- Thường xả hết thảy các niềm vui riêng của mình.

Lại có 2 pháp nữa là:

- Thường khởi tâm từ, chẳng hề sanh oán hận.
- Thường phát tâm làm các công đức, chẳng hề trụ chấp nơi công đức, mà chỉ muốn trang nghiêm trí huệ.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát có trí huệ thù thắng hơn trí huệ của hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật.

Hỏi: *Đối với các vị độn căn trong hàng Thanh Văn thì nói như vậy là hợp lý. Nhưng đối với các bậc lợi căn thượng trí như các ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên... thì làm sao có thể thí dụ như vậy được?*

Đáp: Phật dùng thí dụ nêu trên đây là để trang nghiêm luận nghị, khiến người nghe sanh tín tâm. Lại nữa, dùng 5 tình để làm thí dụ là dùng ý thức, khiến chúng sanh dễ được giác ngộ.

Ví như có dùng thang mới leo lên cao được. Vì chúng sanh đắm chấp các lạc thú thế gian, nên khi nghe nói đến đạo

Niết bàn thì khó tin, khó sanh được tâm hoan hỷ. Bởi vậy phải nói đến các pháp mà mắt có thể thấy được, tai có thể nghe được, để dùng làm dụ.

Lại nữa, ví như trong cõi Diêm Phù Đề có 500 châu. Tất cả các châu đó, dù lớn dù nhỏ cũng đều ở trong cõi Diêm Phù Đề cả. Cũng như vậy, các ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên... dù đều là những bậc đại trí huệ, nhưng cũng vẫn trong hàng Thanh Văn. Phật dùng thí dụ như vậy để chúng sanh thấy rõ rằng trí huệ của hàng Thanh Văn kém xa trí huệ của hàng Bồ tát vậy.

Hỏi: Phật có rất nhiều đệ tử. Vì sao chỉ thường nói một số vị như các ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên... mà thôi?

Đáp: Vì trong các đệ tử của Phật, ngài Xá Lợi Phất là bậc trí huệ đệ nhất, ngài Mục Kiền Liên là bậc thần thông đệ nhất... Cả hai vị này, ở trong Phật pháp cũng như ở ngoài đời đều xứng danh là đại đệ tử của Phật. Còn các vị đại đệ tử khác của Phật ở ngoài đời ít ai biết đến.

Lại nữa, 2 vị này là những bậc trợ đạo cho đại chúng, đối với hàng ngoại đạo thì hai ngài là những bậc có nhiều thành tích phá các tà thuyết ngoại đạo.

Lại nữa, Phật thường nói đến hai ngài, vì Ngài Xá Lợi Phất đại diện cho hết thảy các bậc đại trí huệ, ngài Mục Kiền Liên đại diện cho hết thảy các bậc đại thiên định.

Nên biết có 2 cách dẫn thí dụ. Đó là:

- Giả mượn thí dụ.
- Thật sự lấy làm thí dụ.

Trên đây là trường hợp giả mượn làm thí dụ.

Hỏi: *Vì sao nói: “Trong một trăm phần, trong một ngàn phần... chẳng có được một”?*

Đáp: Đây là một hình thức để diễn tả sự cách biệt quá lớn.

Trong kinh *Thanh Văn* thường nói: “Trong 16 phần chẳng bằng được một”.

Trong kinh *Đại Thừa Ma Ha Diễn* thường nói: “Chẳng có toán số thí dụ nào có thể sánh được”.

-o0o-

KINH:

Này Xá Lợi Phất! Chẳng phải chỉ hạn cuộc trong cõi Diêm Phù Đề, mà rộng ra trong cả đại thiên thế giới, dẫn đến trong hằng sa thế giới khắp 10 phương, dù có đầy đầy những bậc đại trí huệ, như ngài Xá Lợi Phất, ngài Mục Kiền Liên..., thì trí huệ của tất cả các vị ấy tổng hợp lại cũng chẳng sao bì kịp trí huệ của Bồ tát.

Này Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma-ha-tát thật hành Bát Nhã Ba-la-mật, tu tập trí huệ trong một ngày, cũng đã thắng hơn hết thảy các hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật.

Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Bạch Thế Tôn! Trí huệ của Thanh Văn, trí huệ của Bích Chi Phật, trí huệ của Bồ tát, trí huệ của Phật đều chẳng có sai biệt, vì đều là tánh không, đều là vô sanh cả. Như vậy vì sao Thế Tôn lại dạy rằng Bồ tát thật hành Bát Nhã Ba-la-mật, tu tập trí huệ trong một ngày, cũng đã thắng hơn các hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật?”

Phật dạy: “Này Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma-ha-tát thật hành Bát Nhã Ba-la-mật trong một ngày, với tâm niệm

rằng: Ta tu tập trí huệ nhằm lợi ích cho tất cả chúng sanh; ta sẽ dùng Nhất thiết chủng trí để biết rõ Thật Tướng của hết thảy các pháp, nhằm độ thoát hết thảy chúng sanh.

Này Xá Lợi Phất! Ý ông nghĩ sao? Hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật có tu tập trí huệ để làm những việc như vậy không?

Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Bạch Thế Tôn! Chẳng vậy”.

Phật dạy: “Này Xá Lợi Phất! Hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật có nguyện được thành Phật để độ thoát hết thảy chúng sanh, khiến họ đều được vào Vô Du Niết bàn, như các Bồ tát không?”.

Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Bạch Thế Tôn! Chẳng vậy”.

Phật dạy: “Này Xá Lợi Phất! Bởi nhân duyên vậy, nên biết rằng trí huệ của hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật so với trí huệ của Bồ tát, trong một trăm phần chẳng có được một, trong một ngàn phần chẳng có được một..., dẫn đến chẳng có toán số thí dụ nào có thể sánh được”.

Này Xá Lợi Phất! Hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật có nguyện thật hành 6 pháp Ba-la-mật, thành tựu chúng sanh, trang nghiêm Phật độ, đầy đủ 10 lực, 4 vô sở úy, 4 ngại vô trí, 18 bất cộng pháp, để độ thoát vô lượng chúng sanh đến quả Niết bàn như các Bồ tát không?”.

Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Bạch Thế Tôn! Chẳng vậy”.

Phật dạy: “Này Xá Lợi Phất! Ví như loài đom đóm kia chẳng bao giờ nghĩ rằng mình như mặt trời mọc, tỏa ánh sáng chiếu khắp cõi Diêm Phù Đề. Cũng như vậy, hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật chẳng có niệm như Bồ tát rằng: Ta thật hành 6 pháp Ba-la-mật dẫn đến thật

hành 18 bất cộng pháp, để được Vô Thượng Bồ Đề nhằm độ thoát vô lượng chúng sanh đến quả Niết bàn.

LUẬN:

Số Thanh Văn có nhiều bao nhiêu đi nữa, thì trí huệ cũng chẳng sao bì kịp được trí huệ của Bồ tát. Trí huệ của Bồ tát ví như lửa. Chỉ một tia lửa nhỏ cũng đã có thể đốt cháy, thiêu rụi cả một khu rừng.

Ví như ánh sáng của hằng sa ngọn đèn góp lại cũng chẳng sao sánh được với ánh sáng mặt trời, ví như hằng sa ngọc châu ở khắp cả thế giới cũng chẳng sao có giá trị bằng một viên kim cương châu. Trí huệ của Bồ tát là gốc của hết thầy Phật pháp, khiến cho hết thầy chúng sanh được lìa khổ, thêm vui.

Ví như chim Ca Lãng Tân Già vừa mới nở ra khỏi trứng đã có tiếng hót hay hơn cả hết thầy các loài chim khác. Trí huệ của Bồ tát cũng là như vậy. Khi còn chưa tận các lậu, mà đã thắng hơn hết thầy các hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật, huống nữa là khi đã thành Phật.

Lại nữa, ví như Thái tử của vị Chuyển Luân Thánh Vương, khi chưa lên ngôi báu, mà đã có oai đức thắng hơn hết thầy các vị vua khác, huống nữa là khi đã thành Chuyển Luân Thánh Vương. Bồ tát tuy chưa thành Phật, nhưng đã tu tập phước đức, trí huệ trong vô lượng A tăng kỳ kiếp, nên có trí huệ thắng hơn hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật.